MỤC LỤC

Trang

I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU VÀ CÁC CĂN CỨ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG.....1

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI.....4

III. NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG THỊ XÃ NGÃ NĂM 20

1. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch 20
2. Tính chất đô thị.....20
3. Dự báo quy mô dân số xây dựng đô thị.....20
4. Dự báo quy mô đất đô thị 22
5. Dự báo chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật 23

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ.....25

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI.....35

1. Phân khu chức năng 35
2. Hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội 36
1. Định hướng sử dụng đất đến năm 2025 37
2. Định hướng sử dụng đất đến năm 2035 37

VII. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 38

VIII. QUY HOẠCH TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN.....39

IX. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT 39

1. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật 40
2. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông 41
3. Quy hoạch cấp nước sạch.....45
4. Định hướng cấp điện 46
5. Định hướng thoát nước thải và vệ sinh môi trường 47
6. Thu gom, xử lý chất thải rắn 48
7. Nghĩa trang.....48
8. Thông tin liên lạc.....48

X. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ 49

XI. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC (ĐMC) 51

XII. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ.....60

1. Các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2025.....60
2. Các dự án tiếp tục đầu tư đến năm 2035 62
3. Nguồn lực đầu tư.....62

XIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....62

THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH CHUNG THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG ĐẾN NĂM 2035

I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU VÀ CÁC CĂN CỨ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG

Thông tin chung: Thị xã Ngã Năm nằm ở phía Tây, thuộc vùng trũng của tỉnh Sóc Trăng. Thị xã được thành lập vào năm 2013 theo Nghị Quyết số 133/NQ-CP, ngày 29/12/2013 của Chính phủ, có tổng diện tích tự nhiên là 24.224,35 ha với dân số năm 2015 là 80.775 nhân khẩu, 08 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 03 phường (1, 2, 3) và 5 xã (Vĩnh Quới, Mỹ Quới, Mỹ Bình, Tân Long, Long Bình). Địa giới hành chính thị xã Ngã Năm như sau:

- Phía Bắc giáp với huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- Phía Nam giáp với huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Đông giáp với huyện Mỹ Tú và huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Tây giáp với huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Thị xã Ngã Năm nằm dọc theo kênh Quản lộ - Phụng Hiệp với khu vực nội thị nằm tại nơi giao nhau của 5 tuyến giao thông đường thủy huyết mạch kết nối với tỉnh Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, giao lưu thương mại với toàn khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Những yếu tố trên đã tạo cho thị xã Ngã Năm nhiều thuận lợi trong việc mở rộng mối quan hệ giao lưu văn hóa, tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật, thúc đẩy phát triển nhanh kinh tế công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp.

1. Lý do và sự cần thiết lập đồ án quy hoạch chung đô thị:

Thị xã Ngã Năm được thủ tướng chính phủ ban hành Nghị Quyết số 133/NQ-CP, ngày 29 tháng 12 năm 2013 về việc thành lập thị xã Ngã Năm và 3 phường thuộc thị xã Ngã Năm. Thị xã Ngã Năm có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng. Là cửa ngõ phía Tây của tỉnh, là đầu mối giao thông quan trọng, là nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp cùng với tài nguyên thiên nhiên đa dạng phong phú, Ngã Năm có lợi thế để phát triển đa dạng các ngành sản xuất và dịch vụ.

Trong những năm qua, thị xã Ngã Năm đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần nhân dân. Tuy nhiên, thị xã Ngã Năm cũng gặp không ít khó khăn, thách thức như chất lượng phát triển kinh tế - xã hội còn thấp; cơ sở vật chất còn hạn chế so với yêu cầu phát triển; Tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác ở trình độ cao, chưa tương xứng với tiềm năng của thị xã.

Mặt khác, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 đặt ra phải cao gấp 1,1-1,2 lần mức bình quân chung của đồng bằng sông Cửu Long đòi hỏi Ngã Năm cần phải tăng tốc phát triển kinh tế trong thời gian tới. Bên cạnh đó, quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thị xã diễn ra trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động đòi hỏi phải có tầm nhìn chiến lược để tận dụng thế mạnh của nguồn lực nhằm phát huy lợi thế của thị xã.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thị xã đến năm 2020 đã được phê duyệt và xác định nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của thị xã; đề ra phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện khách quan, với quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh, của vùng ĐBSCL; Đưa mục tiêu phát triển kinh tế gắn với an sinh xã hội, bảo vệ quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái.

Từ những vấn đề nêu trên để cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, giúp cho chính quyền thị xã làm cơ sở quản lý, đầu tư các cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị để phát triển kinh tế xã hội phát triển đô thị một cách bền vững phù hợp các chiến lược phát triển đô thị và thu hút đầu tư, việc lập Quy hoạch chung thị xã Ngã Năm đến năm 2035 là hết sức cần thiết.

2. Mục tiêu lập quy hoạch và yêu cầu phát triển đô thị

2.1. Mục tiêu lập quy hoạch

- Quy hoạch chung thị xã Ngã Năm - tỉnh Sóc Trăng nhằm cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Xác định chức năng là đô thị phát triển về: Dịch vụ - Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp thúc đẩy quá trình đô thị hóa, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của vùng cửa ngõ phía Tây tỉnh Sóc Trăng với trung tâm kinh kế - chính trị của vùng ĐBSCL là thành phố Cần Thơ và trung tâm kinh tế số 1 của cả nước là thành phố Hồ Chí Minh, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh Sóc Trăng, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững kinh tế xã hội của huyện và của tỉnh. Tạo động lực nâng cao điều kiện sống của nhân dân trong đô thị.

- Xác lập các văn bản pháp lý về quản lý xây dựng theo quy hoạch. Làm cơ sở quản lý đô thị theo quy hoạch, triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng đô thị, hấp dẫn các dự án đầu tư cho phát triển đô thị. Đầu tư các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị hoàn chỉnh để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho toàn thị xã.

- Phát triển cân bằng, bền vững giữa vùng công nghiệp với cảnh quan chung. Đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, bảo vệ môi trường cảnh quan.

2.2. Yêu cầu phát triển đô thị

- Quy hoạch phát triển thị xã Ngã Năm đảm bảo theo hướng phát triển đô thị bền vững, phù hợp với quan điểm phát triển và hội nhập với các đô thị trong tỉnh Sóc Trăng đặc biệt là thành phố Sóc Trăng nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Quy hoạch phải triệt để khai thác các yếu tố tiềm năng về công nghiệp, dịch vụ, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, phù hợp với các quy hoạch khác của tỉnh. Quy hoạch các phân khu chức năng đảm bảo hợp lý cho sự phát triển trong tương lai.

- Phân kỳ để đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các khu chức năng mới đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển đô thị.

- Kế thừa các nghiên cứu quy hoạch đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt tại khu vực thị xã hiện nay.

- Phát huy lợi thế vị trí địa lý nằm ở cửa ngõ phía Tây của thành phố Sóc Trăng với tỉnh Hậu Giang, thành phố Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh. Khai thác quỹ đất dọc trên các tuyến giao thông Quốc gia.

- Quy hoạch các khu chức năng đô thị đảm bảo phát huy tiềm năng sẵn có và tạo động lực phát triển đô thị.

- Là đô thị xanh, đẹp, tiện nghi, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo môi trường sống, làm việc, học tập, nghỉ ngơi, thuận lợi cho con người.

- Xây dựng đô thị mới hiện đại có tính đặc thù, đồng bộ về hạ tầng đô thị, đảm bảo hợp lý cho sự phát triển trong tương lai.

3. Các căn cứ pháp lý quy hoạch chung

- Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội;

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về Phân loại đô thị của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

- Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ về việc thành lập thị xã Ngã Năm và các phường thuộc thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn nội dung thiết kế đô thị;

- Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng, kèm theo quyết định này "QCXD: 01/2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng";

- Quyết định số 2140/QĐ-TTg ngày 8/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch cấp nước Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 15/01/2018 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 19/4/2010 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ngã Năm, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, tỷ lệ 1/5.000;

- Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ngã Năm, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 08/4/2011 của UBND thị xã Ngã Năm, về việc ban hành Quy chế quản lý xây dựng đô thị thị trấn Ngã Năm, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 379/QĐ-CTUBND ngày 30/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 309/UBND-TH ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc lập quy hoạch chung xây dựng trung tâm thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UNND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng trung tâm thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030;

- Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UNND tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn số 2613/BXD-QHKT ngày 19/10/2018 của Bộ Xây dựng về việc góp ý quy hoạch chung thị xã Ngã Năm đến năm 2030.

- Biên bản thẩm định số 32/BBTĐQH-SXD ngày 17/12/2018 của Sở Xây dựng về việc thẩm định hồ sơ quy hoạch chung thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035.

4. Các số liệu thu thập và cơ sở bản đồ

Các số liệu trong Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ngã Năm đến năm 2020;

Các bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng, dự án khác có liên quan đến khu vực nghiên cứu;

Bản đồ hệ thống giao thông tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020;

Niên Giám thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2017;

Các bản đồ: Bản đồ không ảnh, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình của khu vực quy hoạch.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí và phạm vi nghiên cứu quy hoạch

Thị xã Ngã Năm nằm ở cửa ngõ phía Tây của tỉnh Sóc Trăng, cách thành phố Sóc Trăng 60km và cách TP.Cần Thơ 80km theo đường QL1A. Tổng diện tích tự nhiên theo niên giám thống kê của tỉnh Sóc Trăng năm 2017 là 24.215,13ha.

- Phía Bắc giáp với huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- Phía Nam giáp với huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Đông giáp với huyện Mỹ Tú và huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Tây giáp với huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Thị xã Ngã Năm là một trong các đô thị trọng tâm thuộc tiểu vùng ven biển và hải đảo của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng là đầu mối giao thông quan trọng, là nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp cùng với tài nguyên thiên nhiên đa dạng phong phú, Ngã Năm có lợi thế để phát triển đa dạng các ngành sản xuất và

dịch vụ. Với lợi thế về giao thông thủy, bộ tạo điều kiện thuận lợi để phát triển toàn diện các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các ngành dịch vụ. Đặc biệt coi trọng thu hút các dự án đầu tư vào phát triển một số vùng sản xuất nông nghiệp, kinh tế trang trại, và cung cấp sản phẩm nông sản thực phẩm sạch cho thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận.

2. Điều kiện tự nhiên

2.1. Địa hình, địa mạo

Địa hình ở đây tương đối bằng phẳng. Tuy nhiên, nếu xét chi tiết thị xã Ngã Năm có thể chia thành hai vùng địa hình có độ sâu ngập và thời gian ngập tương đối khác biệt nhau:

Vùng 1: Khoảng 1/2 diện tích thuộc phần đất phía Đông của thị xã theo hướng huyện Mỹ Tú. Đây là vùng thấp theo mặt bằng chung của thị xã, bao gồm các xã: Tân Long, Phường 2, Long Bình và Phường 1 có độ ngập sâu từ 60 - 100 cm, thời gian kéo dài khoảng 3 đến 5 tháng.

Vùng 2: Khoảng 1/2 diện tích thuộc phần đất phía Tây của thị xã theo hướng tỉnh Bạc Liêu. Đây là vùng cao theo mặt bằng chung của thị xã, có độ sâu ngập từ 30 -60 cm, thời gian ngập kéo dài khoảng 2 đến 2,5 tháng, bao gồm các xã: Mỹ Bình, Mỹ Quới, Vĩnh Quới, Phường 3. Tình hình ngập sâu ở khu vực này không đồng đều. Một số ít diện tích các xã Vĩnh Quới, Phường 3 và Mỹ Quới có độ sâu ngập nhiều hơn và thời gian ngập cũng lâu hơn so với toàn khu vực.

2.2. Khí hậu thời tiết

Thị xã Ngã Năm mang những đặc điểm chung của khí hậu Đồng bằng sông Cửu Long có chế độ khí hậu gió mùa cận xích đạo với nền nhiệt cao đều quanh năm, lượng mưa lớn phân hoá theo mùa. Một năm có hai mùa: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11; mùa khô bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

Chế độ nhiệt: Có nền nhiệt cao ít biến động, nhiệt độ trung bình hàng năm là 26,8°C, biên độ nhiệt ngày và đêm khá lớn, mùa khô chênh lệch nhiệt độ ngày - đêm khoảng từ 7 - 10°C, mùa mưa chênh lệch nhiệt độ ngày - đêm thấp chỉ khoảng 4 - 7°C.

Lượng mưa: Lượng mưa trung bình năm là 1.840 mm phân bố không đều theo mùa. Lượng mưa vào các tháng mùa mưa chiếm tới 90% lượng mưa cả năm, tập trung nhiều vào các tháng 8 đến tháng 11 (trong đó tháng 9 và tháng 10 có lượng mưa cao nhất trong năm khoảng 675 mm/tháng). Mùa khô lượng mưa chỉ chiếm 10% lượng mưa cả năm, thời kỳ khô hạn nhất là vào các tháng 12,1,2, 3.

Nắng: Tổng số giờ nắng bình quân hàng năm khoảng 2.372 giờ. Số giờ nắng trung bình là 6,5 giờ/ngày, đặc biệt từ tháng 2 đến tháng 4 có số giờ nắng trong ngày rất cao và dao động trong khoảng từ 8,7 đến 9,4 giờ nắng/ngày; các tháng 9 và 10 có số giờ nắng thấp nhất từ 4,6 đến 4,65 giờ/ngày.

Độ ẩm không khí trung bình 83 - 84% biến đổi theo mùa và theo gió mùa. Các tháng mùa khô (từ tháng 1 đến tháng 4) độ ẩm không khí khoảng 76 - 79%, các tháng mùa mưa (tháng 6 đến tháng 11) khoảng 80 - 88%.

Lượng bốc hơi: Lượng bốc hơi hàng năm tương đối ổn định, ít biến động, trung bình năm là 1.898 mm.

Gió: có 2 hướng gió chính là gió Đông Bắc thổi vào mùa khô; Gió Tây Nam thổi vào mùa mưa, tốc độ gió trung bình năm 3,9 m/s, tốc độ gió cao nhất vào tháng 12 là 4,9 m/s, thấp nhất vào tháng 9 là 3,1 m/s.

2.3. Thủy văn

Thị xã Ngã Năm nằm hai bên bờ kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp, mỗi ngày có hai lần triều lên và xuống, mực nước triều cao nhất khoảng 0,8 - 0,9 m. Ngoài ra trên địa bàn thị xã còn có hệ thống sông, ngòi, kênh rạch chằng chịt, hệ thống kênh mương nội đồng đảm bảo đủ nước tưới cho hai vụ lúa chính. Tuy nhiên, nguồn nước sông thường bị xâm nhập mặn mùa khô theo tuyên Kênh Xáng - Phụng Hiệp, đặc biệt các xã phường giáp tỉnh Bạc Liêu, gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của địa phương.

2.4. Tài nguyên

2.4.1. Tài nguyên đất

Đất là tài nguyên quý giá của đất nước, đối với đất thị xã Ngã Năm có vị trí khá quan trọng của tỉnh, là vùng đất phù hợp cho việc sản xuất cây lương thực, cây rau màu. Với địa thế bằng phẳng, hệ thống kênh, rạch chằng chịt rất thuận lợi cho việc rửa phèn, cải tạo đất và giao thông thủy. Tuy nhiên cùng với sự khai thác nguồn lợi từ đất cần có biện pháp bảo vệ tài nguyên đất cho thích hợp.

Theo kết quả nghiên cứu xây dựng bản đồ đất cho thấy, đất thị xã Ngã Năm gồm 03 nhóm chính:

* *Nhóm đất phèn:* bao gồm hai loại đất chính: Đất phèn tiềm tàng nhiễm mặn đọng mùn và đất phèn hoạt động nhiễm mặn đọng mùn. Ngoài hạn chế do các độc chất phèn (chua, Al3+, Fe2+, $SO_4$2-); hai loại đất này vẫn còn bị nhiễm mặn ít, chân mặn vẫn còn. Tình trạng chồng lắp và xen lẫn hai yếu tố hạn chế phèn và chân mặn không chỉ tạo ra một diễn biến phức tạp về mặt hóa học mà còn gây trở ngại lớn cho vấn đề sử dụng đất và môi trường.

- Đất phèn tiềm tàng nhiễm mặn đọng mùn: được phân bố tại các khu vực tương đối trũng như xã Long Bình, Phường 3 và một phần của xã Vĩnh Quới hướng về phía Bạc Liêu song song với kênh xáng Quản lộ - Phụng Hiệp.

- Đất phèn hoạt động nhiễm mặn đọng mùn được phân bố rãi rác tại các xã, phường trên địa bàn thị xã, tập trung nhiều nhất ở Phường 1, 2, 3 và xã Tân Long.

* *Nhóm đất mặn:*

Là vùng đất ngập mặn đã được ngọt hóa cùng với các yếu tố tự nhiên (hệ thống sông ngòi, thời gian mưa, lượng mưa,...) và hoạt động sản xuất (tưới tiêu, thau chua rửa mặn, thay đổi cơ cấu cây trồng,...) cũng như những tác động của con người để thay đổi mục tiêu sử dụng là những nhân tố hạn chế sẽ quyết định diễn biến của đất mặn về diện tích mặn, mức độ mặn và động thái mặn. Vì vậy, diễn biến của đất mặn tương đối đa dạng dẫn đến ranh giới mặn, diện tích các đơn vị đất mặn ít, mặn trung bình hay mặn nhiều thường thay đổi theo mùa vụ và qua các năm. Nhóm đất mặn bao gồm 3 loại:

- Đất mặn ít: Đất mặn ít của thị xã được dao động từ ít chua đến trung tính và kiềm yếu (pHKCl = 5,0 - 7,5). Đa số đất có hàm lượng chất hữu cơ ở tầng đất mặt từ 1 - 2,5%, đất có cấu trúc tốt, độ phì khá, các chất dinh dưỡng cân đối, ít hạn chế đối với việc tổ chức sử dụng đất nông nghiệp. Nhìn chung loại đất này thích hợp cho việc trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái, cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày. Ngoài ra còn có thể phát triển nuôi trồng thủy sản; nuôi cá trong vèo ở các con kênh lớn tạo thêm thu nhập cho người dân chủ yếu tập trung nhiều ở các xã Tân Long, phường 2,...

- Đất mặn trung bình: Loại đất này nằm ở các khu vực có địa hình ít thoát nước, đất có tầng giây mạnh ở độ sâu từ 0 - 50 cm hoặc 50 - 125 cm. Đất có thành phần cơ giới nặng, phổ biến là đất sét. Loại đất này thích hợp cho trồng lúa, nuôi trồng thủy sản,... Tập trung nhiều ở Phường 1, 2 và xã Vĩnh Quới,...

- Đất mặn nhiều: Tập trung nhiều ở xã Mỹ Quới, Tân Long và một phần ở xã Mỹ Bình, Đất có Cl > 0,25%, tổng số muối tan: 0,40 - 1,00% và EC > 4ms/cm. Về mùa mưa các trị số trên có thể thấp hơn, đất có thành phần cơ giới từ sét đến limon hay thịt pha sét. Loại đất này thích hợp cho trồng lúa đặc sản chất lượng cao, tuy nhiên cần quan tâm đến vấn đề thủy lợi để cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

2.4.2. Tài nguyên nước

Ngã Năm có nguồn nước ngọt phong phú bao gồm nước mặt, nước ngầm và nước mưa. Ngoài ra nguồn nước mặt tại khu vực phù hợp trong việc trồng trọt, nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên cũng cần phải có biện pháp bảo vệ tốt để không bị nước mặn xâm nhập.

Tương tự như các huyện khác, trên địa bàn thị xã có trữ lượng nước ngầm lớn, xong nguồn nước có chất lượng tốt nằm khá sâu, nên chỉ khai thác cho phục vụ sinh hoạt. Ngoài ra có hệ thống sông ngòi phân bố khắp xã, phần nào đảm bảo về số lượng, chất lượng phục vụ nước sinh hoạt cho người dân, tuy nhiên nguồn nước mặt có thể bị ô nhiễm do hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

2.4.3. Tài nguyên thủy sản

Nguồn tài nguyên thủy sản của thị xã Ngã Năm là thủy sản nước ngọt với đặc tính đa dạng và phong phú như cá lóc, rô đồng, trê, sặc rằn, thát lát, chim trắng, cá tra, mè vinh, hường, mè trắng, rô phi, … và một số loài thủy sản đặc sản khác như: Ba ba, cá sấu, rùa, lươn, ếch. Thủy sản tự nhiên tại các sông rạch không đáng kể, chủ yếu là thủy sản nuôi trong các mô hình lúa – cá, tràm – cá và trong các ao mương. Với đặc tính này, sự phát triển của ngành thủy sản phụ thuộc vào khả năng đầu tư nuôi thủy sản và các điều kiện thị trường.

2.4.4. Tài nguyên rừng

Toàn thị xã Ngã Năm có 661,68 ha đất rừng sản xuất. Đất rừng phân bố tập trung ở Phân trường Thạnh Trị thuộc xã Long Bình, ngoài ra còn ở một số xã trồng tràm lẻ xen lẫn với cây lâu năm khác không đáng kể. Ở đây có hệ thống thực vật chủ yếu là tràm, dừa nước,... là nơi cư trú của nhiều loài động vật, thực vật hoang dã và là môi trường thuận tiện cho các loài thủy hải sản phát triển.

Nguồn tài nguyên rừng trên địa bàn thị xã chiếm 2,7% tổng diện tích tự nhiên, có giá trị về kinh tế và môi sinh, đóng vai trò quan trọng đến phát triển bền vững như chống mặn hóa, bảo vệ cân bằng sinh thái trong vùng. Đặc biệt, phát triển được các điểm có tiềm năng rất lớn trong việc phát triển du lịch sinh thái như vườn cò xã Long Bình.

Hiện nay đã giao đất rừng cho Công ty Lâm nghiệp Sóc Trăng quản lý và hướng phát triển tới đây sẽ thu hút nhà đầu tư để phát triển ngành nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp như dự án Nhà máy chế biến nông lâm thủy sản và trang trại chăn nuôi bò sữa, trại giống, qua đó góp phần phát triển kinh tế và tạo việc làm cho số lao động đang dư thừa không có việc làm của địa phương.

2.4.5. Tài nguyên nhân văn

Lịch sử hình thành vùng đất và con người của Ngã Năm gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của các dân tộc tỉnh Sóc Trăng và Đồng bằng sông Cửu Long nói chung, ở đây có 3 dân tộc anh em sinh sống là dân tộc Kinh, Khmer, Hoa. Người dân thuộc các dân tộc trong thị xã luôn đoàn kết một lòng khai hoang lập ấp, chống chọi với thiên nhiên, đánh đuổi giặc ngoại xâm đã tạo cho con người Ngã Năm đặc tính không chịu khuất phục trước thiên nhiên, anh dũng, kiên cường trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm, cần cù năng động sáng tạo trong lao động sản xuất.

Ngày nay cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân thị xã Ngã Năm luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, cần cù sáng tạo trong lao động, sản xuất. Đã đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các mặt kinh tế - văn hóa - xã hội. Mặt khác kế thừa những thành quả đã đạt được, tranh thủ thời cơ, phát huy truyền thống vốn có, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân thị xã Ngã Năm đang vững bước tiến vào thế kỷ XXI, cùng với cả nước, tỉnh Sóc Trăng vượt qua những khó khăn thách thức thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Nền văn hoá ở Ngã Năm mang đậm bản sắc văn hoá vùng Đồng bằng sông Cửu Long là nền "Văn minh sông nước, văn hoá miệt vườn". Là địa bàn sinh sống chủ yếu của người Kinh và số ít là Khmer, Hoa, vì vậy nền văn hoá mang những nét văn hoá đặc sắc riêng của từng dân tộc, tuy mỗi dân tộc có phong tục tập quán riêng nhưng bao đời nay vẫn sống hoà thuận, đoàn kết, hội nhập vào cộng đồng chung và đã cùng nhau tạo nên một bản sắc văn hoá độc đáo. Nét văn hoá đặc biệt nhất ở đây chính là đờn ca tài tử đã thấm sâu vào lòng người, được nhân dân trong và ngoài nước biết đến, Đờn ca tài tử luôn được trau dồi, rèn giũa và gìn giữ như một nét đẹp truyền thống trong sinh hoạt văn hoá của nhân dân vùng sông nước Đồng bằng sông Cửu Long.

Kế tục và phát huy truyền thống của cha ông ta ngày xưa, ngày nay Đảng bộ và nhân dân Ngã Năm đang ra sức phấn đấu xây dựng thị xã trở thành "thị xã đô thị phát triển toàn diện".

2.5. Môi trường

Cùng với việc tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, thị xã Ngã Năm đặc biệt quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường để phát triển thị xã bền vững, đạt chuẩn văn minh đô thị và xứng tầm là một trong những đô thị xanh sạch đẹp của tỉnh. Trong thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thị xã đã có những chuyển biến tích cực, nhận thức về bảo vệ môi trường trong các cấp, các ngành và nhân dân đã được nâng lên, mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã từng bước được hạn chế, tình trạng nước tù đọng, rác thải, ... đã từng bước được khắc phục, rác được thu gom và xử lý kịp thời, làm cho thị xã trở nên sạch, đẹp hơn. Cụ thể là:

Trong năm 2017 thu gom rác hiện tại mỗi bãi rác chuyên chở bằng xe cơ giới, đảm bảo thu gom trong ngày đối với rác thải sinh hoạt tại các chợ và khu dân cư đến các bãi rác tập trung, rác thải được phân loại xử lý đúng quy trình. Tỷ lệ xử lý rác hợp vệ sinh ở các địa phương như phường 1, phường 2, phường 3, xã Mỹ Quới và xã Tân Long đạt tiêu chuẩn môi trường 85,61%, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, công nghiệp, làng nghề đạt tiêu chuẩn môi trường 53,08%, tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải y tế so với chỉ tiêu thị xã đạt 100%. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh ở khu vực nông thôn đạt 98,03%, so với chỉ tiêu thị xã đạt 99%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch ở khu vực đô thị: 98,0%, so với chỉ tiêu thị xã đạt 99%.

3. Hiện trạng về phát triển kinh tế xã hội

3.1. Tăng trưởng kinh tế

Ngã Năm mới được chia tách và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2004, đến năm 2014 được nâng cấp lên thành thị xã với cơ sở hạ tầng còn yếu kém, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trình độ dân trí ở một số xã còn thấp; hàng năm lại thường xuyên bị nước mặn xâm nhập sâu nên ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân trong thị xã, đặc biệt là tình trạng lạm phát và suy giảm kinh tế, tình hình sản xuất và kinh doanh khó khăn, chịu nhiều rủi ro đã tác động rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế của thị xã.

Năm 2017, tuy gặp nhiều khó khăn, thách thức và chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu, nhất là nước mặn xâm nhập ngày càng sâu, song tình hình kinh tế thị xã phát triển ổn định và toàn diện trên các lĩnh vực, thị xã Ngã Năm tiếp tục có chuyển biến tích cực. Các lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, chính sách an sinh xã hội được triển khai kịp thời tạo được sự đồng thuận trong nhân dân. An ninh chính trị tiếp tục được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Nhiều công trình kết cấu hạ tầng được xây dựng mới như: trung tâm thương mại, cầu, đường, thư viện, trạm y tế, trường học.., cùng với việc nâng cấp chỉnh trang đô thị, xây dựng các tuyến đường giao thông (ôtô) đến trung tâm các xã. Về cơ bản trụ sở UBND các xã, phường đã và đang được xây dựng mới đáp ứng đủ nhu cầu về chất lượng, không gian nơi làm việc.

Tổng thu ngân sách đạt 55,46% chỉ tiêu tỉnh, 51,24% so chỉ tiêu Nghị quyết (tăng 46,12% so với cùng kỳ), tổng chi ngân sách đạt 43,9% so với kế hoạch.

3.2. Thực trạng tình hình thực hiện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội

Thực trạng tình hình thực hiện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội chủ yếu như sau:

Khu vực sản xuất nông nghiệp: Kết thúc năm lương thực toàn thị xã gieo trồng 37.402,73 ha, năng suất bình quân 6,96 tấn/ha, sản lượng lúa 260.323 tấn (đạt 93,06% so kế hoạch); trong đó, diện tích lúa đặc sản 18.066 ha. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được quan tâm chỉ đạo, công tác điều tiết nước, ngăn mặn giữ ngọt được chỉ đạo, phối hợp thực hiện tốt trước tình hình xâm nhập mặn diễn biến phức tạp, UBND thị xã đã chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp tốt với Ban Chỉ đạo điều tiết nước tỉnh Bạc Liêu vận hành các cống đảm bảo ngăn mặn, giữ ngọt phục vụ có hiệu quả sản xuất của nhân dân trên địa bàn.

Khu vực Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, tài nguyên và môi trường:

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản: Phát triển khá, giá trị sản xuất trong năm đạt 671 tỷ đồng, đạt 59,22% so với chỉ tiêu.

- Xây dựng cơ bản: Được quan tâm đầu tư, nhất là tập trung xây dựng các công trình trọng điểm, bức xúc.

- Công tác quản lý, sử dụng đất, tài nguyên môi trường: Được quan tâm, cụ thể công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thực hiện đến nay đạt 98,35% diện tích, lĩnh vực bảo vệ môi trường được triển khai thực hiện có hiệu quả dự án hỗ trợ xây dựng bãi thu gom xử lý rác thải, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt đô thị, nông thôn đạt chỉ tiêu Nghị quyết. Hệ thống nước sinh hoạt được mở rộng, đã giải quyết cơ bản nhu cầu sử dụng nước hợp vệ sinh của nhân dân.

Khu vực thương mại - dịch vụ, ngân sách, tín dụng:

- Tổng thu ngân sách nhà nước tính đến tháng 7 năm 2017: đạt 181 tỷ 306 triệu đồng, đạt 55,46% chỉ tiêu tỉnh, 51,24% so với chỉ tiêu Nghị quyết của thị xã.

- Công tác tài chính - tín dụng: Huy động nguồn vốn phát vay được chỉ đạo thực hiện hiệu quả kịp thời, đáp ứng nhu cầu cho các hộ dân đầu tư phát triển chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp, góp phần xóa đói giảm nghèo.

- Hoạt động thương mại - dịch vụ: Tiếp tục phát triển, tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán ra và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội là 2.562 tỷ đồng, đạt 56,93% so với Nghị quyết; UBND thị xã đã chỉ đạo đẩy mạnh xúc tiến, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào cụm công nghiệp và các trung tâm thương mại.

(Theo báo cáo phát triển kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm 2017 thị xã Ngã Năm)

4. Hiện trạng dân số, sử dụng đất

4.1. Về dân số

Dân số của thị xã đến năm 2017 có 80.995 người, gồm 3 dân tộc chính (Kinh, Hoa, Khmer), trong đó dân tộc kinh chiếm 92,7%, Hoa chiếm 1,17%, Khmer 6,13%. Mật độ dân số bình quân 334 người/km^2, thấp hơn so với mật độ dân số chung của tỉnh (mức trung bình của tỉnh 395 người/km^2). Dân cư của thị xã phân bố không đồng đều giữa các đơn vị hành chính xã, thị trấn, đa số tập trung với mật độ cao tại các xã, phường, khu vực trung tâm nơi có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế *(Theo niên giám thống kê 2017 của tỉnh Sóc Trăng).*

Đơn vị: nghìn người

Tên đơn vị hành chính	Diện tích (Km^2)	Tổng dân số (người)	Mật độ dân cư (ng/km^2)	Phân theo khu vực thành thị, nông thôn			
				DS thành thị (người)	TL đô thị hóa (%)	DS nông thôn (người)	TL dân số nông thôn (%)
Thị xã Ngã Năm	**242,1513**	**80.995**	**334,5**	**40.650**	**50,19**	**40.345**	**49,81**
Phường 1	19,5567	13.796	705,4	13.796			
Phường 2	44,7566	18.345	409,9	18.345			
Phường 3	33,6266	8.509	253,0	8.509			
Xã Long bình	30,1088	6.287	208,8			6.287	
Xã Tân Long	32,7468	8.850	270,3			8.850	
Xã Mỹ Quới	29,3986	8.368	284,6			8.368	
Xã Mỹ Bình	20,9393	5.537	264,4			5.537	
Xã Vĩnh Quới	31,0179	11.303	364,4			11.303	

Dân số phân bố tập trung chủ yếu trung tâm, dọc theo các đường giao thông và kênh rạch thuận lợi cho đi lại và sản xuất; một bộ phận còn lại phân bố rãi rác, không thuận lợi cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

Trong những năm qua, thị xã đã thực hiện tốt chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình nên tỷ lệ tăng dân số tự nhiên có xu hướng giảm qua từng năm. Trong khi đó, do nhu cầu tìm việc làm ở các trung tâm đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Cần Thơ… nên tỷ lệ dân số cơ học hàng năm giảm.

4.2. Về sử dụng đất:

Theo kết quả kiểm kê đất năm 2017, tổng diện tích đất tự nhiên của thị xã Ngã Năm là 24.215,13 ha, chiếm khoảng 7,3% trong tổng diện tích tự nhiên của toàn tỉnh Sóc Trăng.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Xã Long Bình	Xã Tân Long	Xã Mỹ Quới	Xã Mỹ Bình	Xã Vĩnh Quới
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..+(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		**24.215,13**	**1.955,67**	**4.475,66**	**3.362,66**	**3.010,88**	**3.274,68**	**2.939,86**	**2.093,93**	**3.101,79**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**21.861,90**	***1.651,86***	***3.974,19***	***3.065,19***	***2.817,12***	***2.922,27***	***2.720,84***	***1.921,88***	***2.788,56***
1.1	Đất trồng lúa	LUA	18.717,43	1.284,87	3.388,44	2.770,11	1.986,38	2.677,74	2.434,04	1.739,66	2.436,19
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*18.717,43*	*1.284,87*	*3.388,44*	*2.770,11*	*1.986,38*	*2.677,74*	*2.434,04*	*1.739,66*	*2.436,19*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14,74	7,58	7,16						
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.452,16	358,63	575,82	295,08	164,87	236,55	286,80	182,22	352,19
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH									
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD									
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	661,68				661,68				
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	15,89	0,78	2,77		4,19	7,98			0,18
1.8	Đất làm muối	LMU									
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH									
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**2.353,23**	**303,81**	**501,48**	**297,47**	**193,76**	**352,41**	**219,02**	**172,05**	**313,23**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,63	1,63							
2.2	Đất an ninh	CAN	1,47	1,47							
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK									
2.4	Đất khu chế xuất	SKT									
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,47	3,47							
2.6	Đất thương mại. dịch vụ	TMD	4,53	1,60	1,23		1,35	0,12	0,23		
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	5,92	1,87	2,02	1,44	0,11	0,02	0,37		0,09
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS									
2.9	***Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã***	***DHT***	***1.459,66***	***171,59***	***326,68***	***196,99***	***149,39***	***265,57***	***114,69***	***114,07***	***120,68***
2.9.1	Đất giao thông	DGT	529,19	81,52	178,81	69,87	21,69	44,32	37,48	43,75	51,75
2.9.2	Đất thủy lợi	DLL	896,33	80,49	143,31	124,24	124,97	215,94	72,84	68,51	66,02
2.9.3	Đất công trình năng lượng	DNL									
2.9.4	Đất công trình bưu chính VT	DBV	0,09	0,02	0,03			0,02	0,02		
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,96	0,60		0,20			0,16		
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,69	2,27	0,40	0,08	0,12	0,30	0,13	0,34	0,05
2.9.7	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	26,93	6,69	4,13	1,59	2,61	3,54	4,06	1,47	2,85

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Xã Long Bình	Xã Tân Long	Xã Mỹ Quới	Xã Mỹ Bình	Xã Vĩnh Quới
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..+(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2.9.8	Đất xây đựng cơ sở thể dục-thể thao	DTT	1,25					1,25			
2.9.9	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH									
2.9.10	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH									
2.9.11	Đất chợ	DCH	1,23			1,01		0,21			
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,51						0,51		
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL									
2.12	Đất bãi thải. xử lý chất thải	DRA	3,54	0,51	0,61	0,68		1,14	0,60		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	183,75				25,56	34,57	42,12	26,46	55,04
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	153,91	55,59	68,07	30,25					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,37	5,29	2,06	1,01	0,91	0,66	1,39	0,57	0,48
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,03				0,03				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG									
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,16	5,87	6,07	0,64	0,30	1,21	0,52	1,66	3,89
2.19	Đất làm nghĩa trang. nghĩa địa. nhà tang lễ. nhà hóa táng	NTD	19,93	7,22	1,87	0,98	1,47	0,87	3,88	0,64	3,00
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng. làm đồ gốm	SKX									
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,24	0,29	0,25	0,06	0,06	-	0,43	0,06	0,09
2.22	Đất khu vui chơi. giải trí công cộng	DKV									
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,52	0,77	0,50		0,42	0,22	0,53	1,08	
2.24	Đất sông. ngòi. kênh. rạch. suối	SON	477,43	46,64	92,12	65,42	14,15	47.86	53,75	27,52	129,97
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,16					0,16			
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK									
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**									
4	**Đất khu công nghệ cao***	**KCN**									
5	**Đất khu kinh tế***	**KKT**									
6	**Đất đô thị***	**KDT**	**9.793,99**	**1.955,67**	**4.475,67**	**3.362,66**					

Tình hình sử dụng đất đai trên địa bàn Thị xã trong thời gian qua nhìn chung theo xu hướng giảm dần diện tích đất nông nghiệp và tăng diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó, đất ở và đất chuyên dùng tăng còn đất trồng lúa giảm. Tài nguyên đất đai của Thị xã từng bước được khai thác sử dụng phù hợp với điều kiện tự nhiên trong vùng. Phần lớn diện tích đất nông nghiệp đã được đầu tư thâm canh, nâng cao mức thu nhập trên một đơn vị diện tích sản xuất. Đồng thời đang có xu hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tăng khối lượng các loại sản phẩm nông sản có giá trị kinh tế cao.

5. Hiện trạng về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

- Thị xã Ngã Năm có 03 phường (phường 1, 2, 3) và 05 xã (Vĩnh Quới, Mỹ Quới, Mỹ Bình, Tân Long, Long Bình). Trung tâm đô thị nằm tại phường 1, nơi giao nhau của 5 dòng sông. Cảnh quan đô thị đặc trưng của đô thị sông nước, các tuyến kè bao bộc các dòng sông thuận lợi cho việc buôn bán trên sông, tạo cảnh quan đô thị đặc trưng.

- Trung tâm chưa có công trình kiến trúc làm điểm nhấn cho đô thị, hiện tại có 3 trục chính cảnh quan đô thị đang hoàn thiện là: Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Huệ, Mai Thanh Thế. Còn lại là nhà ở bám theo các trục đường và sông, rạch.

- Tại ngã giao của 5 dòng sông, hướng Đông Nam là Tượng Đài chiến thắng hướng về 5 ngã giao. Là điểm nhấn về kiến trúc cảnh quan của đô thị.

- Hướng Tây Nam hình thành khu thương mại, buôn bán nhưng chưa có chợ tập trung. Hướng Đông Nam hình thành khu hành chính của thị xã, chợ nổi nằm về hướng Bắc của đô thị, trên kênh xáng Chìm.

- Hiện trạng đô thị chỉ phát triển mạnh về hướng bờ Nam của kênh xáng Quản lộ - Phụng Hiệp. Chưa có sự gắn kết với phía Bắc, dẫn đến phía bờ Bắc phát triển yếu.

6. Hiện trạng về hạ tầng kỹ thuật

6.1. Hệ thống giao thông

- Đường bộ:

Thị xã Ngã Năm có hệ thống giao thông đường thủy và đường bộ khá phát triển, nhất là đường thủy. Thị xã Ngã Năm nổi tiếng với chợ nổi trên 5 nhánh sông, kênh, là nơi tập trung giao lưu của những đầu mối hàng hóa từ các miền khác nhau trong vùng ĐBSCL. Mạng lưới giao thông đường bộ của thị xã cũng khá phát triển. Hiện nay, mạng lưới đường bộ đi qua trung tâm của thị xã gồm có:

+ Tuyến Quốc lộ Quản Lộ – Phụng Hiệp nối kết với tỉnh Sóc Trăng từ tỉnh Hậu Giang ở phía Bắc và tỉnh Bạc Liêu ở phía Tây Nam;

+ Quốc lộ 61B nối Sóc Trăng với Bạc Liêu và Hậu Giang, đi qua thị xã Ngã Năm, định hướng phát triển đạt cấp III đồng bằng; tuyến Quốc lộ 61B là tuyến quốc lộ mới được xây dựng trên cơ sở nâng cấp ĐT.937 (dài 18.5km), quốc lộ 61B sẽ kết nối 3 quốc lộ: quốc lộ 61; quốc lộ Quản Lộ - Phụng Hiệp; quốc lộ 1. Giao với Quản Lộ - Phụng Hiệp tại trung tâm thị xã Ngã Năm;

Hiện nay, thị xã có 1 bến xe khách tại thị xã Ngã Năm rộng khoảng 0,2ha và hoạt động theo 2 tuyến đường liên tỉnh Ngã Năm - Tp.HCM và Ngã Năm - Bình Dương.

- Đường thủy:

Thị xã Ngã Năm có mạng lưới giao thông đường thủy khá phát triển; Hệ thống sông, kênh rạch chằng chịt liên thông nhau. Giao thông thủy là đặc trưng và cũng là thế mạnh của vùng ĐBSCL nói chung và Ngã Năm nói riêng. Trên địa bàn thị xã có 1 tuyến đường thủy do trung ương quản lý và 1 tuyến đường thủy do tỉnh quản lý.

+ Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp do trung ương quản lý toàn tuyến dài 95 km, trong đó qua huyện Ngã Năm 18 km, mặt kênh rộng 45-50 m, sâu 4-6 m, đường sông

cấp III, cho phương tiện tải trọng dưới 800 tấn lưu thông. Đây là tuyến đường thủy huyết mạch nối vùng trũng và thị xã Ngã Năm nói riêng với các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Hậu Giang, Cần Thơ,… tới Tp. HCM.

+ Kênh Phú Lộc - Ngã Năm – Long Mỹ do tỉnh quản lý chiều dài toàn tuyến là 26 km, qua huyện Ngã Năm 16,06 km, mặt kênh rộng 30 - 45 m, sâu 3 - 4 m, đường sông cấp V, cho phương tiện có tải trọng dưới 200 tấn lưu thông. Đây là tuyến giao thông thủy liên tỉnh, liên huyện, nối huyện Ngã Năm với huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, huyện Thạnh Trị, huyện Mỹ Xuyên và thị xã Vĩnh Châu - tỉnh Sóc trăng.

Ngoài ra còn có nhiều tuyến kênh, rạch lưu thông đường thủy do huyện và xã quản lý.

6.2. Độ cao xây dựng và thoát nước mưa

- Ngã Năm nằm về phía Tây, Tây Bắc của tỉnh Sóc Trăng địa hình có dạng lòng chảo, địa hình thấp nhất, cao độ trung bình tại các khu đã xây dựng là +1,0m, các khu chưa xây dựng là +0,5m.

- Hệ thống thoát nước mưa chủ yếu trên các tuyến đường mới hình thành trong trong khu trung tâm hành chính, khu thương mại dịch vụ.

- Hiện trạng thoát nước: Trong khu vực chợ có hệ thống mương thoát nước đậy nắp đan và đường ống xuống cấp nước tù đọng còn khá nhiều và mất vệ sinh. Nước thoát bao gồm nước mưa và nước sinh hoạt cho chảy thẳng ra kênh rạch.

6.3. Công trình cấp nước

Căn cứ báo cáo định kỳ hiện trạng môi trường ngành xây dựng năm 2015 của thị xã Ngã Năm.

Hiện trạng cấp nước đô thị

Khu vực đô thị	Dân số đô thị 2017	Số hộ ở đô thị	Số hộ được cấp nước đô thị	Tỷ lệ số hộ cấp nước đô thị (%)
Khu vực trung tâm	13.698	2.653	2.069	78

Hiện trạng nước sinh hoạt đô thị

Khu vực đô thị	Số hộ sử dụng giếng khoan (không phải giếng đào)
Khu vực trung tâm	1.037

Hiện trạng tỷ lệ dân số trong đô thị được cấp nước sạch còn khá thấp, dù tại trung tâm đều có nhà máy cấp nước, không sử dụng hết công suất của nhà máy.

Hiện tại khu vực nội thị Ngã Năm (phường 1) có Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm với công suất 2000m³/ngđ, hiện tại công suất khai thác được 1.150m³/ngđ, 100% nguồn nước ngầm.

6.4. Thoát nước thải

Hiện trạng hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải khu vực trung tâm

Khu vực ĐT	Số hộ	Số hộ đấu nối	Chiều dài HTTN mưa (m)	Chiều dài HTTN thải (m)	Chều dài HTTN chung (m)
Khu vực trung tâm	2.653	1.409	7.748	3.900	7.748

Khu vực ĐT	Rãnh/cống cứng kính (m)	Tuyến ống cấp 3 (m)	Tổng lượng nước thải cả năm (m³)	Lượng ước thải được xử lý (m³)	Tỷ lệ nước thải được xử lý (%)
Khu vực trung tâm	7.748	3900	21.888	14.446	66

Hiện nay, khu vực trung tâm của thị xã chưa có nhà máy xử lý nước thải, hầu hết nước mưa và nước thải thoát thẳng ra môi trường tự nhiên, hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt được xây dựng chung trong các khu hành chính mới, các khu dân cư mới.

6.5. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

Thị xã Ngã Năm có 4 bãi rác đang hoạt động là bãi rác phường 2, phường 3, Tân Long và Mỹ Quới. Hiện nay thu gom rác tại thị xã Ngã Năm, trung tâm xã Tân Long và trung tâm xã Mỹ Quới. Còn các xã khác chưa tiến hành thu gom và xử lý rác thải, nhân dân xả rác ra ngoài môi trường tự nhiên.

Công nghệ xử lý rác đơn giản, chỉ thu gom và xử lý bằng chế phẩm vi sinh ME sau đó đậy bạt phủ rác để giảm phát sinh mùi hôi.

Vấn đề xử lý rác thải cần được tiến hành nhanh chóng vừa đảm bảo vệ sinh môi trường, tránh ô nhiễm; đồng thời tận dụng rác làm nguồn nguyên liệu để sản xuất phân vi sinh, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Công nghệ xử lý rác thải phải được lựa chọn thích hợp với điều kiện của địa phương và cũng cần được lựa chọn kỹ lưỡng tránh lạc hậu trong tương lai gần.

Khu vực đô thị	Khối lượng chất thải rắn thu gom						Khối lượng xử lý chất thải rắn	
	Khối lượng phát sinh (tấn/ngày)	Khối lượng thu gom (tấn/ngày)	Tỷ lệ thu gom (%)	Số hộ dân đô thị	Số hộ được thu gom CTR trong đô thị	Tỷ lệ (%)	Khối lượng xử lý (tấn/ ngày)	Tỷ lệ (%)
Khu vực trung tâm	20,98	19,4	92,47	3.191	1.039	32,56	19,4	100

Hiện trạng tại khu vực trung tâm của thị xã Ngã Năm vẫn chưa đảm bảo được tỷ lệ thu gom, số hộ dân được thu gom tỷ lệ rất thấp cho nên việc thu gom và xử lý vẫn chưa đảm bảo.

6.6. Cấp điện và chiếu sáng đô thị

Thị xã Ngã Năm được cung cấp điện trạm biến áp 110/22 kV, Vị Thanh thuộc tỉnh Hậu Giang thông qua phát tuyến 475-VT và trạm biến áp Sóc Trăng 110/22kV - (1 x 63+1 x 40) MVA thông qua phát tuyến 475 ST và nhận điện một phần từ trạm 110 KV Bạc Liêu. Trong đó, phát tuyến 475-VT là nguồn cung cấp điện chủ yếu cho toàn thị xã Ngã Năm.

Toàn bộ lưới điện trung áp thị xã Ngã Năm đang vận hành ở cấp điện áp 22kV, trung tính nối đất trực tiếp. Kết cấu lưới chủ yếu là đường dây trên không, trục chính bố trí 3 pha, 4 dây; các nhánh rẽ 1 pha 2 dây.

Đến nay, mạng lưới điện trên địa bàn thị xã Ngã Năm có tổng chiều dài đường dây trung thế là 177,78 km. Trong đó, đường dây trung thế 3 pha là 74,686 km, đường dây trung thế 1 pha là 103,094 km; Tổng chiều dài đường dây hạ thế là 257,056 km. Tổng số trạm biến áp 22/0,4 kV là 216 trạm với tổng dung lượng là 10.397,5KVA, trong đó có 187 trạm biến áp 1 pha và 29 trạm biến áp 3 pha.

6.7. Hiện trạng về môi trường

Ô nhiễm môi trường là vấn đề nóng đang được xã hội và nhiều ngành quan tâm, do đó đây là lĩnh vực cần được chính quyền địa phương chỉ đạo và đầu tư thích đáng để tránh gây ô nhiễm trực tiếp hoặc gián tiếp tới nguồn nước mặt và nước ngầm của thị xã, nhất là trong tình hình mặn ngày càng xâm nhập sâu vào đất liền có thể gây nên

tình trạng thiếu nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân trong thời kỳ biến đổi khí hậu.

Hiện trạng vệ sinh môi trường: Rác thải sinh hoạt được thu gom nhưng chưa triệt để, chưa có bãi rác trung chuyển; hệ thống thoát nước sinh hoạt chưa được đầu tư đồng bộ, còn xảy ra tình trạng, ngập úng ô nhiễm vào mùa mưa.

7. Hiện trạng cơ sở hạ tầng xã hội

7.1. Công trình công cộng, thương mại dịch vụ

Trung tâm hành chính thị xã đã xây dựng ổn định, đang hoàn thiện các hạng mục công trình còn lại. Tập trung 2 trục đường chính là đường Nguyễn Văn Linh và Phạm Văn Đồng diện tích 5,22ha, nằm về hướng Đông Nam.

Khu thương mại dịch vụ, chợ trung tâm đã có quy hoạch chi tiết và đang trong giai đoạn hoàn thiện tập trung về hướng Tây Nam của đô thị bám theo hai tuyến sông Quản lộ - Phụng Hiệp và kênh Xáng Ngã Năm – Phú Lộc. Đã hình thành giai đoạn 1 có diện tích khoảng 6.5ha, đa phần là các phố chợ, chưa có chợ trung tâm đúng nghĩa và đảm bảo quy mô.

Chợ nổi của thị xã nằm về hướng Bắc của đô thị trên tuyến kênh Xáng Chìm, hiện tại chỉ là nơi tập trung ghe, xuồng buôn bán trên sông.

7.2. Công trình Văn hóa – Thể thao

Chưa có công trình Văn hóa – thể thao tập trung đúng quy chuẩn, còn nằm rãi rác trong thị xã.

7.3. Y tế

Đã hình thành hệ thống các công trình y tế ổn định, có 1 bệnh viên đa khoa, Trung tâm y tế, trạm y tế.., phần lớn chỉ tập trung về hướng tây nam của Ngã Năm, bán kính phục vụ chưa đảm bảo khi đô thị phát triển về hướng Bắc.

7.4. Giáo dục – đào tạo, dạy nghề

- Thị xã có trường THPT Mai Thanh Thế, trường TH phường 1, trường THPT phường 1, trường TH Lê Quí Đôn và các điểm trường nhà trẻ, mẫu giáo nằm rãi rác. Trường học chủ yếu tập trung về hướng Tây Nam, bán kính phục vụ chưa đều, có diện tích khoảng 8,6ha.

- Trường dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên; Trung tâm bồi dưỡng chính trị trong khu trung tâm hành chính thị xã có diện tich khoảng 1,04ha.

7.5. Đất ở đô thị

Nhà ở tập trung chủ yếu theo các tuyến sông, và trung tâm thương mại dịch vụ của thị xã. Nhà bám theo các tuyến sông chủ yếu là nhà tạm, bán kiến cố, các dãy nhà bám trên các trục đường khu đô thị và khu thương mại phần lớn nhà kiên cố có diện tích khoảng 51,83ha.

Để giải quyết vấn đề nhà ở ven sông, do tập quán của địa phương, hình thành các tuyến đường kè sông tương đối kiên cố.

7.6. Đất cơ sở tôn giáo

Tại khu vực nội thị thuộc phường 1 có các cơ sở tôn giáo như: Chùa Phật Mẫu; tịnh xá Ngọc Thanh; Hội quán Hưng Giác Tự; chùa Ông Bổn; chùa Giác Hương; chùa Vinh Thanh; miếu Bà Chúa Xứ; miếu Bà Phượng có diện tích 5,87ha.

7.7. Đất Nghĩa trang, nghĩa địa

Tại phường 1 có 01 nghĩa trang liệt sĩ Ngã Năm, diện tích 2ha. Giáp QL 61B. nằm về hướng Đông Nam của đô thị.

8. Đánh giá quá trình thực hiện đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025 đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 19/4/2010 đến nay

Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 19/4/2010, nay là phường 1, thị xã Ngã Năm đến nay đạt được những kết quả như sau:

+ Quy mô dân số

- Dân số thay đổi từ năm 2013 đến nay như sau

Stt	Dân số	2013	2014	2015	2016	2017
01	Dân số trung bình thị xã	80.403	80.593	80.775	80.885	86.050
02	Dân số trung bình thành thị (phường, thị trấn)	13.614	40.439	40.539	40.594	40.650
03	Dân số trung bình nông thôn (xã)	66.789	40.154	40.236	40.291	40.345

+ Tăng trưởng kinh tế xã hội:

- Tổng thu ngân sách đạt 55,46% chỉ tiêu tỉnh, 51,24% so chỉ tiêu Nghị quyết (tăng 46,12% so với cùng kỳ), tổng chi ngân sách đạt 43,9% so với kế hoạch.

- Sản xuất nông nghiệp: đạt 93,06% so kế hoạch;

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản: Phát triển khá, giá trị sản xuất trong năm đạt 671 tỷ đồng, đạt 59,22% so với chỉ tiêu;

- Công tác quản lý, sử dụng đất, tài nguyên môi trường: Được quan tâm, cụ thể công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thực hiện đến nay đạt 98,35% diện tích;

- Lĩnh vực thương mại dịch vụ, ngân sách, tín dụng: Tổng thu ngân sách nhà nước tính đến tháng 7 năm 2017: đạt 181 tỷ 306 triệu đồng, đạt 55,46% chỉ tiêu tỉnh, 51,24% so với chỉ tiêu Nghị quyết của thị xã;

- Hoạt động thương mại - dịch vụ: Tiếp tục phát triển, tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán ra và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội là 2.562 tỷ đồng, đạt 56,93%.

+ Sử dụng đất:

Bảng đánh giá cơ cấu sử dụng đất của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Ngã Năm được phê duyệt năm 2010 đến nay

Stt	Loại đất	Sử dụng đất thị trấn (nay là phường 1) theo Đồ án phê duyệt năm 2010 (ha) đến năm 2030	Hiện trạng sử dụng đất phường 1, năm 2017 (ha)
A	**Đất dân dụng**	**748,34**	**84,4**
1	**Đất ở**	**386,65**	**55,59**
2	**Đất công trình công cộng**	**88,08**	**18,61**
	Công trình giáo dục	20,02	6,69
	Công trình y tế	3,61	2,27
	Đất xây dựng trụ sở	14,4	5,29
	Dịch vụ thương mại, dịch vụ, sản xuất	50,05	3,47
	Đất văn hóa	0	0,89

Stt	Loại đất	Sử dụng đất thị trấn (nay là phường 1) theo Đồ án phê duyệt năm 2010 (ha) đến năm 2030	Hiện trạng sử dụng đất phường 1, năm 2017 (ha)
	Công trình cây xanh - TDTT	22,2	
3	**Đất giao thông nội thị**	**251,41**	**10,2**
B	**Đất ngoài dân dụng**	**118,54**	**92,28**
1	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	50	3,47
2	Đất làng nghề	30	0
3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	2,14	6,64
4	Đất giao thông đối ngoại	36,4	71,32
	Tổ chức,Sự nghiệp	0	0,02
	Đất kỹ thuật	0	7,73
	Đất quốc phòng, an ninh	0	3,1
C	**Đất khác**	**537,12**	**127,13**
1	Đất sông suối, kênh rạch	6,8	46,64
2	Đất dân cư dự kiến phát triển	433,4	0
3	Đất công nghiệp dự kiến phát triển	89,96	0
4	Đất thủy lợi	0	80,49
D	**Đất nông nghiệp**	**0**	**1.651,86**
	Tổng cộng	**1.404**	**1.955,67**

8.1. Đánh giá chung

Các chỉ tiêu về dân số, sử dụng đất, chỉ số phát triển đô thị của đồ án quy hoạch chung thị trấn Ngã Năm năm 2010 không còn phù hợp thời điểm hiện tại. Ngã Năm được công nhận là thị xã năm 2013 theo Nghị Quyết số 133/NQ-CP. Cần định hướng các chỉ tiêu xây dựng đô thị theo tiêu chí loại III đến năm 2035.

Các dự án có sức lan tỏa thúc đẩy đô thị phát triển như khu thương mại dịch vụ, các công trình an sinh xã hội có quy mô chưa được đầu tư xây dựng bài bản.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhìn chung chưa kết nối đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của đô thị hiện tại và trong tương lai. Các trục giao thông kết nối hướng biển hầu như chưa được đầu tư. Các công trình đầu mối của thị xã hầu như chưa có.

Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội còn nhiều hạn chế do nguồn ngân sách còn hạn hẹp. Các dự án kêu gọi xã hội hóa chưa thực sự hấp dẫn, chưa thu hút đầu tư.

Hệ thống các đô thị phía Nam Kênh xáng Quản lộ Phụng Hiệp vẫn còn thiếu sự kết nối với khu vực phía Bắc.

Việc bảo tồn và nâng cao các giá trị của địa phương như: Hệ thống sông rạch đặc thù, hệ thống các công trình văn hóa vẫn còn nhiều thách thức.

Còn nhiều tuyến dân cư hiện trạng sống ven sông rạch gây ô nhiễm môi trường. Dân cư đô thị có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

8.2. Các yêu cầu cần nghiên cứu và giải quyết trong đồ án

Tốc độ đô thị hóa còn chậm, thị xã đang cố gắng tập trung đầu tư phát triển một số công trình khu vực trung tâm, các khu vực khác trong thị xã chưa được đầu tư hoàn thiện.

Các dự án có sức lan tỏa thúc đẩy đô thị phát triển như khu thương mại dịch vụ, các công trình an sinh xã hội có quy mô chưa được đầu tư xây dựng bài bản.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhìn chung chưa kết nối đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của đô thị hiện tại và trong tương lai. Các trục giao thông kết nối hướng biển hầu như chưa được đầu tư. Các công trình đầu mối của thị xã hầu như chưa có.

Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội còn nhiều hạn chế do nguồn ngân sách còn hạn hẹp. Các dự án kêu gọi xã hội hóa chưa thực sự hấp dẫn, chưa thu hút đầu tư.

Hệ thống các đô thị phía Nam Kênh xáng Quản lộ Phụng hiệp vẫn còn thiếu sự kết nối với khu vực phía Bắc.

Việc bảo tồn và nâng cao các giá trị của địa phương như: hệ thống sông rạch đặc thù, hệ thống các công trình văn hóa vẫn còn nhiều thách thức.

Còn nhiều tuyến dân cư hiện trạng sống ven sông rạch gây ô nhiễm môi trường. Dân cư đô thị có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

9. Đánh giá tổng hợp

9.1. Thuận lợi

- Vị trí Ngã Năm khá thuận lợi cho giao thông đối ngoại liên hệ trao đổi hàng hóa với các đô thị lân cận, đồng thời còn có một số tuyến giao thông thủy đi về phía tỉnh Hậu Giang, Cà Mau và Cần Thơ.

- Trung tâm Ngã Năm đã hình thành từ lâu đời tại đầu mối giao thông đường tỉnh 937 (nay là Quốc lộ 61B) và tuyến Quản lộ Phụng Hiệp. Sau khi chia tách từ năm 2004 đến nay, Ngã Năm càng phát triển rõ rệt, nhà phố xây dựng nhiều hơn, mạng lưới giao thông cơ bản đã được hình thành nhiều đường trải nhựa và đường xi măng phục vụ cho việc đi lại thuận tiện.

- Hệ thống giao thông được xây dựng theo tuyến, dân cư tập trung theo tuyến và theo cụm (tại khu vực chợ), không nằm rãi rác. Cho nên sẽ dễ dàng cho công tác quy hoạch và cải tạo, vấn đề quy hoạch mở mang đô thị sẽ không phá vỡ nhiều công trình và bồi hoàn giải tỏa ít tốn kém.

- Hệ thống giao thông thủy rất đặc biệt, đây là đặc điểm quan trọng để thúc đẩy các mặt như là trung tâm tập trung các mặt hàng nông sản và đồng thời tạo thành điểm thu hút khách du lịch rất nổi tiếng từ trước tới nay với cụm du lịch Ngã Năm – Long Bình: Du lịch sông nước, nhà vườn, tham quan di tích văn hóa, lịch sử, chợ nổi Ngã Năm, di tích đài Chiến Thắng cùng với hệ thống công trình tín ngưỡng.

- Có đủ diện tích đất để phát triển đô thị trong giai đoạn 20 năm và dự trữ cho giai đoạn tiếp sau.

- Có nguồn nước tốt, nước sông và nước ngầm đều đảm bảo khối lượng để cấp cho đô thị trong các giai đoạn phát triển.

- Tốc độ phát triển đô thị khá cao cho nên quy hoạch Ngã Năm trở thành thị xã (đô thị loại III) sẽ dễ dàng tiến hành và xúc tác cho phát triển nhanh hơn.

9.2. Khó khăn

- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng còn thấp, chủ yếu là kêu gọi đầu tư của các thành phần kinh tế.

- Địa hình có nhiều kênh rạch cho nên phải xây dựng nhiều cầu tốn nhiều kinh phí xây dựng hệ thống giao thông và gây khó khăn cho công tác tổ chức giao thông.

- Hiện nay dân xây nhà lấn chiếm kênh rạch ngày càng nhiều nên vấn đề sau này giải tỏa sẽ tốn kém.

III. NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG THỊ XÃ NGÃ NĂM

1. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch

Khu vực nghiên cứu quy hoạch: Trên phạm vị toàn thị xã Ngã Năm ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp với huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- Phía Nam giáp với huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Đông giáp với huyện Mỹ Tú và huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Tây giáp với huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Ranh giới lập quy hoạch khu vực nội thị gồm: Phường 1, một phần phường 2, phường 3 và các trung tâm đô thị vệ tinh (gồm trung tâm phường 2, phường 3 và các đô thị loại V thuộc thị xã).

Phạm vị nghiên cứu trực tiếp lập quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch được tuân thủ theo hướng nhiệm vụ quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UNND tỉnh Sóc Trăng như sau:

Trên phạm vi diện tích khoảng 2342 ha, bao gồm phần đất thuộc phường 1 có diện tích khoảng 1645,09 ha, phần đất thuộc phường 2 có diện tích khoảng 492,81ha, phần đất thuộc phường 3 có diện tích khoảng 176,33 ha và phần đất thuộc xã Vĩnh Quới có diện tích khoảng 27,78 ha, với tứ cận như sau:

- Phía Đông Bắc giáp Phường 2;
- Phía Đông Nam giáp xã Long Bình;
- Phía Tây Nam giáp Phường 3 và xã Vĩnh Quới;
- Phía Tây Bắc giáp xã Vĩnh Quới.

2. Tính chất đô thị

Thị xã Ngã Năm là đô thị trung tâm vùng phía Tây của tỉnh Sóc Trăng, nằm trên trục hành lang kinh tế kỹ thuật Quản lộ - Phụng Hiệp, có tính chất như sau:

- Là đô thị trung tâm vùng của tỉnh, thụ hưởng các nguồn lợi nội sinh và các yếu tố ngoại ứng nhờ tiếp giáp với tỉnh Hậu Giang và có khả năng giao thương với thành phố Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khác nhờ lợi thế của hạ tầng kỹ thuật, trong đó nổi bậc là kênh Quản lộ - Phụng Hiệp và nằm trên trục hành lang kinh tế kỹ thuật Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp.
- Là đô thị thương mại, dịch vụ, nông nghiệp kỹ thuật cao, dịch vụ du lịch tỉnh Sóc Trăng.

3. Dự báo quy mô dân số xây dựng đô thị

Với sự phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa của thị xã Ngã Năm cùng với vị trí thuận lợi về mọi mặt, trong tương lai thị xã Ngã Năm sẽ thu hút được các nhà đầu tư cùng với sự tác động của các khu công nghiệp lân cận thu hút một lượng lao động rất lớn dẫn đến việc di dân từ nơi khác đến với Ngã Năm ngày một tăng cao. Dẫn đến dân số thị xã Ngã Năm từ năm 2013 đến năm 2017 có những thay đổi như sau:

Stt	Dân số	2013	2014	2015	2016	2017
01	Dân số trung bình thị xã	80.403	80.593	80.775	80.885	80.995
02	Dân số trung bình thành thị (phường, thị trấn)	13.614	40.439	40.539	40.594	40.650
03	Dân số trung bình nông thôn (xã)	66.789	40.154	40.236	40.291	40.345

Dân cư của thị xã phân bố không đồng đều giữa các đơn vị hành chính xã, thị trấn, đa số tập trung với mật độ cao tại các xã, phường, khu vực trung tâm nơi có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế. Theo bảng dân số trên thì tỷ lệ tăng dân trung bình năm 2017 khoảng 1,0014%, trong đó theo báo cáo tỷ lệ tăng tự nhiên khoảng 1% (dân số sinh bằng dân số tử). Do vậy, để đạt được mức tăng dân như trên là do tăng cơ học (tăng dân số di cư, vãng lai, tạm trú và quá trình đô thị hóa) đạt khoảng 1,0014%

Dự báo trong giai đoạn sắp tới, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên sẽ ổn định và tăng cơ học và tốc độ đô thị hóa sẽ tăng mạnh do khả năng phát triển của thị xã, đa số tập trung với mật độ cao tại các xã, phường, khu vực trung tâm nơi có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế.

Trong những năm tới với tốc độ phát triển kinh tế, cùng với chỉ đạo của UBND thị xã đẩy mạnh xúc tiến, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào cụm công nghiệp và trung tâm thương mại. Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, bảo đảm liên kết giữa các vùng, khu và điểm du lịch trên địa bàn vùng, thu hút du khách đến thị xã, dự báo tỷ lệ tăng cơ học tăng lên như sau:

Trong đó:

- Toàn thị xã:

+ Tỷ lệ tăng tự nhiên trung bình năm 2017 là 1% (cân bằng tỷ lệ sinh, tử) và dự báo mức này sẽ ổn định đến 2025 và 2035; Do vậy, tỷ lệ này không ảnh hưởng đến sự tăng giảm dân số của thị xã trong những năm tới mà chủ yếu phụ thuộc vào tỷ lệ tăng cơ học.

+ Tỷ lệ tăng cơ học trung bình năm 2017 là 1,0014% và dự báo mức này sẽ tăng đến năm 2025 là 1,9% và đến năm 2035 là 2,5%.

- Khu vực nội thị:

+ Tỷ lệ tăng tự nhiên trung bình năm 2017 là 1% (cân bằng tỷ lệ sinh, tử) và dự báo mức này sẽ ổn định đến 2025 và 2035; Do vậy, tỷ lệ này không ảnh hưởng đến sự tăng giảm dân số của thị xã trong những năm tới mà chủ yếu phụ thuộc vào tỷ lệ tăng cơ học.

+ Tỷ lệ tăng cơ học trung bình năm 2017 là 1,0014% và dự báo mức này sẽ tăng đến năm 2025 là 2,7% và đến năm 2035 là 3,8%.

Bảng: Bảng tổng hợp dự báo dân số

STT	Hạng mục	Hiện trạng 2017	Dự báo quy hoạch	
			2025	2035
A	**Dân số đô thị (người)**	**86.050**	**100.033**	**113.178**
	Tỷ lệ tăng trung bình quân, %/năm	1,0014%	1,90%	2,50%
1	Tỷ lệ tăng tự nhiên, 1%/năm (kế hoạch cân bằng)	-	-	-
2	Tỷ lệ tăng cơ học, %/năm; tỷ lệ tăng dân số vãng lai, tạm trú và quá trình đô thị hóa (dự báo)	1,0014%	1,90%	2,50%
B	**Dân số nội thị (người)**	**40.650**	**50.306**	**60.619**
	Tỷ lệ tăng trung bình quân, %/năm	1,0014%	2,70%	3,80%
1	Tỷ lệ tăng tự nhiên, 1%/năm (kế hoạch cân bằng)	-	-	-
2	Tỷ lệ tăng cơ học, %/năm; tỷ lệ tăng dân số vãng lai, tạm trú và quá trình đô thị hóa (dự báo)	1,0014%	2,70%	3,80%

Như vậy dân số của thị xã Ngã Năm dự báo các giai đoạn:

- Đến năm 2025: Dân số toàn đô thị khoảng 100.000 người, trong đó dân số nội thị khoảng 50.000 người.

- Đến năm 2035: Dân số toàn đô thị khoảng 113.000 người, trong đó dân số nội thị khoảng 61.000 người.

4. Dự báo quy mô đất đô thị

Căn cứ Theo QCXDVN 01:2008/BXD của Bộ Xây dựng; Nghị quyết số 1210/UBTVQH13 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội. Quy mô đất xây dựng đô thị Thị xã Ngã Năm thực hiện theo tiêu chí đô thị loại IV nâng cấp lên đô thị loại III vào năm 2035 được xác định như sau:

* Theo yêu cầu, quy mô đất xây dựng đô thị:

- Đất xây dựng đô thị đến năm 2025 phục vụ cho 100.000 người; khu vực nội thị 50.000 người. Với mật độ dân số khu vực nội thị theo yêu cầu khoảng 6.000 người/km², do đó quy mô diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 833 ha.

- Đất xây dựng đô thị đến năm 2035 phục vụ cho 113.000 người; khu vực nội thị 61.000 người. Với mật độ dân số khu vực nội thị theo yêu cầu khoảng 6.000 người/km², do đó quy mô diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 102 ha.

* Nhưng do điều kiện và tốc độ phát triển đô thị còn chậm trong giai đoạn hiện tại (vẫn còn là đô thị loại IV chưa nâng cấp lên đô thị loại III) khả năng thu hút đầu tư, lao động từ các vùng ngoại vi chưa cao, để đảm bảo dự báo có tính khả thi nên chọn dân số tính toán trong giai đoạn này là dân cư tập trung tại trung tâm của 3 phường để xác định dân số nội thị của thị xã đến năm 2025.

	Diện tích (Km²)	**Tổng dân số (người)**	**Mật độ dân cư (ng/km²)**	**Dân số thành thị (người)**	**TL đô thị hóa (%)**	**Dân số trung tâm nội thị (người)**
Thị xã Ngã Năm	**242,1513**	**80.995**	**334,5**	**40.650**	**50,19**	**20.402**
Phường 1	19,5567	13.796	705,4	13.796		6.924
Phường 2	44,7566	18.345	409,9	18.345		9.207
Phường 3	33,6266	8.509	253,0	8.509		4.271

Dân số hiện trạng thị xã Ngã Năm năm 2017 là khoảng 80.995 người, dân số trung tâm nội thị năm 2017 khoảng 20.402 người.

STT	**Hạng mục**	**Hiện trạng 2017**	**Dự báo quy hoạch 2025**
A	**Dân số đô thị (người)**	**20.402**	**25.248**
	Tỷ lệ tăng trung bình quân, %/năm	1,0014%	2,70%
1	Tỷ lệ tăng tự nhiên, 1%/năm (kế hoạch cân bằng)	-	-
2	Tỷ lệ tăng cơ học, %/năm; tỷ lệ tăng dân số vãng lai, tạm trú và quá trình đô thị hóa (dự báo)	1,0014%	2,70%

- Như vây, đất xây dựng đô thị đến năm 2025 phục vụ cho khu vực nội thị 25.000 người. Với mật độ dân số khu vực nội thị theo yêu cầu khoảng 6.000 người /km², do đó quy mô diện tích đất xây dựng đô thị khoảng ≤ 417 ha.

- Giai đoạn đến 2035, có các tiền đề phát triển đô thị, nâng loại đô thị lên loại III, thu hút đầu tư, thu hút dân cư lao động tập trung, thì dân số tính toán dựa trên số liệu dân số toàn phường 1,2 và 3. Do đó, đất xây dựng đô thị đến năm 2035 phục vụ cho khu vực nội thị 61.000 người (như dự báo dân số tại mục 3). Với mật độ dân số khu

vực nội thị theo yêu cầu khoảng 6.000 người /km², thì quy mô diện tích đất xây dựng đô thị khoảng ≤1.020 ha.

5. Dự báo chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu áp dụng cho đồ án quy hoạch chung thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035 theo hướng để đô thị đạt các tiêu chí của đô thị loại III.

5.1. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng xã hội

Các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội thị xã thực hiện theo tiêu chí đô thị loại III.

Các chỉ tiêu về quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội theo quy định của QCXDVN 01: 2008/BXD, bảng 2.1, Chương II.

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hạ tầng xã hội chủ yếu

Loại công trình	Cấp quản lý	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất đai tối thiểu	
		Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1. Giáo dục					
Trường phổ thông trung học, dạy nghề	Đô thị	chỗ/1000người	40	m^2/1 chỗ	15
2. Y tế					
Phòng khám đa khoa	Đô thị	Công trình/đô thị	1	m^2/trạm	3.000
Bệnh viện đa khoa	Đô thị	giường/1000người	4	m^2/giườngbệnh	100
Nhà hộ sinh	Đô thị	giường/1000người	0,5	m^2/giường	30
3. Thể dục thể thao					
Sân thể thao cơ bản	Đô thị			m^2/người ha/công trình	0,6 1,0
Sân vận động	Đô thị			m^2/người ha/công trình	0,8 2,5
Trung tâm TDTT	Đô thị			m^2/người ha/công trình	0,8 3,0
4. Văn hoá					
a. Thư viện	Đô thị			ha/công trình	0,5
b. Bảo tàng	Đô thị			ha/công trình	1,0
c. Triển lãm	Đô thị			ha/công trình	1,0
d. Nhà hát	Đô thị	số chỗ/ 1000người	5	ha/công trình	1,0
e. Cung văn hoá	Đô thị	số chỗ/ 1000người	8	ha/công trình	0,5
g. Rạp xiếc	Đô thị	số chỗ/ 1000người	3	ha/công trình	0,7
h. Cung thiếu nhi	Đô thị	số chỗ/ 1000người	2	ha/công trình	1,0
5. Chợ	Đô thị	công trình/đô thị	1	ha/công trình	0,8

Các chỉ tiêu đất và công trình về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội. Áp dụng cho đô thị loại III.

STT	Loại đất	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	
			Min	Max
1	Đất dân dụng	m²/người	61	78
2	Đất công trình công cộng, dịch vụ	m²/người	3	≥4
3	Cơ sở y tế	giường/1000dân	2,4	≥2,8
4	Cơ sở giáo dục và đào tạo	Cơ sở	4	≥10
5	Công trình văn hóa	Công trình	4	≥6

STT	Loại đất	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	
			Min	Max
6	Công trình thể dục, thể thao	Công trình	3	≥5
7	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình	4	≥7
8	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị	m²/người	4	≥5

5.2. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật đô thị

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật thị xã thực hiện theo tiêu chí đô thị loại III.

Các chỉ tiêu về quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy định của QCXDVN 01: 2008/BXD, Chương III, IV, V, VI, VII và Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Quyết định số 2140/QĐ-TTg ngày 08/11/2016 của Thủ Tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quy hoạch Chuẩn bị kỹ thuật

- Tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, giữ được lớp đất màu, cây xanh hiện có, hạn chế khối lượng đào đắp và hạn chế chiều cao đất đắp.
- Không làm xấu hơn các điều kiện địa chất công trình, điều kiện địa chất thủy văn.
- Đối với những khu đô thị hiện có, những khu vực đã có mật độ xây dựng tương đối cao, có cốt nền tương đối ổn định, công tác quy hoạch chiều cao phải phù hợp với hiện trạng xây dựng.
- Xác định cốt xây dựng khống chế của từng khu vực, toàn đô thị và các trục giao thông chính đô thị; Dự báo khối lượng san nền.

+ Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Đảm bảo 100% đường nội thị phải có hệ thống thoát nước mưa;
- Mật độ đường cống thoát nước chính đảm bảo tiêu chuẩn 3,5 đến ≥4 km/km²
- Đường có chiều rộng ≥ 40m, phải bố trí hệ thống thoát nước mưa hai bên đường.
- Hệ thống thoát nước phải phù hợp với quy mô đô thị, yêu cầu vệ sinh, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, thuỷ văn), hiện trạng đô thị.
- Cần tận dụng các hồ ao hiện có hoặc xây dựng mới các hồ điều tiết nước mưa.

+ Quy hoạch hệ thống giao thông

- Mạng lưới giao thông phải được phân cấp rõ ràng;
- Tỷ lệ giao thông so với đất xây dựng 13% đến ≥19%;
- Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy ≥7,5m đảm bảo từ 6 đến ≥8 km/km².
- Đồ án quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 cần nghiên cứu đến cấp đường chính khu vực.
- Hệ thống giao thông đối ngoại khi đi qua đô thị phải phù hợp với quy hoạch đô thị.

Bảng Quy định về các loại đường trong đô thị

Cấp đường	Loại đường	Tốc độ thiết kế (km/h)	Bề rộng 1 làn xe (m)	Bề rộng của đường (m)	Khoảng cách hai đường (m)	Mật độ đường km/km^2
Cấp đô thị	Đường trục chính đô thị	80÷100	3,75	30÷80	2400÷4000	0,83÷0,5
	Đường chính đô thị	80÷100	3,75	30÷70	1200÷2000	1,5÷1,0

Cấp đường	Loại đường	Tốc độ thiết kế (km/h)	Bề rộng 1 làn xe (m)	Bề rộng của đường (m)	Khoảng cách hai đường (m)	Mật độ đường km/km^2
	Đường liên khu vực	60÷80	3,75	30÷50	600÷1000	3,3÷2,0
Cấp khu vực	Đường chính khu vực	50÷60	3,5	22÷35	300÷500	6,5÷4,0
	Đường khu vực	40÷50	3,5	16÷25	250÷300	8,0÷6,5

- Đường cấp đô thị: lớn hơn 4 làn xe.
- Đường cấp khu vực: lớn hơn 2 làn xe.

+ Quy hoạch hệ thống cấp nước, thoát nước thải, cấp điện

Bảng Tiêu chuẩn cấp nước, thoát nước thải, cấp điện

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn đến 2035
1	Tiêu chuẩn cấp nước	Lít/người/ngày	110 - 150	120 - 160
2	Tiêu chuẩn thoát nước thải	Lít/người/ngày	≥ 80% chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	≥80% chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt
3	Phụ tải điện sinh hoạt	W/người	500	500
4	Tiêu chuẩn thu gom CTR	kg/người/ngày	0,9	0,9
5	Tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông	Số thuê bao internet/100dân	20	≥25

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ

1. Quan điểm và nguyên tắc phát triển chung

- Phát triển thị xã Ngã Năm là đô thị trung tâm vùng (loại III), nằm trong vùng kinh tế động lực chủ đạo của tỉnh Sóc Trăng, tạo nên vùng liên kết ngoại biên.
- Phát triển không gian thị xã Ngã Năm theo hướng lấy đất nông nghiệp phát triển đô thị; khai thác hiệu quả các quỹ đất hiện có, dọc trên các tuyến giao thông Quốc gia, tuyến Quản lộ Phụng Hiệp phát triển mở rộng về 2 hướng Đông Bắc và Đông (Hướng về phía Hậu Giang và thị trấn Ngã bảy Phụng Hiệp); Phát triển quỹ đất không ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường, đảm bảo các tiêu chí của đô thị bền vững.
- Phát triển xã hội với việc đô thị hóa từng phần và tiến tới toàn phần, trong đó ưu tiên khu vực tiền đề để phát triển như: khu vực trung tâm hành chính hiện trạng, khu thương mại, khu nhà ở ven kênh Quản lộ - Phụng Hiệp, khu chợ nổi, khu vực giáp Quản lộ - Phụng Hiệp, Quốc lộ 61B nhằm tạo lực kéo, đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa các khu vực còn lại.
- Phát triển không gian có tính kế thừa và phát huy tích cực những cái đã có, bảo vệ môi trường, di sản văn hóa, an ninh Quốc phòng và trật tự xã hội.
- Ưu tiên quỹ đất cho các chức năng tạo động lực phát triển của đô thị bao gồm: Khu trung tâm đô thị; các khu đô thị mới; các khu dịch vụ đô thị, dịch vụ công nghiệp, đào tạo nghề; du lịch nghĩ dưỡng và cụm tiểu thủ công nghiệp.
- Phát triển đô thị phù hợp định hướng phát triển đô thị tăng trưởng xanh.
- Định hướng phát triển không gian đô thị theo 5 yếu tố nhận diện đô thị như sau: Tuyến, đường bao, điểm, nút và diện.
- Phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan cần có giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng và nguyên tắc phát triển từng khu chức năng

2.1. Khu đô thị hiện hữu:

- Các khu dân cư hiện hữu tập trung chủ yếu phía Đông Nam và Tây Nam của kênh Quản lộ - Phụng Hiệp, hai khu đô thị được ngăn cách bởi kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc, phát triển từ kênh Quản lộ - Phụng Hiệp ra phía Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp. Do dân cư sống ổn định, hạ tầng kỹ thuật hình thành khung cứng. Định hướng và nguyên tắc phát triển là cải tạo, chỉnh trang nâng cấp điều kiện hạ tầng cho phù hợp với các khu mới, đưa môi trường sống của dân cư ngày một cao hơn.

- Khu dân cư ven sông, được quy hoạch hệ thống kè kết hợp với giao thông nhằm hạn chế lấn chiếm lòng sông, đồng thời tạo nên đô thị vùng sông nước, trên bến dưới thuyền, đây cũng là một nét đẹp của đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

* Hiện trạng dân cư sống ổn định, hạ tầng kỹ thuật hình thành khung cứng, định hướng và nguyên tắc phát triển là cải tạo, cần chỉnh trang nâng cấp điều kiện hạ tầng cho phù hợp với các khu mới, đưa môi trường sống của dân cư ngày một cao hơn.

2.2. Khu đô thị mới:

- Từ hệ trục khung của đô thị, lấy trọng tâm là ngã giao của năm dòng sông, định hướng phát triển các đô thị.

+ *Khu đô thị Tây Nam*: Định hướng quy hoạch thành khu trung tâm thương mại, dịch vụ, TDTT, trung tâm y tế, khu ở đô thị. Kết nối với đô thị hiện hữu đồng bộ. Khu đô thị phía Đông Nam và Tây Bắc;

+ *Khu đô thị Đông Nam*: Là khu trung tâm hành chính, giáo dục, dịch vụ - thương mại, đô thị ở. Kết nối với khung trung tâm hiện hữu. Khu đô thị phía Tây Nam và Đông Bắc;

+ *Khu đô thị Tây Bắc*: Là khu trung tâm thương mại - dịch vụ, đô thị ở. Cần đầu tư và mở rộng khu chợ nổi, quy hoạch chợ truyền thống kết hợp với chợ nổi. Kết nối với đô thị Tây Nam và Đông Bắc;

+ *Khu đô thị Đông Bắc*: Là khu trung tâm thương mại - dịch vụ, đô thị ở. Khu đô thị cửa ngỏ hướng Đông Bắc. Kết nối với đô thị Tây Bắc và Đông Nam theo 2 tuyến cầu.

* Các khu ở mới, phát triển đồng bộ, đảm bảo các chỉ tiêu, tiêu chuẩn về hạ tầng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và thiết kế đô thị của toàn khu.

2.3. Khu cụm công nghiệp

Được quy hoạch về hướng Đông Bắc giáp với trục QL Quản lộ - Phụng Hiệp và tuyến kênh xáng Quản lộ - Phụng Hiệp (Phù hợp với định hướng vị trí các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng). Đảm bảo quy hoạch theo đúng quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn chung và riêng đối với loại hình công nghiệp.

2.4. Các khu hạn chế phát triển

Các khu vực hạn chế phát triển, do nằm xa trung tâm của đô thị, được định hướng phát triển dài hạn, được quy hoạch khu đất dự trữ phát triển.

2.5. Các chỉ tiêu mật độ dân cư của từng khu chức năng

Bảng chỉ tiêu từng khu chức năng

Stt	Khu chức năng	Đơn vị tính	Mật độ
	Đất dân dụng	**m²/người**	**61 - 78**
1	Khu ở	m²/người	≤ 50
2	Khu công cộng, dịch vụ đô thị tổng hợp cấp đô thị	m²/người	3 - ≥4
3	Khu công trình công cộng cấp đơn vị ở	m²/người	1 – ≥1,5

Stt	Khu chức năng	Đơn vị tính	Mật độ
4	Khu y tế cấp đô thị	Giường/1000dân	2,4 – ≥ 2,8
5	Khu công viên cây xanh	m²/người	4 – ≥ 5

3. Mô hình phát triển và cấu trúc không gian đô thị

Thị xã Ngã Năm là một trong các đô thị trọng tâm thuộc tiểu vùng ven biển và hải đảo của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Do đó, định hướng phát triển đô thị tuân thủ theo định hướng phát triển của tiểu vùng về mô hình đô thị, tổ chức không gian đô thị, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 15/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3.1. Mô hình phát triển

- Đô thị của thị xã Ngã Năm quy hoạch theo mô hình đa trung tâm, trung tâm của thị xã và các trung tâm xã, phường làm vệ tinh trên cơ sở phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp đặc trưng, phù hợp và thích ứng với những biến đổi khí hậu, nhằm phát triển nền nông nghiệp đa dạng, có trình độ chuyên môn hóa cao trên cơ sở công nghiệp hóa và thương mại hóa nông nghiệp như sau:

+ Hình thành cụm công nghiệp trong trung tâm thị xã, thuận lợi giao thông bộ và thủy. Đẩy mạnh mô hình chuyển hóa nông nghiệp thành công nghiệp và thương mại hóa;

+ Phát triển hệ thống đô thị theo tầng bậc, làm cơ sở hình thành các trung tâm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội như: trung tâm thị xã; 02 trung tâm phường (phường 2 và 3); 05 trung tâm xã (xã Long Bình, Tân Long, Mỹ Quới, Mỹ Bình, Vĩnh Quới);

+ Phát triển theo mô hình đô thị dạng nén; hạn chế mở rộng, phát triển đô thị tập trung. Không phát triển đô thị ra các khu vực ngập sâu, đồng bằng;

+ Hạn chế lắp kênh, mương trong đô thị, dùng hệ thống kênh, mương để trữ nước, điều tiết nước trong đô thị;

+ Quy hoạch, đầu tư khu vực Ngã Năm của 5 dòng sông, khu vực chợ nổi, tạo cảnh quan thiên nhiên vùng sông nước, nét đặc trưng của Ngã Năm;

+ Phát triển đô thị theo hướng phát triển đô thị tăng trưởng xanh.

3.2. Cấu trúc không gian vùng:

- Thị xã Ngã Năm thuộc tiểu vùng ven biển của Đồng bằng Sông Cửu Long, căn cứ vào các đặc điểm của từng khu vực, định hướng phát triển của thị xã và mô hình phát triển của từng vùng. Được phân thành 2 vùng địa hình như sau:

- Vùng địa hình:

+ Vùng 1: Khoảng 1/2 diện tích thuộc phần đất phía Đông của thị xã theo hướng huyện Mỹ Tú. Đây là vùng thấp theo mặt bằng chung của thị xã, bao gồm các xã: Tân Long, Phường 2, Long Bình và Phường 1 có độ ngập sâu từ 60 - 100 cm;

+ Vùng 2: Khoảng 1/2 diện tích thuộc phần đất phía Tây của thị xã theo hướng tỉnh Bạc Liêu. Đây là vùng cao theo mặt bằng chung của thị xã, có độ sâu ngập từ 30 - 60 cm, thời gian ngập kéo dài khoảng 2 đến 2,5 tháng, bao gồm các xã: Mỹ Bình, Mỹ Quới, Vĩnh Quới, Phường 3. Tình hình ngập sâu ở khu vực này không đồng đều.

- Các trục kết nối:

+ Trục Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp: kết nối phường 1, phường 2, phường 3;

+ Trục Quốc lộ 61B: kết nối phường 1, xã Tân Long, xã Long Bình;

+ Trục đường huyện 75: kết nối xã Mỹ Quới, Mỹ Bình, Long Bình, Phường 2;

+ Tục đường huyện 72: kết nối phường 1, xã Mỹ Quới;

+ Trục đường bao đô thị bao gồm: Đường tỉnh 938, đường huyện 79A,79B, 71.

4. Định hướng phát triển không gian đô thị

4.1. Định hướng phát triển các tiểu vùng

+ Tiểu vùng 1: Diện tích chiếm 53,6% diện tích tự nhiên của vùng, gồm có phường 1, xã Tân Long, phường 2 và xã Long Bình.

Các trung tâm trọng điểm: Trung tâm của thị xã; trung tâm phường 2; trung tâm xã Tân Long và xã Long Bình.

Là khu vực thấp nhất trong thị xã, nằm về phía Đông của thị xã, chịu nước mặn thâm nhập, có 2 trục Quốc lộ đi qua kết nối là Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp và Quốc lộ 61B, tập trung phát triển trung tâm thị xã tại phường 1, mở rộng ra một phần của Phường 2, phường 3. Phát triển đô thị theo mô hình đô thị nén, hạn chế mở rộng dàn trải, tránh hình thành các vùng đô thị hóa, dải đô thị hóa liên tục, giành quỹ đất để phát triển nông nghiệp, cân bằng đào đắp trong xây dựng phát triển đô thị nhằm hạn chế ngập nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Tiểu vùng 2: Diện tích chiếm 46,4% diện tích tự nhiên của vùng, gồm có phường 3, xã Mỹ Bình, Mỹ Quới và Vĩnh Quới.

Các trung tâm trọng điểm: Trung tâm phường 3, trung tâm xã Mỹ Bình, Mỹ Quới và Vĩnh Quới.

Là khu vực nằm về phía Tây của thị xã, phải chịu nước mặn xâm nhập, cần chuyển đổi sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản theo hướng bền vững, gắn kết với nhau qua các trục đường huyện, thích hợp hình thành trung tâm cấp xã, là trung tâm vệ tinh của trung tâm thị xã.

4.2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

- Mạng lưới đô thị được quy hoạch theo tầng bậc để hình thành các trung tâm đô thị của các vùng, nhằm thúc đẩy chuyên môn hóa và đa dạng hóa nền kinh tế, hiện đại hóa công nghiệp theo đặc trưng và lợi thế của từng vùng sinh thái nông nghiệp. Tổ chức mạng lưới gồm 08 đô thị trọng điểm có vai trò cấp thị xã và cấp xã, phường. Trong đó 01 trung tâm thị xã, 02 trung tâm phường và 05 trung tâm xã. Cụ thể:

+ Trung tâm thị xã nằm tại trung tâm của ngã giao năm dòng sông, nơi giao của 02 tuyến Quốc lộ và 02 tuyến đường thủy trọng điểm, có vai trò là trung tâm hành chính, dịch vụ thương mại, y tế, nghiên cứu đào tạo, văn hóa, du lịch, công nghiệp.

+ Trung tâm phường 2 và phường 3: Nằm trên trục Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp, Trung tâm phường 2 nằm về hướng Đông Bắc, trung tâm phường 3 nằm về hướng Tây Nam là đô thị tổng hợp, trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa, giáo dục, công nghiệp của vùng Đông Bắc và Tây Nam thị xã Ngã Năm.

+ Với 05 trung tâm xã, là các đô thị vệ tinh bao gồm:

- Hướng Đông Nam: Trung tâm xã Long Bình và Tân Long theo trục QL 61B;

- Hướng Nam: Trung tâm xã Mỹ Bình và Mỹ Quới theo trục trục QL61B và đường huyện 75;

- Hướng Tây Bắc: Trung tâm xã Vĩnh Quới theo tuyến huyện 72.

4.3. Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn

- Tập trung nguồn lực để xây dựng nông thôn mới; xây dựng nông thôn theo hướng kết hợp cải tạo không gian cũ với phát triển mới tại các điểm dân cư nông thôn gắn với mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Định hướng phát triển nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu: Xây dựng hình thái nhà ở và công trình thích ứng với vùng ngập nước, cải thiện không gian ở, không

gian sinh hoạt cộng đồng truyền thống gắn với các không gian cảnh quan sản xuất đặc thù của địa phương; tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống và điều kiện sản xuất cho người dân, phát triển mạnh.

4.4. Định hướng phát triển công nghiệp

- Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm và thực phẩm theo hướng gắn vùng sản xuất nguyên liệu, đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ. Phát triển ngành công nghiệp phụ trợ nông nghiệp như sản phẩm hóa chất, cơ khí phục vụ nông nghiệp, thúc đẩy phát triển công nghiệp năng lượng sạch.

- Ưu tiên đầu tư phát triển và khai thác tối đa các khu công nghiệp đã được thành lập đến năm 2035. Trong đó tăng cường các ngành công nghiệp chế biến và công nghiệp phụ trợ nông nghiệp. Hạn chế mở rộng phát triển thêm các khu công nghiệp chưa được lấp đầy và các ngành công nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

4.5. Định hướng phát triển du lịch

- Thị xã Ngã Năm nằm trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, trọng điểm du lịch quốc gia với sản phẩm du lịch đa dạng, đặc thù của vùng sinh thái sông nước; nghiên cứu tìm hiểu văn hóa, di tích lịch sử và lễ hội.

- Thị xã Ngã Năm nằm trong tuyến du lịch mà trung tâm của không gian du lịch phía Tây là thành phố Cần Thơ, mà đặc trưng nơi đây là chợ nổi và du lịch sinh thái trên cơ sở kết nối các di sản tự nhiên và văn hóa.

- Từ các vấn đề trên, cần phải quy hoạch, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, đảm bảo liên kết giữa các vùng, khu và điểm di lịch trên địa bàn…. Cần quy hoạch hệ thống trung tâm, dịch vụ thương mại, cơ sở lưu trú, lữ hành kết nối với các điểm du lịch khác trong vùng, phát huy thế mạnh các sản phẩm đặc trưng của vùng.

4.6. Định hướng phát triển thương mại và dịch vụ

- Phát triển trung tâm thương mại – dịch vụ - tài chính tại trung tâm của thị xã Ngã Năm, là đầu mối phân phối lưu thông hàng hóa giữa các khu vực về hàng hóa nông sản như: Lúa, gạo, thủy sản, trái cây…

- Điểm mạnh của thị xã Ngã Năm là khu chợ nổi, cần phát triển thành trung tâm chợ đầu mối, tập trung các mặt hàng, nhiều chủng loại, của nhiều vùng miền, thuận lợi trong kết nối với hệ thống giao thông thủy bộ, mục tiêu trở thành trung tâm giao dịch hàng hóa, trung tâm bán buôn, trung tâm phân phối, tổng kho đầu mối.

4.7. Định hướng phát triển nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo

- Tại trung tâm thị xã Ngã Năm cần tập trung phát triển trường cao đẳng cộng đồng, trung tâm dại nghề góp phần tạo lao động của địa phương, nâng cao trình độ lao động, công nhân có tay nghề, phục vụ cho cụm công nghiệp.

- Phát triển hệ thống trường học từ tiểu học đến PTTH đảm bảo bán kính phục vụ, tại các trung tâm xã, các điểm dân cư cần phải xây dựng hệ thống giáo dục đồng bộ, phân cấp rõ ràng. Đảm bảo 100% con em được đến trường.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cán bộ quản lý, chuyên môn các cấp về xây dựng đô thị tăng trưởng xanh.

4.8. Định hướng phát triển y tế, văn hóa, TDTT, hỗn hợp:

+ Y tế: Nâng cấp và mở rộng bệnh viện đa khoa thị xã Ngã Năm và các dịch vụ y tế kèm theo nhằm đảm bảo quy mô đến năm 2035. Là trung tâm dịch vụ y tế của thị xã (phát triển các công trình xây dựng có tính chất y tế và dịch vụ phục vụ các hoạt động

y tế trong đô thị). Phát triển hệ thống y tế đến từng trung tâm xã, điểm dân cư, đảm bảo bán kính phục vụ.

+ Văn hóa, TDTT: Tại thị xã Ngã Năm đang thiếu một trung tâm văn hóa, TDTT đúng tính chất và quy mô, cần quy hoạch và đầu tư khu trung tâm văn hóa, TDTT tại trung tâm thị xã, đảm bảo quy mô. Tại các trung tâm xã cần quy hoạch các công trình văn hóa, TDTT cấp xã.

+ Đất hỗn hợp: là quỹ đất sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau (ví dụ: ở kết hợp kinh doanh dịch vụ, và/hoặc kết hợp sản xuất không độc hại…) đảm bảo tính linh hoạt và năng động để thực hiện các chiến lược phát triển đô thị.

4.9. Định hướng phát triển nông, lâm nghiệp

Sản xuất lúa tiếp tục phát triển. Thị xã tập trung chỉ đạo quy hoạch vùng sản xuất lúa đặc sản; chú trọng thay đổi giống mới có năng suất, chất lượng cao; đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất. Tập trung phát triển mô hình cánh đồng mẫu gắn kết với doanh nghiệp, đảm bảo được giá cả, lợi nhuận cho người dân an tâm sản xuất. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển theo hướng chăn nuôi tập trung quy mô trang trại, ứng dụng khoa học công nghệ, bảo đảm vệ sinh môi trường.

- Cần quan tâm đến công tác điều tiết nước, ngăn mặn giữ ngọt, phối hợp hợp với tình hình xâm nhập mặn diễn biến phức tạp, gây khó khăn cho các hoạt động sản xuất, canh tác nông nghiệp của nhân dân.

4.10. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

Trên cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, đầu tư nâng cấp và phát triển hoàn thiện hệ thống giao thông khung cho toàn thi xã. Đảm bảo nhu cầu về giao thông vận tải, tạo mối liên kết chặt chẽ và đồng bộ, đặc biệt là giao thông thủy và bộ. Chú trọng phát triển giao thông công cộng tại các trung tâm của đô thị kết nối các trung tâm với nhau bằng các phương tiện giao thông hiện đại, thân thiện với môi trường. Định hướng phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và định hướng cho thời kỳ 2020 - 2030. Cụ thể sau:

a. Đường bộ

- Hệ thống giao thông dày đặc kết nối thị xã Ngã Năm với thành phố Sóc Trăng, các khu vực trên toàn huyện và các khu vực lân cận, tạo điều kiện phát triển tiềm năng, lợi thế trong việc thúc đẩy nền kinh tế giữa các vùng trong khu vực, hình thành tam giác kinh tế động lực của tỉnh Sóc Trăng bao gồm:

+ Tuyến Quốc lộ Quản Lộ – Phụng Hiệp định hướng phát triển cấp III đồng bằng, kết nối với tỉnh Sóc Trăng từ tỉnh Hậu Giang ở phía Bắc và tỉnh Bạc Liêu ở phía Tây Nam, đi qua trung tâm thị xã, trung tâm phường 2 và phường 3, định hướng khi đi qua trung tâm thị xã, quy hoạch thành trục chính của đô thị có lộ giới 48m, khi đi ra khỏi trung tâm có lộ giới 36m ;

+ Quốc lộ 61B nối Sóc Trăng với Bạc Liêu và Hậu Giang, đi qua thị xã Ngã Năm, định hướng phát triển đạt cấp III đồng bằng; tuyến Quốc lộ 61B là tuyến quốc lộ mới được xây dựng trên cơ sở nâng cấp ĐT.937 (dài 18.5km), quốc lộ 61B sẽ kết nối 3 quốc lộ: quốc lộ 61; quốc lộ Quản Lộ - Phụng Hiệp; quốc lộ 1. Giao với Quản Lộ - Phụng Hiệp tại trung tâm thị xã Ngã Năm, QL đi qua trung tâm thị xã, trung tâm xã Tân Long và Long Bình có lộ giới là 32m;

+ Tuyến đường tỉnh 938 và 937B đi qua 2 trung tâm xã Mỹ Quới và Tân Long, 2 tuyến này đều đấu nối ra Quốc Lộ 1 có lộ giới là 30m, định hướng phát triển lên cấp III đồng bằng;

+ Các tuyến đường huyện như (70, 71, 72, 73, 75, 76, 77, 78, 79A, 79B, 79C) kết nối các trung tâm xã với nhau và với trung tâm của thị xã, tạo thành 1 hệ khung giao thông khép kín có lộ giới, định hướng phát triển lên cấp III đồng bằng đến năm 2035, có lộ giới là 30m.

+ Định hướng các tuyến đường hiện trạng trong đô thị: Đường Nguyễn Văn Linh có lộ giới 26m, nối dài tới tuyến đường Hùng Vương lộ giới 26m; Đường Nguyễn Trãi từ ngã giao với tuyến QL 61B tới tuyến Phạm Văn Đồng mở rộng lộ giới là 32m; đường Nguyễn Huệ từ đoạn QL Quản lộ - Phụng Hiệp tới Phạm Hùng không thay đổi lộ giới là 26m, từ tuyến Phạm Hùng đến Mai Thanh Thế giảm lộ giới xuống là 15m. Các tuyến đường trong đô thị, mật độ dân cư cao, định hướng cải tạo mặt đường, không thay đổi lộ giới.

+ Định hướng các tuyến đường trong đô thị quy hoạch mới: Đối với các tuyến quy hoạch mới định hướng như sau: Đường chính, trục cảnh quan có lộ giới 30m, đường phân khu vực có lộ giới 16m – 18m.

- Quy hoạch tại trung tâm thị xã 1 bến xe liên huyện và liên tỉnh.

b. Đường thủy

Thị xã Ngã Năm có mạng lưới giao thông đường thủy khá phát triển; hệ thống sông, kênh rạch chằng chịt liên thông nhau. Giao thông thủy là đặc trưng và cũng là thế mạnh của vùng ĐBSCL nói chung và Ngã Năm nói riêng. Trên địa bàn thị xã có 1 tuyến đường thủy do trung ương quản lý và 1 tuyến đường thủy do tỉnh quản lý.

+ Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp do trung ương quản lý toàn tuyến dài 95 km, trong đó qua huyện Ngã Năm 18 km, mặt kênh rộng 45-50 m, sâu 4-6 m, đường sông cấp III, cho phương tiện tải trọng dưới 800 tấn lưu thông. Đây là tuyến đường thủy huyết mạch nối vùng trũng và thị xã Ngã Năm nói riêng với các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Hậu Giang, Cần Thơ,… tới Tp. HCM.

+ Kênh Phú Lộc - Ngã Năm – Long Mỹ do tỉnh quản lý chiều dài toàn tuyến là 26 km, qua huyện Ngã Năm 16,06 km, mặt kênh rộng 30 - 45 m, sâu 3 - 4 m, đường sông cấp V, cho phương tiện có tải trọng dưới 200 tấn lưu thông. Đây là tuyến giao thông thủy liên tỉnh, liên huyện, nối huyện Ngã Năm với huyện Long Mỹ - tỉnh Hậu Giang, huyện Thạnh Trị, huyện Mỹ Xuyên và thị xã Vĩnh Châu - tỉnh Sóc Trăng.

c. Giao thông đô thị và nông thôn

- Giao thông đô thị:

+ Xây dựng hệ thống giao thông đô thị đồng bộ với các quy hoạch chuyên ngành khác và theo quy hoạch chung xây dựng của các đô thị, đảm bảo diện tích đất giao thông trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt tỷ lệ theo quy chuẩn cho các đô thị trong vùng. Bố trí đủ diện tích đất dành cho giao thông tĩnh và các công trình đầu mối; chỉ tiêu về mật độ mạng đường trong đô thị (tỷ lệ giữa tổng chiều dài các tuyến đường trên diện tích đất xây dựng đô thị) đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Phát triển hệ thống giao thông đô thị bền vững trên cơ sở hình thành và kết nối đồng bộ hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ.

+ Tổ chức hệ thống giao thông đô thị tách biệt với giao thông đối ngoại thông qua đường tránh, đường vành đai, đường gom và hệ thống nút giao thông. Hạn chế tối đa các tuyến quốc lộ đi xuyên qua trung tâm đô thị.

+ Phát triển giao thông đô thị, giao thông công cộng và các hình thức giao thông phát thải thấp, hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

- Giao thông nông thôn:

+ Đầu tư phát triển hệ thống giao thông nông thôn trong vùng đảm bảo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Mạng lưới giao thông nông thôn kết nối liên thông với các tuyến tỉnh lộ, quốc lộ đáp ứng nhu cầu về vận tải và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

+ Phát huy lợi thế về địa lý và điều kiện tự nhiên của địa phương, kết hợp giữa giao thông với thủy lợi, nông lâm nghiệp và các ngành kinh tế khác, đảm bảo khả năng lưu thông hiệu quả.

+ Xây dựng và cải tạo các tuyến giao thông nông thôn hiện hữu, đảm bảo lưu thông thông suốt, chất lượng mặt đường và các công trình trên đường đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a. Định hướng cao độ nền và thoát nước mặt

- Cao độ nền xây dựng:

+ Thị xã Ngã Năm thuộc khu vực 4 là vùng ven biển chịu ảnh hưởng của thủy triều. Tại các khu vực đô thị xây dựng mật độ cao, san lấp tập trung toàn bộ khu vực xây dựng; các khu vực nông thôn, xây dựng mật độ thấp, san lấp cục bộ theo vị trí từng công trình, dành quỹ đất đào hồ, kết nối kênh rạch, đảm bảo tiêu thoát nước.

+ Đối với các khu cây xanh, khu ở mật độ thấp, tính toán tần suất cho phép ngập phù hợp theo quy phạm nhằm giảm khối lượng, diện tích đào đắp, đảm bảo tiêu thoát nước hiệu quả.

- Thoát nước mặt:

+ Đối với các khu đô thị mới xây dựng hệ thống thoát nước riêng nhằm tái sử dụng nước mưa, tiết kiệm trong đầu tư xử lý nước thải. Đối với đô thị cũ, cải tạo xây dựng hệ thống thoát nước chung và chọn giải pháp cống bao có hố tách dòng để thu gom nước thải dẫn tới trạm xử lý nước thải tập trung của đô thị, từng bước tách dần hệ thống thoát nước thải riêng biệt với nước mưa.

+ Cải tạo, mở rộng kênh rạch và xây dựng hồ điều hòa trong khu vực nội thành, bảo vệ khôi phục các không gian xanh ven các kênh, rạch hiện hữu.

b. Cấp nước

- Tổ chức hệ thống cấp nước đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất trong vùng theo quy chuẩn hiện hành. Đảm bảo an toàn cấp nước, phù hợp với điều kiện hiện tại và tương lai, giảm tối đa thất thoát nước.

- Hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm để cấp nước, chỉ sử dụng nước ngầm để cấp nước cho những khu vực phân tán có khó khăn về nguồn nước mặt, những khu dân cư nông thôn với quy mô nhỏ xa mạng lưới cấp nước của vùng.

- Mạng lưới cấp nước được xác định trên cơ sở nâng cấp trạm cấp nước hiện hữu, xây dựng mới trạm cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu cấp nước tại các đô thị có thuận lợi về nguồn nước.

- Phát động phong trào sử dụng nước tiết kiệm và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

c. Cấp điện

Xây dựng mới và cải tạo mạng lưới điện trong vùng hòa với mạng lưới điện Quốc gia đảm bảo đáp ứng cung cấp điện cho sinh hoạt, sản xuất của vùng theo quy hoạch phát triển điện của ngành và quy hoạch phát triển của địa phương trong vùng. Đảm bảo cung cấp điện đầy đủ, liên tục, an toàn trong hiện tại và tương lai. Chú trọng phát triển nguồn năng lượng tự nhiên, năng lượng tái tạo thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, khuyến khích sử dụng năng lượng sạch.

d. Thông tin liên lạc:

Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc hiện đại, an toàn có dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ sóng rộng.

- Từng bước thực hiện cáp quang hóa toàn vùng với công nghệ hiện đại, công nghệ truyền dẫn tiên tiến đối với mạng truyền dẫn liên tỉnh, nội tỉnh, nội hạt. Phát triển thông tin di động theo hướng tăng dung lượng, mở rộng và nâng cao chất lượng vùng phủ sóng.

- Ứng dụng rộng rãi và hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước, các ngành kinh tế, các lĩnh vực xã hội, văn hóa và an ninh quốc phòng.

e. Thoát nước và xử lý nước thải

+ Khu trung tâm: Áp dụng công nghệ xử lý nước thải hiện đại cho các đô thị. Các khu hiện hữu giữ hệ thống cống chung, xây dựng các tuyến cống bao tách dòng để thu nước thải về trạm xử lý, từng bước xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Các khu vực xây dựng mới phải xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng.

+ Khu vực nông thôn: Các phường, xã, cụm dân cư nông thôn tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải). Xử lý nước thải bằng sinh học tự nhiên tại các hồ, kênh rạch.

+ Khu, cụm công nghiệp: Hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng, xây dựng trạm xử lý nước thải và làm sạch đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN40/2011 trước khi xả ra môi trường.

f. Xử lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Xử lý chất thải rắn:

Tại thị xã xây dựng khu xử lý chất thải rắn phục vụ trong phạm vi của thị xã, cự ly vận chuyển < 20 km, quy mô 5-7 ha để thu gom và xử lý rác cho các trung tâm thị xã, xã Long Bình và xã Tân Long.

Xử lý rác thải, chất thải theo hướng giảm xã thải, phát thải, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng và tái chế rác thải.

- Nghĩa trang:

Định hướng nghĩa trang hiện hữu trong đô thị, không mở rộng, quy hoạch cây xanh cách ly theo tiêu chuẩn.

6. Cấu trúc và hướng phát triển của trung tâm thị xã

- Trung tâm thị xã Ngã Năm phát triển mô hình đô thị dạng nén, đô thị phát triển theo chuỗi đô thị (đô thị phát triển theo các trục giao thông). Hướng phát triển chính của đô thị theo hướng Đông Bắc, theo trục Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp.

- Trong giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025, đô thị phát triển từ đô thị hiện hữu phát triển điều về các hướng. Giai đoạn đến năm 2035 phát triển các đô thị mới, cụm công nghiệp, hướng phát triển sẽ tập trung phát triển về hướng Đông Bắc.

- Hệ thống trung tâm:

+ Khu trung tâm hành chính thị xã (khu phía Đông)

Là khu phát triển hạt nhân của khu trung tâm thị xã, là trung tâm hành chính của thị xã, phát triển khu trung tâm dịch vụ đô thị và các khu ở mới. Cấu trúc của khu này tạo lập bởi các trục đường chính là Quản lộ - Phụng Hiệp; Quốc lộ 61B; Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng….. Việc phát triển khu nội thị thị xã, dự kiến đây sẽ là nhân tố động lực quan trọng để phát triển khu vực nội thị thị xã trong giai đoạn đầu phát triển.

+ Trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp – Quảng trường trung tâm

Phát triển dựa trên việc mở rộng khu vực hiện trạng. Đây là khu vực có sẵn tiền đề phát triển đô thị với tính chất là trung tâm thương mại dịch vụ và khu dân cư thương mại dịch vụ. Khu đất thuận lợi giao thông thủy và bộ, đường thủy giáp kênh xáng Quản lộ - Phụng Hiệp và kênh xáng Ngã Năm – Phú Lộc, đường bộ hiện trạng có trục Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp, trục Nguyễn Huệ và Phạm Văn Đồng. Định hướng quy hoạch kiến trúc cảnh quan trở thành một tuyến thương mại – du lịch – văn hóa địa phương. Việc phát triển mạnh khu này sẽ sớm tạo cho thị xã một khu trung tâm dịch vụ thương mại và dân cư quan trọng gắn liền với thế mạnh của chợ nổi Ngã Năm, giáp với tuyến kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh xáng Ngã Năm – Phú Lộc.

Quảng trường trung tâm được quy hoạch trên trục chính đô thị có lộ giới 30m, từ tuyến Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp đi vào, tại khu trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp. với chức năng tập trung đông người, tổ chức các sự kiện, chợ đêm,.. kết nối với khu trung tâm thương mại của thị xã.

+ Trung tâm văn hóa – TDTT

Đối diện với khu trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp qua trục Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp quy hoạch thành khu trung tâm VH-TDTT của thị xã, nơi đây tập trung các công trình văn hóa, các sân tập thể thao.

+ Trung tâm thương mại, chợ nổi

Khu này hầu như chưa phát triển, thiếu hệ thống kết nối giao thông với bờ Nam kênh Quản lộ - Phụng Hiệp, dân cư chủ yếu sống dọc theo kênh. Khu này có thế mạnh là khu chợ nổi, đặc trưng của thị xã Ngã Năm. Định hướng phát triển thành khu trung tâm thương mại dịch vụ, chợ truyền thống (chợ nổi) và khu dân cư mới. Việc phát triển khu vực này góp phần mở rộng hướng phát triển của trung tâm thị xã, hình thành hệ thống trung tâm khu xung quanh Ngã Năm.

Mở 2 trục chính (trục khung) từ Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp và Quốc lộ 61B sẽ kết nối với nhau, tạo thành trục khung của các trung tâm, đây là trục liên kết của 5 dòng sông.

+ Khu trung tâm cụm công nghiệp

Khu đất từ kênh Bến Long tới rạch Tư Bí, từ QLPH trở ra kênh xáng Quản lộ - Phụng Hiệp được quy hoạch thành cụm công nghiệp Ngã Năm. Từ QLPH tới tuyến vành đai quy hoạch khu đô thị mới, từ tuyến vành đai trở ra là đất dân cư nông thôn thành đất dự phòng phát triển.

7. Các trục, tuyến, khu trung tâm, điểm trung tâm phát triển không gian

a. Các trục, tuyến chủ đạo

+ Trục kinh tế - kỹ thuật - đô thị - cảnh quan chủ đạo dọc theo Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp và Quốc lộ 61B: Là trục tổ chức các khu chức năng kinh tế - xã hội, là trục giao thương liên vùng, giao thông đối ngoại, kết nối bao gồm các khu trung tâm bờ Nam và cụm công nghiệp.

+ Trục hành chính - hạ tầng xã hội, từ khu hành chính (trục đường Nguyễn Văn Linh và Phạm Văn Đồng) kết nối đô thị theo hướng Bắc – Nam (tại trục đường Nguyễn Huệ): Phát triển thành 1 trục cảnh quan đô thị, nối kết với trung tâm khu phía Nam.

+ Trục thương mại – du lịch – văn hóa, là trục khung nối kết 5 khu trung tâm lại với nhau: Dự kiến phát triển thành 1 trục có tính đặc thù địa phương với nhiều chức năng như: Chợ nổi, chợ đêm, nhà ở gắn liền với thương mại.

+ Trục đường thủy, tạo nên nét đặc trưng của vùng sông nước, cần được quy hoạch và thiết kế các tuyến kè đảm bảo không lấn chiếm lòng sông mà vẫn đảm bảo thẩm mỹ không làm mất đi nét đặc trưng của Ngã Năm.

b. Các khu trung tâm

Các trung tâm của đô thị với chức năng tổng hợp hoặc chuyên ngành được bố trí ở 5 khu phát triển gồm: Khu phía Đông, khu phía Nam, khu phía Tây Bắc, khu phía Đông Bắc, khu phía Đông Nam.

c. Các điểm không gian chủ đạo

Chợ nổi; ngã giao của 5 dòng sông; khu tượng đài chiến thắng; chợ đêm; trung tâm văn hóa – TDTT.

8. Lộ trình phát triển

Giai đoạn từ nay đến năm 2035, thị xã Ngã Năm có mục tiêu là xây dựng phát triển trở thành đô thị loại III. Do đó cần tập trung nguồn lực vào một số mục tiêu phát triển có tính chiến lược, có khả năng lan tỏa và thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực khác, đồng thời cần phát huy cấu trúc không gian sinh thái tự nhiên trong không gian đô thị nhằm đặt nền móng cho phát triển bền vững.

- Giai đoạn 1 (đến năm 2025) tập trung phát triển hoàn thiện khu đô thị hiện hữu, xây dựng hệ trục khung chính của đô thị, phát triển mạnh các đô thị phía bờ Bắc kênh Xáng Quản lộ - Phụng Hiệp.

- Giai đoạn 2 (đến năm 2035) hướng phát triển chính của đô thị theo hướng Đông Bắc, theo hướng trục hành lang kinh tế kỹ thuật đô thị Quản lộ - Phụng Hiệp, nhằm tăng cường kết nối với các vùng lân cận Hậu Giang và Cần Thơ. Mở rộng không gian đô thị.

Trong cả hai giai đoạn cần quán triệt việc tránh tối đa các ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh tế - xã hội và môi trường tự nhiên của thị xã, cùng với việc thực hiện theo lộ trình vẫn tạo cơ chế mở cho các hoạt động đầu tư khác nếu có điều kiện.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phân khu chức năng

- Hệ thống trung tâm gồm: Trung tâm hỗn hợp và các trung tâm chuyên ngành (Trung tâm hành chính; trung tâm dịch vụ, du lịch, thương mại; trung tâm văn hóa - TDTT; trung tâm giáo dục và đào tạo; trung tâm y tế...).

- Các khu ở, gồm có các khu ở đô thị cũ được cải tạo chỉnh trang; các khu ở đô thị mới và khu dân cư nông thôn đô thị hóa.

- Các khu công cộng, cơ quan khác thuộc quản lý của đô thị.

- Các khu cây xanh thể dục thể thao, công viên.

- Các khu tiểu thủ công nghiệp và kho tàng.

- Khu vực an ninh Quốc phòng (Công an thị xã, Bộ Chỉ huy Quân sự thị xã).

- Các khu dự trữ phát triển đô thị.

2. Hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội

2.1. Mạng lưới công trình trụ sở cơ quan

- Toàn bộ hệ thống trụ sở cơ quan hành chính cấp thị xã được bố trí theo dự án đầu tư xây dựng Khu hành chính của thị xã đã thực hiện.

- Giữ nguyên khu trung tâm hành chính trên 2 tuyến Nguyễn Văn Linh và Phạm Văn Đồng.

- Giữ nguyên vị trí trung tâm phường 1.

- Trụ sở cơ quan, văn phòng đại diện của các cơ quan, doanh nghiệp được bố trí theo 2 hình thức: Tập trung tại khu trung tâm hành chính và bố trí trong các khu trung tâm đô thị.

2.2. Mạng lưới công trình y tế

- Tuyến cấp huyện: Hiện tại thị xã có 1 bệnh viện đa khoa nằm tại khu trung tâm phía Đông, giáp với trục đường Nguyễn Huệ, đề xuất quy hoạch phần đất để mở rộng quy mô trong tương lai về hướng Tây Nam.

- Tuyến khu vực: Các trung tâm y tế đều tập trung về khu trung tâm phía Nam. Bán kính phục vụ không đảm bảo, đề xuất bố trí thêm mỗi trung tâm đô thị có 1 công trình y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng với quy mô khám chữa bệnh tương đương trung tâm ý tế liên phường.

2.3. Mạng lưới công trình giáo dục – đào tạo

- Tuyến cấp huyện: Hiện tại, tại khu phía Nam có trường THPT Mai Thanh Thế, khu phía Đông có trường THPT phường 1 và Trung tâm giáo dục dạy nghề, trường bồi dưỡng chính trị trong khu hành chính của thị xã. Quy hoạch thêm khu phía Tây và phía Bắc trường THPT để đảm bảo quy mô cũng như bán kính khi đô thị phát triển và mở rộng.

- Tuyến cấp khu vực: Hiện tại khu phía Nam và Đông có các trường cấp 1, 2 và mẫu giáo, đề xuất bố trí cho các khu trung tâm còn lại 1 cụm trường cấp 1, 2 và giáo dục mầm non tại các khu ở mới.

2.4. Mạng lưới công trình văn hóa

- Tuyến huyện: Hiện tại trong khu hành chính có thư viện với quy mô đủ đáp ứng, còn các hạng mục khác chưa được đầu tư. Xây dựng các công trình văn hóa cấp huyện như: Bảo tàng, triển lãm, nhà hát, cung văn hóa, cung thiếu nhi,... tập trung tại khu VH-TDTT.

- Tuyến khu vực: Tại các khu trung tâm bố trí các công trình văn hóa – TDTT trong công viên của khu vực.

2.5. Mạng lưới công trình thể dục thể thao

- Tuyến huyện: Quy hoạch trung tâm TDTT và hệ thống sân tập, thi đấu cấp huyện tại khu đất phía Nam giáp với QL QL-PH.

- Tuyến khu vực: Tại các khu trung tâm bố trí các sân thể dục thể thao hoặc nhà tập luyện trong công viên của khu vực.

2.6. Mạng lưới công trình thương mai – dịch vụ

Giữ nguyên hệ thống công trình thương mại dịch vụ hiện có. Dự kiến xây dựng mới cho đô thị hệ thống công trình sau:

- Chợ đầu mối kiêm chợ trung tâm được bố trí tại khu phía Nam, giáp đường Nguyễn Huệ, Mai Thanh Thế và Nguyễn Trung Trực. Hình thành khu thương mại dịch vụ.

- Chợ truyền thống bên khu chợ nổi, nhằm phát triển trên bến dưới thuyền, phát huy tối đa hình thức chợ nổi, nét đặc trưng của Ngã Năm.

- Tại các vị trí giao của các trục chính đô thị có tính chất thương mại dịch vụ tổng hợp.

2.7. Hệ thống cây xanh đô thị

Hệ thống cây xanh đô thị bao gồm:

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng: Công viên, cây xanh, vườn hoa được quy hoạch chức năng phục vụ cho từng khu phục vụ nhiều đơn vị ở, toàn đô thị.

+ Đất cây xanh đường phố: Trên các trục khung, trục đường chính, đường phân khu vực cây xanh được trồng trên vỉa hè, dảy phân cách.

+ Đất xây xanh cách ly: được quy hoạch tại nghĩa trang liệt sĩ, các trạm xử lý nước thải.

VI. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO CÁC GIAI ĐOẠN

1. Định hướng sử dụng đất đến năm 2025

- Định hướng đến năm 2025 quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 400ha, dân số khoảng 25.000 người, mật độ khoảng 6200 người/km². Hướng phát triển của đô thị nền tảng từ đô thị hiện trạng phát triển ra tới trục khung của đô thị.

- Khu đất phía Nam: Hoàn thiện khu trung tâm thương mại giáp tuyến Phạm Văn Đồng, Nguyễn Huệ, Mai Thanh Thế và Nguyễn Trung Trực, mở rộng đô thị về phía Nam, hình thành trục khung đô thị nối từ trục QL Quản lộ - Phụng Hiệp qua khu phía Tây, mở rộng bệnh viện đa khoa thị xã, đầu tư công viên cây xanh công cộng, quảng trường, chợ đêm.

+ Khu đất phía Đông: Định hướng mở rộng đô thị ra tới trục QL Quản lộ - Phụng Hiệp và QL 61B. Hoàn thiện khu hành chính, nối dài trục Nguyễn Văn Linh ra tới đường Hùng Vương. Đầu tư khu dịch vụ thương mại dịch vụ giáp với tượng đài Chiến Thắng và góc giao giữa QL – PH và QL 61B, mở rộng công an thị xã, đầu tư khu VH-TDTT giáp với QL 61B.

+ Khu đất phía Tây: Quy hoạch trục khung của đô thị. Trục từ khu phía Nam qua kết nối xuống khu chợ nổi, phát triển đô thị ra tới trục khung. Khu này trước mắt đầu tư chợ trung tâm khu vực chợ nổi đây là trọng điểm của khu đất phía Tây. Hình thành khu công viên cây xanh khu vực, công trình thương mại dịch vụ tổng hợp.

+ Khu phía Bắc: Phát triển đô thị ra tới trục QL 61B, hình thành khu đô thị ở mới hướng về phía Bắc.

2. Định hướng sử dụng đất đến năm 2035

Từ nền tảng phát triển đô thị đến năm 2025, định hướng phát triển đô thị đến năm 2035 tập trung phát triển đô thị theo hướng Đông Bắc, các hướng còn lại phát triển chủ yếu mở rộng đô thị, với quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 1.016ha, dân số khoảng 61.000 người, mật độ khoảng 6000 người/km².

VII. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Loại đất	Hiện trạng (ha)	Giai đoạn đến năm 2025			Giai đoạn đến năm 2035			Ghi chú
			25.000 dân			61.000 dân			
			Chỉ tiêu (ha)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (ha)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
A	**ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ**	**144,57**	**416,67**	**400,32**	**100,00**	**1.016,67**	**1.016,12**	**100**	
I	**ĐẤT DÂN DỤNG**	**75,56**	**152 - 195**	**185,26**	**46,28**	**372 - 475,8**	**474,78**	**46,72**	
1	**Đất đơn vị ở**	**58,95**	**≤ 120**	**109,3**		**≤ 310**	**297,94**		
2	**Đất công cộng, dịch vụ đô thị, tổng hợp**	**5,6**	***7,2 - ≥10***	**42,73**		**18,63- ≥24,4**	**82,57**		
2.1	Đất y tế	*2,15*		2,28			2,28		
	Bệnh viện, trạm y tế	*2,15*	*0,0375*	*2,28*		*0,0915*	*2,28*		
2.2	Đất giáo dục	1,67	1,5	6,42		3,66	14,26		
	Trường THPT	*1,67*		*6,42*			*14,26*		
2.3	Đất văn hóa - TDTT	0,16	*5*	6,98		7,5	20,33		
	Thư viện	*0,16*	*0,5*			*0,5*			
	Bảo tàng	*0*	*1*			*1*			
	Triển lãm	*0*	*1*			*1*			
	Cung văn hóa	*0*	*0,5*			*0,5*			
	Cung văn hóa thiếu nhi	*0*	*1*			*1*			
	Sân thể thao cơ bản	*0*	*1*			*1*			
	Sân vận động					*2,5*			
2.4	Đất thương mại - dịch vụ, hỗn hợp	*1,6*		22,37			41,02		
2.5	Chợ	*0,02*	*0,8*	4,68		0,8	4,68		
2.5,1	Chợ truyền thống (chợ nổi)	*0,02*		4,24			4,24		
2.5,2	Chợ trung tâm			0,44			0,44		
3	**Đất giao thông nội thị - quản trường**	**11,01**	**18,46 - ≥ 34,68**	**20,03**		**45,19 - ≥84,61**	**46,79**		
	Đất giao thông bộ	*11,01*		*18,51*			*45,27*		
	Quản trường	*0*		*1,52*			*1,52*		
4	**Đất cây xanh đô thị**	**0**	**10 - ≥12,5**	**13,2**		**24,4 - ≥30,5**	**47,48**		
II	**ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG**	**69,01**	**221,67 - 264,67**	**215,06**	**53,72**	**540,87 - 644,67**	**541,34**	**53,28**	
1	**Đất cụm công nghiệp**	**3,47**		**0**			**55,16**		*cụm công nghiệp không nằm trong ranh nghiên cứu trực tiếp giai đoạn đến 2025, nhưng vẫn được phát triển khi thu hút được nhà đầu tư*
2	**Đất cơ quan, sự nghiệp**	**5,31**		**5,1**			**5,1**		*giữ theo hiện trạng nhưng do mở rộng lộ giới nên diện tích giảm*
3	**Đất y tế**	**0**		**6,64**		**2,44**	**6,64**		
	Đất trung tâm dịch vụ y tế	*0*		*6,64*		*2,44*	*6,64*		
4	**Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo**	**1,31**		**2,04**			**2,04**		
	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	*0,77*		*2,04*			*0,77*		
	TTGD nghề nghiệp- GD thường xuyên	*0,54*		*1,27*			*1,27*		
5	**Đất tôn giáo, di tích**	**6,64**		**4,37**			**4,37**		*giữ theo hiện trạng nhưng do mở rộng lộ giới nên diện tích giảm*

Stt	Loại đất	Hiện trạng (ha)	Giai đoạn đến năm 2025			Giai đoạn đến năm 2035			Ghi chú
			25.000 dân			61.000 dân			
			Chỉ tiêu (ha)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (ha)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
6	**Đất giao thông đối ngoại**	**41,94**		**68,49**			**134,34**		
	Giao thông bộ	*41,23*		*68,20*			*131,05*		
	Bến xe	*0,42*		*0*			*3*		
	Bến tàu, ghe khu chợ trung tâm	*0,05*		*0,05*			*0,05*		
	Bến chợ nổi	*0,24*		*0,24*			*0,24*		
7	**Đất công trình đầu mối HTKT**	**0,02**		**0,53**			**3,31**		
	Trạm xử lý nước thải	*0*		*0,4*			*2,68*		
	Trạm cấp nước sạch	*0,02*		*0,11*			*0,6*		
	Trạm trung chuyển chất thải rắn tạm thời	*0*		*0,02*			*0,03*		
8	**Đất cây xanh**	**0**		**0,3**			**7,13**		
	Đất cây xanh cách ly	*0*		*0,3*			*7,13*		
9	**Đất an ninh, Quốc phòng**	**3,1**		**1,47**			**9,37**		
	Đất Quốc phòng	*1,63*		*0*			*3,95*		
	Đất công an thị xã	*1,47*		*1,47*			*2,95*		
	Đất công an PCCC	*0*		*0*			*2,47*		
10	**Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng**	**7,22**		**0**			**2**		
11	**Đất hỗn hợp**	**0**		**126,12**			**311,88**		
B	**ĐẤT KHÁC**	**2.197,43**		**21,68**			**1325,88**		
1	*Đất mặt nước*	*185,2*		*21,68*			*151,39*		
2	*Đất chưa sử dụng*	*28,63*							
3	*Đất dự phòng phát triển*	*0*		*0*			*1.174,49*		
4	*Đất sản xuất nông nghiệp đô thị*	*1.983,60*		*0*			*0*		
	TỔNG CỘNG	**2.342,00**		**422,00**			**2.342,00**		

VIII. QUY HOẠCH TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

- Khai thác các giá trị cảnh quan thiên nhiên (sông, kênh, rạch...) kết hợp với hệ thống cây xanh, mặt nước nhân tạo để hình thành nên hệ thống không gian cây xanh cảnh quan phù hợp cho đô thị và cho các khu chức năng.

- Kiến trúc cảnh quan đô thị cần hướng tới tính biểu trưng, tính sinh thái cùng với việc xây dựng đồng bộ hiện đại.

- Các trục giao thông chính được xác định là trục tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan. Trong đó cần tạo tầm nhìn thoáng rộng, điểm nhìn đa dạng và tạo cảm hứng thị giác, đảm bảo mô hình xây dựng cho các khu chức năng dọc tuyến.

- Các khu chức năng chính được quy hoạch với hình thái đô thị hiện đại, tối ưu hóa công năng sử dụng, tiết kiệm năng lượng và chi phí sử dụng, tạo dựng các không gian trung tâm đặc trưng, tạo dựng không gian liên hoàn, sinh động và phong phú.

- Các khu dịch vụ du lịch được quy hoạch với hình thái đô thị du lịch sinh thái, không gian thay đổi linh hoạt, chủ đạo là yếu tố thiên nhiên tạo cảm giác thư giãn và hấp dẫn với khách du lịch.

IX. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Yêu cầu chung trong công tác quy hoạch: Đáp ứng cho đô thị loại III. Trong đó có nhiệm vụ làm rõ các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đã có hiện tượng và xu hướng rõ rệt tại khu vực miền Tây Nam Bộ. Phù hợp với chương trình ứng phó với biến đổi của tỉnh đã được phê duyệt.

1. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

1.1. Cao độ nền xây dựng

Tính toán cao độ nền xây dựng đô thị theo QCXDVN 01:2008/BXD và tham khảo theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn 2050.

Cao độ trung bình toàn khu trung tâm hiện nay khoảng +1.130 cao độ Hòn Dấu, hệ tọa độ Quốc gia VN2000.

Theo kịch bản biến đổi khí hậu trong những năm gần đây, chọn cao độ khống chế xây dựng cho đô thị là: **+2,00m** hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu – Hải Phòng).

Cao độ nền xây dựng trong thị xã được xác định theo yêu cầu đảm bảo độ khống chế cao hơn nước biển dâng do biến đổi khí hậu ở kịch bản bất lợi nhất, độ dốc đảm bảo thoát nước trung bình 0,005%.

Xác định cao độ nền hợp lý cho từng khu vực, đảm bảo thoát nước tốt, bám sát địa hình tự nhiên và hiệu quả đầu tư, lựa chọn cao độ san nền khống chế ≥ +1,8m, cao độ san nền trung bình là +2,0m theo Hệ cao độ Quốc gia (Hòn Dấu), hệ tọa độ VN2000. Vùng công nghiệp cao độ san nền trung bình +2,0m đến +2,2m.

Kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng các công trình mới làm ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước của các khu dân cư hiện hữu liền kề. Thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường đảm bảo ổn định cuộc sống cho người dân.

**** Giải pháp san nền:***

+ Đối với khu vực đã xây dựng: Từng bước hoàn thiện cao độ xây dựng, nâng dần độ cao nền xây dựng đến độ cao san nền quy hoạch.

+ Đối với khu vực chưa xây dựng: Khống chế cao độ xây dựng, tôn nền đến cao độ khống chế chung của đô thị. Giải pháp san nền bằng cát lấp, kết hợp đào hồ và tận dụng kênh, rạch tự nhiên để lấy đất; đồng thời, thuận lợi việc tiêu thoát nước và tạo các hồ cảnh quan.

1.2. Thoát nước mưa

a. Phương án quy hoạch

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước bẩn. Xác định hướng thoát và phân chia lưu vực, thiết kế quy hoạch tính toán theo quy định của QCXDVN 01: 2008/BXD, QCVN 07-2: 2016/BXD.

- Những yêu cầu chung hệ thống thoát nước mưa cần đạt được:

+ Phù hợp với quy hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn về phát triển hạ tầng kỹ thuật. Mạng lưới đường cống được bố trí bám theo các trục giao thông, đồng thời đảm bảo kết nối và tính tự chủ trong đầu tư xây dựng của dự án.

+ Giải quyết được cơ bản tình hình ngập úng của khu vực trong mùa mưa và tình hình ô nhiễm môi trường từ nước thải chảy ra hệ thống cống chung (giữa nước mưa và nước thải), giảm tới mức tối thiểu mức độ ô nhiễm do nước thải tới môi trường.

+ Khai thác tối đa khả năng, các điều kiện thuận lợi của khu vực cho công tác thoát nước như hệ thống sông ngòi, kênh rạch hiện hữu có khả năng thoát nước tự chảy khi triều rút để thoát toàn bộ nước mưa ra kênh rạch.

+ Các vị trí thoát nước chủ yếu thoát ra kênh Quản lộ Phụng Hiệp, kênh xáng Ngã Năm – Phú Lộc, kênh Xáng Chìm.

- Giải pháp thoát nước khu vực đô thị: Hiện nay có một số tuyến ống, mương thoát nước chung cần được cải tạo, nạo vét khơi thông dòng chảy tới các điểm xả ra nguồn. Tại các điểm xả phải có các giếng tách nước thải để thu gom nước thải về trạm

xử lý. Tại các khu vực chưa có hệ thống thoát nước, quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng.

- Giải pháp thoát nước cụm công nghiệp: Quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng.

b. Lưu vực thoát nước:

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước thải, được chia thành 09 lưu vực chính theo địa hình tự nhiên.

+ Lưu vực 1: Bao gồm khu vực phía Nam giáp bởi Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc; đường Vành đai dự kiến và trục khung nối qua bờ Bắc.

+ Lưu vực 2: Bao gồm khu vực phía Nam giáp bởi kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; tuyến vành đai; trục khung nối qua bờ Bắc

+ Lưu vực 3: Bao gồm khu vực phía Đông giáp bởi kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc; kênh Bến Long và ranh khu quy hoạch.

+ Lưu vực 4: Bao gồm khu vực Phía Đông giáp bởi kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh Bến Long; kênh Lâm Trà; ranh khu đất quy hoạch.

+ Lưu vực 5: Bao gồm khu vực Phía Đông giáp bởi kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh Lâm Trà; ranh khu quy hoạch.

+ Lưu vực 6: Bao gồm khu vực phía Tây giáp kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; rạch Đường Trâu; ranh khu quy hoạch.

+ Lưu vực 7: Bao gồm khu vực phía Tây giáp rạch Đường Trâu; rạch Xẻo Chít; ranh khu quy hoạch.

+ Lưu vực 8: Bao gồm khu vực phía Tây bắc giáp bởi kênh Xáng Chìm; rạch Xẻo Chít; ranh khu quy hoạch.

+ Lưu vực 9: Bao gồm khu vực phía Đông Bắc giáp bởi kênh xáng Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh Xáng Chìm; ranh khu quy hoạch.

c. Giải pháp quy hoạch

Tận dụng triệt để các dòng sông, kênh, rạch trong khu vực cho việc thoát nước. Tất cả các tuyến cống, được quy hoạch có hướng thoát trùng với hướng dốc của san nền và theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất. Để tiện cho việc quản lý sau này toàn bộ cống, hố ga bố trí trên vỉa hè khoảng cách giữa 2 hố ga từ 30m đến 60m, độ dốc cống tối thiểu i=1/D.

2. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông

2.1. Nguyên tắc thiết kế

- Kết nối giao thông vùng huyện và vùng tỉnh, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh phát triển giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020.

- Phát huy tối đa kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, đảm bảo khai thác hiệu quả và bền vững. Thiết kế hệ thống giao thông đáp ứng được nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa ngày càng gia tăng.

- Hệ thống giao thông được thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 4050-2005; TCXDVN 104-2007; TCVN 5729-1997 và một số tiêu chuẩn hiện hành khác.

- Các giải pháp thiết kế cần có giải pháp ứng phó với việc ngập úng kéo dài.

2.2. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông

2.2.1 Giao thông đối ngoại

a. Đường bộ:

- Tuyến Quốc lộ Quản Lộ - Phụng Hiệp nối kết với tỉnh Sóc Trăng từ tỉnh Hậu Giang ở phía Bắc và tỉnh Bạc Liêu ở phía Tây Nam. Lộ giới được quản lý theo quy hoạch chuyên ngành giao thông tỉnh. Riêng đối với đoạn đi qua khu vực trung tâm thị xã được định hướng quy hoạch là đường cấp đô thị, vừa là trục chính của đô thị vừa là trục cảnh quan có lộ giới 48m (đoạn từ kênh 30 tháng 4 đến kênh Bến Long) và đoạn còn lại là đường trục chính có lộ giới 36m (khoảng lùi mỗi bên ≥6m và sẽ được cụ thể trong đồ án quy hoạch phân khu để đảm bảo theo quản lý tại địa phương).

- Quốc lộ 61B nối Sóc Trăng với Bạc Liêu và Hậu Giang, đi qua thị xã Ngã Năm, định hướng phát triển đạt cấp III đồng bằng, giao với Quản Lộ - Phụng Hiệp tại trung tâm thị xã Ngã Năm. Lộ giới được quản lý theo quy hoạch chuyên ngành giao thông tỉnh. Riêng đối với đoạn đi qua khu vực trung tâm thị xã được định hướng quy hoạch là đường cấp đô thị, là trục chính của đô thị có lộ giới quy hoạch là 32m.

- Các tuyến đường huyện được rà soát hướng tuyến phù hợp với định hướng đô thị hóa của khu vực, lộ giới được quy hoạch từ 16m – 17m.

- Đường vành đai đô thị: Là tuyến đường tránh trung tâm đô thị và đường Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp, lộ giới quy hoạch là 30m.

b. Đường thủy:

- Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp do trung ương quản lý toàn tuyến dài 95 km, trong đó qua thị xã Ngã Năm 18 km, mặt kênh rộng 45-50 m, sâu 4-6 m, đường sông cấp III, cho phương tiện tải trọng dưới 800 tấn lưu thông. Đây là tuyến đường thủy huyết mạch nối vùng trũng là thị xã Ngã Năm nói riêng với các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Hậu Giang, Cần Thơ,… tới thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyến kênh Xáng Ngã Năm - Phú Lộc đạt cấp V, độ sâu 1.5m, rộng 25m.

- Tuyến kênh Xáng Chìm và còn nhiều tuyến kênh, rạch lưu thông đường thủy do thị xã và xã quản lý.

- Khơi thông, nạo vét, mở rộng các tuyến kênh, sông trong thị xã và vùng lân cận đảm bảo cho các phương tiện đi lại phục vụ du lịch, giải trí và sản xuất.

2.2.2. Giao thông đối nội

- Một số tuyến đường khu vực trung tâm cơ bản đã hình thành, dân sống mật độ cao được quy hoạch đảm bảo theo lộ giới địa phương quản lý.

Bảng lộ giới các tuyến đường quy hoạch

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)
1	Đường chính của đô thị	26
2	Đường trục khung đô thị	30
3	Đường phân khu vực	16 - 18

2.2.3. Công trình giao thông

a. Công trình cầu, cống

- Dự kiến xây dựng 02 cây cầu qua kênh Quản lộ - Phụng Hiệp, 01 cây cầu qua kênh Xáng Chìm, đảm bảo tĩnh không theo quy định tuyến sông. Xây mới cống qua rạch Xẻo Chít và rạch Đường Trâu

- Các cầu cống khác trong khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây mới theo nguyên tắc phù hợp với yêu cầu quy hoạch của mạng lưới giao thông, các tiêu chí kinh tế - kỹ thuật - mỹ quan, quy hoạch đến năm 2030.

b. Bến xe, bãi xe

- Bến xe: Dự kiến xây dựng 01 bến xe đối ngoại diện tích khoảng 3,00 ha tại phía Đông, giáp với Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp, gần vòng xoay Ngã Năm.

- Bãi xe: Dự kiến kết hợp xây dựng bãi xe trong các khu trung tâm thương mại dịch vụ.

c. Bến sông

- Bến sông tại chợ nổi: Cải tạo, sửa chữa đáp ứng được quy mô trong tương lai.

- Bến thuyền trên kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc: Cải tạo, sữa chữa đáp ứng được quy mô trong tương lai.

BẢNG QUY HOẠCH VỀ LỘ GIỚI ĐẾN NĂM 2035

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	MẶT CẮT	LỘ GIỚI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ (m)	DẢI PHÂN CÁCH m)	GHI CHÚ		
								Điểm Đầu	Điểm Cuối	Khoảng Lùi
	GIAO THÔNG HIỆN TRẠNG									
1	QUẢN LỘ PHỤNG HIỆP	3498	1--1	48	8+15+8	6,5+6,5	2+2	Rạch Cống Đá	Kênh Bến Long	Khoảng Lùi mỗi bên sẽ cụ thể hóa trong các đồ án quy hoạch phân khu
		5094,41	2--2	36	10,5+10,5	6+6	3	Đoạn còn lại trong ranh quy hoạch		
2	QUỐC LỘ 61B	5082,62	3--3	32	10,5+10,5	4,5+4,5	2	Suốt tuyến trong ranh quy hoạch		
3	ĐƯỜNG 3 THÁNG 2	494	11--11	12	8	2+2	-	Đ.Nguyễn Trung Trực	Đ.Phạm Hùng	
		2428	8'--8'	17	9	4+4	-	Đoạn còn lại trong ranh quy hoạch		
4	ĐƯỜNG MAI THANH THẾ	564,16	9--9	16	8	4+4	-	Toàn tuyến		
5	ĐƯỜNG PHẠM HÙNG	612	8--8	17	8	4,5+4,5	-	Đ.Nguyễn Huệ	Đ. 3 Tháng 2	
6	ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ	170	5-5	14,5	8,5	3+3	-	Đ.Mai Thanh Thế	Đ.Phạm Hùng	
		882	6--6	26	7+7	5+5	2	Đ.Phạm Hùng	QL Phụng Hiệp	
7	ĐƯỜNG NGUYỄN TRUNG TRỰC	2150	8'--8'	17	9	4+4	-	Toàn tuyến		
8	ĐƯỜNG PHẠM VĂN ĐỒNG	509	6--6	26	7+7	5+5	2			
9	ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG	1658	8'--8'	17	9	4+4	-			
10	ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI	1573	3--3	32	10,5+10,5	4,5+4,5	2	QL 61B	Đ Phạm Văn Đồng	
		561	7--7	18	8	5+5	-	Đ Phạm Văn Đồng	Đ.Hùng Vương	
11	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH	994	6--6	26	7+7	5+5	2	Toàn tuyến		
12	ĐƯỜNG HUỲNH THỊ TÂN	314	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
13	ĐƯỜNG MẬU THÂN	1760	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
14	ĐƯỜNG LẠC LONG QUÂN	1667	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
15	ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO	2068	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
16	ĐƯỜNG 30 THÁNG 4	1253	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
17	ĐƯỜNG 1 THÁNG 5	5481	8--8	17	8	4,5+4,5	-			

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	MẶT CẮT	LỘ GIỚI I (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ (m)	DÃY PHÂN CÁCH m)	GHI CHÚ		
								Điểm Đầu	Điểm Cuối	Khoảng Lùi
	GIAO THÔNG QUY HOẠCH MỚI									Khoảng Lùi mỗi bên sẽ cụ thể hóa trong các đồ án quy hoạch phân khu
1	ĐƯỜNG PHẠM HÙNG NỐI DÀI		8--8	17	8	4,5+4,5	-	Đoạn còn lại trong ranh quy hoạch		
2	ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ NỐI DÀI		6--6	26	7+7	5+5	2	Đoạn còn lại trong ranh quy hoạch		
3	ĐƯỜNG N1	565,27	9--9	16	8	4+4	-	Toàn tuyến		
4	ĐƯỜNG N2	1074	7--7	18	8	5+5	-			
5	ĐƯỜNG N3	8453	4--4	30	8+8	6+6	2			
6	ĐƯỜNG N4	875	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
7	ĐƯỜNG N5	354	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
8	ĐƯỜNG N6	1115	4--4	30	8+8	6+6	2			
9	ĐƯỜNG N7	402	4--4	30	8+8	6+6	2			
10	ĐƯỜNG N8	645	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
11	ĐƯỜNG N9	361	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
12	ĐƯỜNG N10	621	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
13	ĐƯỜNG N11	800	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
14	ĐƯỜNG N12	2003	7--7	18	8	5+5	-			
15	ĐƯỜNG N13	1880	9--9	16	8	4+4	-			
16	ĐƯỜNG N14	1605	4--4	30	8+8	6+6	2			
17	ĐƯỜNG N15	1214	9--9	16	8	4+4	-			
18	ĐƯỜNG N16	460	7--7	18	8	5+5	-			
19	ĐƯỜNG N17	1170	7--7	18	8	5+5	-			
20	ĐƯỜNG N18	776	10--10	14	8	3+3	-			
21	ĐƯỜNG N19	777	10--10	14	8	3+3	-			
22	ĐƯỜNG N20	1926	6--6	26	7+7	5+5	2			
23	ĐƯỜNG N21	1768	10--10	14	8	3+3	-			
24	ĐƯỜNG N22	1721	10--10	14	8	3+3	-			
25	ĐƯỜNG N23	1701	9--9	16	8	4+4	-			
26	ĐƯỜNG N24	1704	9--9	16	8	4+4	-			
27	ĐƯỜNG N25	987	6--6	26	7+7	5+5	2			
28	ĐƯỜNG N26	572	10--10	14	8	3+3	-			
29	ĐƯỜNG N27	2686	7--7	18	8	5+5	-			
30	ĐƯỜNG D1	377	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
31	ĐƯỜNG D2	2967	4--4	30	8+8	6+6	2	Đ. N3	Đ.Lạc Long Quân	
		1554	7--7	18	8	5+5	-	Đoạn còn lại trong ranh quy hoạch		
32	ĐƯỜNG D3	180	8--8	17	8	4,5+4,5	-	Toàn tuyến		
33	ĐƯỜNG D4	1082	9--9	16	8	4+4	-			
34	ĐƯỜNG D5	2751	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
35	ĐƯỜNG D6	1185	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
36	ĐƯỜNG D7	2053	8--8	17	8	4,5+4,5	-			
37	ĐƯỜNG D8	898	4--4	30	8+8	6+6	2			
38	ĐƯỜNG D9	1994	7--7	18	8	5+5	-			
39	ĐƯỜNG D10	4060	7--7	18	8	5+5	-			
40	ĐƯỜNG D11	800	9--9	16	8	4+4	-			
41	ĐƯỜNG D12	1507	7--7	18	8	5+5	-			
42	ĐƯỜNG D13	2117	9--9	16	8	4+4	-			
43	ĐƯỜNG D14	247	10--10	14	8	3+3	-			
44	ĐƯỜNG D15	1432	7--7	18	8	5+5	-			
45	ĐƯỜNG D16	1381	7--7	18	8	5+5	-			
46	ĐƯỜNG D17	1383	7--7	18	8	5+5	-			

3. Quy hoạch cấp nước sạch

3.1. Nhu cầu và nguồn cấp nước sạch

Căn cứ Quyết định số 2140/QĐ-TTg ngày 8/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch cấp nước Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội

- Vùng cấp nước: Vùng III – Vùng Tây Nam Sông Hậu.

- Xác định nhu cầu dùng nước:

Nhu cầu và tỷ lệ cấp nước sinh hoạt tối thiểu:

Bảng dự báo nhu cầu cấp nước đô thị

STT	Đối tượng dùng nước	Quy mô		Đơn vị	Chỉ tiêu (m^3)	Tỷ lệ đạt	Nhu cầu (m3/mgđ)	
		Đến 2025	Đến 2035				Đến 2025	Đến 2035
1	Nước dùng cho sinh hoạt	25.000	61.000	người	0,13	100%	2.750	7.625
2	Nước dùng cho công cộng và dịch vụ					10%	275	763
3	Nước dùng cho tưới cây rửa đường					8%	220	610
4	Nước cụm công nghiệp	0	55,16	ha	20,00	60%	0	662
	Cộng						***3.245***	***9.659***
5	Nước rò rỉ, dự phòng					25%	811	2.415
6	Nước dùng cho bản thân trạm					4%	130	386
	Tổng cộng (làm tròn)						**4.186**	**12.461**

3.2. Công suất

- Nhu cầu dùng nước dự tính đến năm 2025 khoảng 4.200m³/ng.đ;

- Nhu cầu dùng nước dự tính đến năm 2035 khoảng 12.500m³/ng.đ.

Như vậy đến năm 2035 tổng công suất dùng nước là 12.500m³/ng.đ. Hiện trạng có 1 trạm công suất 2.000m³/ngđ sẽ được nâng cấp mở rộng, như vậy cần xây mới 5 trạm, mỗi trạm công suất từ 2.000m³/ngđ - 2.650m³/ngđ

- Diện tích tối thiểu cho mỗi trạm xây mới là 0,05ha.

3.3. Mạng lưới ống

- Mạng lưới ống hiện trạng: đấu nối mạng lưới ống hiện trạng với mạng lưới ống quy hoạch mới, để đảm bảo cấp nước liên tục khi xảy ra sự cố.

- Mạng lưới ống quy hoạch mới: Quy hoạch mạng lưới đường ống chính khép kín, mạng ống nhánh đấu nối vào mạng ống chính để cấp cho các khu vực.

- Mạng cấp nước chữa cháy: Quy hoạch chung với mạng cấp nước sinh hoạt.

- Sử dụng ống nhựa HDPE, UPVC đạt tiêu chuẩn ISO 4427-2007(E) làm ống cấp nước chính.

- Ống cấp nước được lắp đặt trên vỉa hè cách chỉ giới đường đỏ từ 0,75÷ 1,5m tùy theo từng tuyến đường cụ thể.

- Độ sâu chôn ống trung bình là 0,8m tính từ đỉnh ống.

4. Định hướng cấp điện

4.1. Nguồn cấp điện

Giai đoạn ngắn hạn, nguồn cung cấp điện cho thị xã chủ yếu từ trạm biến áp 110/22 KV, Vị Thanh thuộc tỉnh Hậu Giang và nhận bổ sung một phần từ trạm biến áp Sóc Trăng 110/22KV, một phần từ trạm 110KV Bạc Liêu. Về lâu dài, theo tốc độ phát triển đô thị và nhu cầu về điện năng dự kiến đầu tư mới 01 trạm biến áp tại thị xã.

4.2. Hiện trạng lưới điện khu vực

Toàn bộ lưới điện trung áp thị xã Ngã Năm đang vận hành ở cấp điện áp 22KV, trung tính nối đất trực tiếp. Kết cấu lưới chủ yếu là đường dây trên không, trục chính bố trí 3 pha, 4 dây; các nhánh rẽ 1 pha 2 dây.

- Phát triển hệ thống cấp điện cần tính toán việc biến đổi khí hậu, khuyến cáo sử dụng vật liệu và giải pháp xây dựng tuyến phù hợp trong điều kiện gió bảo lớn.

4.3. Nhu cầu cấp điện

Tính toán phụ tải cấp điện: Theo QCVN 07:2010/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình HTKT Đô thị như sau : Áp dụng cho đô thị loại III theo NQ1210/2016/UBTVQH13

Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt đến năm 2035

STT	Loại phụ tải điện	Qui mô		Đơn vị	Chỉ tiêu (KW)		Công suất (kW)	
		2025	2035		2025	2035	2025	2035
1	Cấp điện sinh hoạt (KW/ng)	25.000	61.000	Người	0,5	0,5	12.500	30.500
2	Cấp điện công cộng				30%	30%	3.750	9.150
3	Cấp điện cho cụm công nghiệp	0	55,16	ha	140	140	0	7.722
Tổng công suất							**16.250**	**47.372**

- Hệ thống chiếu sáng được thiết kế cho toàn bộ đường và quảng trường đô thị theo tiêu chuẩn.

- Mạng lưới điện trung thế, hạ thế xây dựng mới đi ngầm dọc theo các đường phố quy hoạch.

- Mạng lưới điện trung thế, hạ thế có trên các đường phố từng bước ngầm hóa để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

4.4. Giải pháp thiết kế

- Phụ tải khu vực công trình và lưới hạ thế sáng công cộng sẽ được cấp điện từ trạm biến áp xây dựng mới, các trạm này được cung cấp nguồn bởi tuyến trung thế 03 pha đường Quản lộ Phụng Hiệp phải thỏa các điều kiện sau:

+ Phương án đấu nối vào lưới khu vực phải phù hợp với quy hoạch đồng thời thuận lợi cho công tác quản lý vận hành lưới điện sau này.

+ Phải phù hợp với yêu cầu trước mắt và quy hoạch phát triển lâu dài của lưới điện khu vực, hiệu quả về mặt cung cấp điện và đảm bảo hợp lý về kinh tế.

+ Phần dây hạ thế chiếu sáng công cộng được bố trí chung với đường dây hạ thế và được điều khiển đóng cắt bởi hệ thống riêng biệt.

5. Định hướng thoát nước thải và vệ sinh môi trường

5.1. Phương án thoát nước thải

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014; Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015; Quyết định số 783/QĐHC-CTUBND ngày 15/8/2013.

- Sử dụng mô hình xử lý nước thải phi tập trung cho đô thị

- Nước thải sinh hoạt được thu gom và thông qua các trạm xử lý nước thải dự kiến của từng khu vực để xỷ lý trước khi thoát vào hệ thống thoát mưa và chảy ra sông ngòi.

- Trong giai đoạn trước mắt, khi các trạm xử lý nước thải khu vực chưa được xây dựng thì phải xử lý các giải pháp sau:

+ Xử lý nước thải phi tập trung tại chỗ: Đối với các hộ thoát nước riêng lẻ với tổng lượng nước thải dưới 50m³/ngày.đêm.

+ Xử lý nước thải phi tập trung theo cụm: Thường áp dụng đối với từng khu với tổng lượng nước thải từ 50m³/ng.đ – 200m³/ng.đ. Vị trí đặt trạm xử lý tại vị trí riêng biệt, thuận lợi để thu gom nước thải.

5.2. Lưu lượng thoát nước thải

STT	Đối tượng thoát nước	Tiêu chuẩn cấp nước		Tỷ lệ đạt	Nhu cầu (m^3/mgđ)	
		Đến 2025	Đến 2035		Đến 2025	Đến 2035
1	Thu gom nước thải sinh hoạt	2.750	7.625	80%	2.200	6.100
2	Thu gom nước thải công cộng dịch vụ	275	763	80%	220	610
3	Thu gom nước thải cụm công nghiệp	0	662	80%	0	530
	Cộng (làm tròn)				**2.420**	**7.240**

- Dự báo tổng lượng nước thải của đô thị đến năm 2025 là 2.400 m³/ngày-đêm.

- Dự báo tổng lượng nước thải của đô thị đến năm 2035 là 7.250 m³/ngày-đêm.

5.3. Lưu vực thoát nước thải

+ Lưu vực 1: Bao gồm khu vực phía Nam giáp bởi Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh xáng Ngã Năm – Phú Lộc; ranh khu quy hoạch.

+ Lưu vực 2: Bao gồm khu vực phía Đông giáp bởi kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh xáng Ngã Năm – Phú Lộc; kênh Bến Long và ranh khu quy hoạch.

+ Lưu vực 3: Bao gồm khu vực Phía Đông giáp bởi kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh Bến Long; kênh Bà Mười; ranh khu đất quy hoạch.

+ Lưu vực 4: Bao gồm khu vực phía Tây giáp bởi kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; Kênh Xáng Chìm; ranh khu quy hoạch.

+ Lưu vực 5: Bao gồm khu vực phía Đông Bắc giáp bởi kênh xáng Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh Xáng Chìm; ranh quy hoạch.

5.4. Xử lý nước thải

- Xử lý nước thải sinh hoạt: Xây dựng 5 trạm xử lý nước thải sinh hoạt tương ứng với lưu vực và 1 trạm xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt sau khi xử lý xả ra nguồn đạt TCVN 7222-2002.

- Xử lý nước thải công nghiệp: Xây dựng 1 trạm xử lý nước thải cho Khu công nghiệp nước thải sau khi xử lý xả ra nguồn đạt TCVN 9545-2005.

Bảng tổng hợp trạm xử lý nước thải

Stt	Trạm xử lý nước thải	Lưu vực xử lý	Công suất (m^3/ngđ) Năm 2035	Khoảng cách ATVSMT tối thiểu (m)	Diện tích xây dựng trạm (ha)
1	Trạm số 01	Lưu vực 1	2000	20	0,64
2	Trạm số 02	Lưu vực 2	2000	20	0,64
3	Trạm số 03	Lưu vực 3	2000	20	0,40
4	Trạm số 04	Lưu vực 4	2000	20	0,40
5	Trạm số 05	Lưu vực 5	2000	20	0,40
6	Trạm số 06	Cụm công nghiệp		Phụ thuộc vào chức năng của trạm	

6. Thu gom, xử lý chất thải rắn

Nhu cầu thu gom chất thải rắn

Đối tượng	Quy mô dân số		Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Nhu cầu (tấn/ngđ)	
	Đến 2025	Đến 2035			Đến 2025	Đến 2035
Thu gom chất thải rắn	25.000,00	61.000,00	0,9	90%	20,25	49,41

Quy hoạch 6 trạm trung chuyển không chính thức (không có hạ tầng), loại quy mô trạm 5 -10 tấn, đặt tại các công viên của từng khu vực có quy mô đất 50m^2/trạm, sau đó sẽ chuyển về khu xử lý rác tập trung của Tân Long.

7. Nghĩa trang

+ Cải tạo chỉnh trang nghĩa trang liệt sĩ hiện hữu, thiết kế cây xanh cách lý, cảnh quan môi trường xung quanh.

+ Về nguyên tắc tất cả các nghĩa trang hiện có, về định hướng lâu dài cần thiết di chuyển ra khỏi đô thị, giai đoạn trước mắt là không mở rộng thêm, sử dụng giải pháp công viên xanh cho nghĩa trang hiện hữu trong đô thị.

8. Thông tin liên lạc

8.1. Nhu cầu

Hệ thống thông tin liên lạc của thị xã đã hình thành tương đối ổn định, đủ khả năng đáp ứng cho quy mô hiện tại của đô thị. Tuy nhiên chủ yếu vẫn phụ thuộc vào hệ thống đường cấp điện theo các trục giao thông hiện trạng. Trong giai đoạn phát triển đô thị sắp tới, phải xây dựng mới và chỉnh trang lại hệ thống thông tin liên lạc theo định hướng phát triển giao thông và phải được ngầm hóa với quy mô phù hợp với quy mô phát triển dài hạn của đô thị.

Chỉ tiêu số thuê bao internet đối với đô thị loại III, có số dân 61.000 dân, 25 số thuê bao internet/100dân.

Vậy tổng số thuê bao internet là: 61.000 x 25/100 = 15.250 số thuê bao.

8.2. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc

Hệ thống thông tin liên lạc được quy hoạch lại cho hợp lý. Hệ thống cáp Bưu điện, cáp quang phải được ngầm hoá và đặt trên vỉa hè.

Các trạm tiếp sóng Viễn thông hạn chế đặt trong các khu vực trung tâm và không ảnh hưởng mỹ quan đô thị.

Hệ thống thông tin liên lạc được thiết kế mới với tiêu chí ngầm hóa trên toàn bộ tuyến đường trong khu quy hoạch. Sử dụng tuyến 2 ống và 4 ống PVC F110 đi ngầm trên vỉa hè, chôn sâu cách mặt nền hoàn thiện 1m. Thiết kế bể đan 2 tầng ống kích thước 2 nắp đan là 1,2m x1m, khoảng cách trung bình giữa hai bể đan là 60m.

Lắp đặt tủ cáp viễn thông dọc theo tuyến cống bể để đấu nối và quản lý đường cáp ngầm, khoảng cách trung bình giữa hai tủ là 500m. Hệ thống cáp đồng và cáp quang viễn thông đi trong tuyến ống PVC F110 cấp tính hiệu viễn thông đến khách hàng trong khu vực quy hoạch.

Hệ thống thông tin liên lạc trên toàn bộ tuyến đường được công ty Viễn thông Sóc Trăng đấu nối và quản lý về kỹ thuật cũng như trong quá trình vận hành.

X. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

1. Xác định vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị

1.1. Xác định khu vực dân cư hiện hữu; khu vực dự kiến phát triển mới; khu vực cảnh quan thiên nhiên, nhân tạo; khu vực bảo tồn và khu vực đặc thù.

Khu vực dân cư hiện hữu, đặc biệt là khu dân cư ven sông mang nét đặc trưng sinh sống của vùng sông nước, cần được tôn tạo, quản lý chặt chẽ về xây dựng và bảo vệ không gian kiến trúc cảnh quan. Đối với các khu vực dân cư mới trên các tuyến đường chính của đô thị như đường 3 tháng 2; Mai Thanh Thế, Phạm Hùng, Nguyễn Huệ; Nguyễn Trung Trực; Hùng Vương; Nguyễn Trãi; Nguyễn Văn Linh... phải được xác định phạm vi xây dựng, khống chế chiều cao, màu sắc, hình khối công trình...

1.2. Định hướng về hình ảnh đô thị và không gian kiến trúc theo tính chất, mục tiêu phát triển của từng khu vực.

Trung tâm đô thị đã được xác định tại khu vực trung tâm hành chính thị xã Ngã Năm, hướng ra trục đường chính đô thị, đồng thời cũng là tuyến giao thông đối ngoại. Khu vực này là bộ mặt chính của thị xã. Trung tâm thương mại dịch vụ, chợ trung tâm xác định tại khu đất phía Tây Nam Ngã Năm, là khu vực đã hình thành có dự án đã phê duyệt do đó cần được thiết kế xây dựng các công trình kiến trúc hiện đại và tổ chức không gian chặt chẽ. Tùy theo tính chất các khu trung tâm để quản lý kiến trúc cảnh quan cho khu vực và cho tổng thể đô thị.

Bảo tồn và phát triển khu chợ nổi Ngã Năm, nét đặc trưng của vùng sông nước, kết hợp khu thương mại, chợ trên bờ, hình thành khu thương mại dịch vụ hướng Bắc của Ngã Năm.

2. Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, điểm nhấn đô thị

2.1. Định hướng tổ chức không gian theo tuyến chuyển động của con người trong đô thị.

Đề xuất các trục chính đặc trưng khu vực đô thị.

- Trục kinh tế - kỹ thuật - đô thị - cảnh quan chủ đạo dọc theo Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp và Quốc lộ 61B: Là trục tổ chức các khu chức năng kinh tế - xã hội, là

trục giao thương liên vùng, giao thông đối ngoại, kết nối bao gồm các khu trung tâm bờ Nam và cụm công nghiệp.

+ Trục hành chính - hạ tầng xã hội, từ khu hành chính (trục đường Nguyễn Văn Linh và Phạm Văn Đồng) kết nối đô thị theo hướng Bắc – Nam (tại trục đường Nguyễn Huệ): phát triển thành 1 trục cảnh quan đô thị, nối kết với trung tâm khu phía Nam.

- Trục thương mại – du lịch – văn hóa, là trục khung nối kết 5 khu trung tâm lại với nhau: Dự kiến phát triển thành 1 trục có tính đặc thù địa phương với nhiều chức năng như: Chợ nổi, chợ đêm, nhà ở gắn liền với thương mại.

- Trục đường thủy, tạo nên nét đặc trưng của vùng sông nước, cần được quy hoạch và thiết kế các tuyến kè đảm bảo không lấn chiếm lòng sông mà vẫn đảm bao thẩm mỹ không làm mất đi nết đặc trưng của Ngã Năm.

- Xây dựng cầu đô thị kết nối 5 dòng sông, đây là mối liên kết trong đô thị, phát huy thế mạnh của địa phương, nơi giao thương trên sông nước.

2.2. Đề xuất bảo tồn, khai thác cảnh quan thiên nhiên hiện hữu về địa hình, cây xanh, sông hồ, mặt nước, bổ sung thiết kế cảnh quan nhân tạo.

- Ngoài khu vực dân cư ven sông đang tồn tại, các khu vực ven sông được thiết kế cảnh quan công viên bờ sông tạo những còn đường kè nhằm tránh lấn chiếm đồng thời giữ được bản sắc đô thị sông nước. Tại các vị trí tiếp cận bến bãi, đề xuất xây dựng kè tạo không gian sạch đẹp và phát triển bền vững cho đô thị.

2.3. Định hướng tổ chức không gian các khu trung tâm chính.

- Khu trung tâm hành chính thị xã hướng ra kênh Xáng Ngã Năm tạo nên bộ mặt đô thị sông nước. Khuyến khích kiến trúc đơn giản, hướng đến công trình kiến trúc xanh, sử dụng hình khối kỷ hà có thể kết hợp vật liệu hiện đại như lam nhôm, tấm alumin…, phía dưới kết hợp giàn hoa, cây xanh làm tăng vẻ sinh động cho công trình cũng như làm tăng giá trị mỹ quan cho khu vực. Kết nối hài hòa giữa các công trình với khu quảng trường, từng bước xây dựng không gian đi bộ, cảnh quan công viên xanh cho khu vực này.

- Khu trung tâm thương mại dịch vụ được thiết kế với không gian thoáng đãng. Công trình được thiết kế với hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp với vật liệu địa phương hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và phù hợp với chức năng hoạt động của công trình. Đây là những công trình kiến trúc quan trọng nhằm tạo ra khu trung tâm sinh động mang tính địa phương, hình thành nên một khu vực năng động, đặc thù. Sử dụng những vật liệu sáng kết hợp với vài điểm nhấn, thích hợp với khí hậu nhiệt đới.

2.4. Định hướng tổ chức không gian khu vực cửa ngõ đô thị về không gian kiến trúc cảnh quan, xác định vị trí và diễn họa ý tưởng hình khối các công trình điểm nhấn theo các hướng, tuyến giao thông chính hướng vào trong đô thị.

Đô thị có cửa ngõ về hướng Tây Nam. Tại vị trí khu trung tâm văn hóa –TDTT. Khu vực này khuyến khích xây dựng các hình thức kiến trúc trang nhã, có điểm nhấn đặc trưng của đô thị. Nhà ở được xây dựng với hình khối sinh động, sử dụng gam màu sáng, thân thiện. Hướng từ cửa ngõ đi vào đô thị sẽ đến khu trung tâm thương mại dịch vụ với các công trình kiến trúc hiện đại, được nhấn mạnh tại giao lộ đường Quản lộ - Phụng Hiệp và trục chính vào đô thị. Khuyến khích xây dựng các công trình khu vực này theo hướng tuyển chọn phương án để tìm ý tưởng không gian hình khối đẹp, sinh động, mang nét đặc trưng của đô thị và định hướng trục không gian chính về hướng Bắc.

3. Tổ chức không gian quảng trường

Quảng trường nằm ở khu vực tượng đài Ngã Năm và trục đi bộ chợ đêm khu trung tâm mới ở phía Tây Nam. Quảng trường kết nối khu công viên cây xanh. Tổ chức không gian đi bộ cho quảng trường kết hợp tạo điểm nhấn từ các chủ đề trong công viên quảng trường như: Tượng đài, không gian nghệ thuật, không gian văn hóa địa phương, không gian nghỉ ngơi giải trí, không gian tiến hành lễ hội...

Các công trình xây dựng xung quanh quảng trường phải đảm bảo các yêu cầu về chiều cao tương ứng không được cao hơn tượng đài, hình khối kiến trúc nhẹ nhàng, màu sắc tươi sáng, hài hòa với tổng thể khu vực trung tâm. Khuyến khích công trình kết hợp với giàn hoa, cây xanh làm tăng vẻ sinh động cũng như làm tăng giá trị mỹ quan cho khu vực.

4. Tổ chức không gian tại các điểm nhấn đô thị

Các điểm nhấn chính của đô thị bao gồm khu vực tượng đài Ngã Năm, khu vòng xoay tại các ngã giao của trục chính đô thị, các khu trung tâm thương mại dịch vụ, khu vực cửa ngõ đô thị, các trung tâm khu vực và các trục cảnh quan bờ sông. Mỗi khu vực điểm nhấn cần xác định công trình cụ thể hoặc cảnh quan thiên nhiên để xác định ý tưởng chủ đề. Khuyến khích tổ chức thi tuyển phương án để lựa chọn giải pháp tổ chức cảnh quan tốt nhất cho từng khu vực.

5. Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước

Hệ thống công viên cây xanh được bố trí chan hòa trong từng khu vực đô thị tạo thành các không gian xanh hợp lý tôn thêm vẻ đẹp cảnh quan của từng khu vực và phục vụ cho dân cư đô thị nghỉ ngơi, giải trí, cải tạo vi khí hậu, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Cảnh quan sông rạch đặc thù được kết hợp với công viên hai bờ tạo thành nơi lý tưởng để tổ chức cảnh quan, tôn vinh vẻ đẹp của vùng sông nước và bảo vệ môi trường. Kè chắn các khu vực bến bãi tạo không gian sạch đẹp và phát triển bền vững cho đô thị.

Chọn các loại cây đô thị phù hợp với thổ nhưỡng. Phân cây tầm cao, tầm trung, tầm thấp bố trí hợp lý nhằm tạo cảnh quan cho đô thị, tuyến phố nhằm đạt mục tiêu thị xã Ngã Năm là đô thị xanh, đẹp.

XI. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC (ĐMC)

1. Mở đầu

1.1. Sự cần thiết lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Theo chiến lược phát triển chung của tỉnh Sóc Trăng, một số khu vực trọng điểm sẽ phát triển thành trung tâm phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Việc ***Quy hoạch chung thị xã Ngã Năm đến năm 2035*** sẽ làm thay đổi bộ mặt khu vực. Bên cạnh đó, phải kể đến các tác động tiêu cực đến môi trường do sự phát triển đô thị gây ra. Do vậy, việc thực hiện đánh giá sơ bộ các tác động đến môi trường do các hoạt động của dự án ngay từ giai đoạn thiết kế quy hoạch là hết sức cần thiết.

Việc đánh giá chiến lược các tác động đến môi trường của quy hoạch xây dựng bao gồm các tác động tích cực và tiêu cực, trực tiếp và gián tiếp, trước mắt và lâu dài của dự án quy hoạch phát triển đối với môi trường vật lý (không khí, nước, đất, chất thải rắn, tiếng ồn...v.v), đối với tài nguyên thiên nhiên (tài nguyên nước – nguồn nước,

tài nguyên đất, tài nguyên sinh vật – động vật và thực vật), đối với môi trường kinh tế - xã hội, sức khỏe cộng đồng, hoạt động kinh tế của khu vực.

Nghiên cứu xây dựng đề xuất các biện pháp tổng hợp, trước hết là các biện pháp quy hoạch và xây dựng hạ tầng cơ sở kỹ thuật, để hạn chế mức thấp nhất những ảnh hưởng bất lợi và tìm các phương án tối ưu, vừa hạn chế tác động có hại đồng thời phát huy cao nhất các lợi ích của dự án. Xây dựng chương trình kiểm soát và quan trắc môi trường trong giai đoạn xây dựng và phát triển của khu vực.

1.2. Mục tiêu tổng quát của đánh giá tác động môi trường chiến lược

Đánh giá tác động đối với quy hoạch chung xây dựng thị trấn nhằm:

Cung cấp thông tin về hiện trạng môi trường khu vực; dự báo và đánh giá những tác động của đồ án; đề xuất hoàn thiện các giải pháp thiết kế quy hoạch, và kiến nghị các biện pháp bảo vệ môi trường.

Xác lập cơ sở lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) phân khu, chi tiết; lập kế hoạch quản lý và giám sát tác động môi trường trong quá trình quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3. Căn cứ lập đánh giá tác động môi trường

- Luật bảo vệ môi trường đã được Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua 2005;

- Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/1/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng.

- Các tiêu chuẩn của Nhà nước Việt Nam về môi trường.

1.4. Phạm vi và giới hạn đánh giá tác động môi trường

Là đồ án quy hoạch chung thị xã do đó phạm vi đánh giá tác động môi trường ở đây sẽ bao gồm môi trường trong khu vực quy hoạch chung và môi trường khu vực xung quanh (chủ yếu là nguồn nước sông suối đi qua đô thị, môi trường không khí khu vực vành đai do sự phát tán bụi và khí ô nhiễm).

1.5. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

Một báo cáo ĐTM có thể sử dụng một phương pháp hoặc tổng hợp nhiều phương pháp để đánh giá. Tuy nhiên, ở giai đoạn quy hoạch, báo cáo ĐTM chỉ dừng lại ở mức "Xem xét sơ bộ các tác động môi trường" của dự án. Từ báo cáo này, các cấp có thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định về sự cần thiết của một báo cáo ĐTM chi tiết. Nhằm đáp ứng yêu cầu này, phương pháp danh mục các điều kiện môi trường (checklist method) là phù hợp hơn cả. Tuy nhiên, trong thực tế quá trình thực hiện báo cáo, nhiều phương pháp đã được sử dụng, như phương pháp phỏng đoán, dựa vào kinh nghiệm của chuyên gia chuyên ngành…

2. Đánh giá hiện trạng môi trường của khu vực quy hoạch

2.1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí:

Thị xã Ngã Năm nằm ở cửa ngõ phía Tây của tỉnh Sóc Trăng, cách thành phố Sóc Trăng 60km và cách TP. Cần Thơ 80km theo đường QL1A. Tổng diện tích tự nhiên niên giám thống kê của tỉnh Sóc Trăng năm 2015 là 24.215,13ha.

- Phía Bắc giáp với huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang;
- Phía Nam giáp với huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Đông giáp với huyện Mỹ Tú và huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Tây giáp với huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

b. Địa hình:

Thị xã Ngã Năm có địa hình tương đối bằng phẳng. Tuy nhiên, nếu xét chi tiết thị xã Ngã Năm có thể chia thành hai khu vực địa hình có độ sâu ngập và thời gian ngập tương đối khác biệt nhau:

- Khu vực 1: Khoảng 1/2 diện tích thuộc phần đất phía Đông của huyện theo hướng huyện Mỹ Tú. Đây là vùng thấp theo mặt bằng chung của huyện, bao gồm các xã: Tân Long, Long Bình, phường 2 và phường 1 có độ ngập sâu từ 60 - 100 cm, thời gian kéo dài khoảng 3 đến 3,5 tháng.

- Khu vực 2: Khoảng 1/2 diện tích thuộc phần đất phía Tây của thị xã theo hướng tỉnh Bạc Liêu. Đây là vùng cao theo mặt bằng chung của huyện, có độ sâu ngập từ 30 - 60 cm, thời gian ngập kéo dài khoảng 2 đến 2,5 tháng, bao gồm các xã: Mỹ Bình, Mỹ Quới, Vĩnh Quới và phường 3. Tình hình ngập sâu ở khu vực này không đồng đều. Một số ít diện tích các xã Vĩnh Quới, phường 3 và Mỹ Quới có độ sâu ngập nhiều hơn và thời gian ngập cũng lâu hơn so với toàn khu vực.

c. Khí tượng:

Thị xã Ngã Năm mang những đặc điểm chung của khí hậu đồng bằng Nam bộ có chế độ khí hậu gió mùa cận xích đạo với nền nhiệt cao đều quanh năm, lượng mưa lớn phân hoá theo mùa. Một năm có hai mùa: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

Chế độ nhiệt: Có nền nhiệt cao ít biến động, nhiệt độ trung bình hàng năm là 26,8°C, biên độ nhiệt ngày và đêm khá lớn, mùa khô chênh lệch nhiệt độ ngày - đêm khoảng từ 7 - 10°C, mùa mưa chênh lệch nhiệt độ ngày - đêm thấp chỉ khoảng 4 - 7°C.

Lượng mưa: Lượng mưa trung bình năm là 1.840 mm phân bố không đều theo mùa. Lượng mưa vào các tháng mùa mưa chiếm tới 90% lượng mưa cả năm, tập trung nhiều vào các tháng 8 đến tháng 11 (trong đó tháng 9 và tháng 10 có lượng mưa cao nhất trong năm khoảng 675 mm/tháng). Mùa khô lượng mưa chỉ chiếm 10% lượng mưa cả năm, thời kỳ khô hạn nhất là vào các tháng 12, 1, 2, 3.

Nắng: Tổng số giờ nắng bình quân hàng năm khoảng 2.372 giờ. Số giờ nắng trung bình là 6,5 giờ/ngày, đặc biệt từ tháng 2 đến tháng 4 có số giờ nắng trong ngày rất cao và dao động trong khoảng từ 8,7 đến 9,4 giờ nắng/ngày; các tháng 9 và 10 có số giờ nắng thấp nhất từ 4,6 đến 4,65 giờ/ngày.

Độ ẩm không khí trung bình 83 - 84% biến đổi theo mùa và theo gió mùa. Các tháng mùa khô (từ tháng 1 đến tháng 4) độ ẩm không khí khoảng 76 - 79%, các tháng mùa mưa (tháng 6 đến tháng 11) khoảng 80 - 88%.

Lượng bốc hơi: Lượng bốc hơi hàng năm tương đối ổn định, ít biến động trung bình năm là 1.898 mm.

Gió: Có 2 hướng gió chính là gió Đông Bắc thổi vào mùa khô; gió Tây Nam thổi vào mùa mưa, tốc độ gió trung bình năm 3,9 m/s, tốc độ gió cao nhất vào tháng 12 là 4,9 m/s, thấp nhất vào tháng 9 là 3,1 m/s.

d. Thủy văn:

Thị xã Ngã Năm nằm hai bên bờ kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp, mỗi ngày có hai lần triều lên và xuống, mực nước triều cao nhất khoảng 0,8 - 0,9 m. Ngoài ra trên địa bàn thị xã còn có hệ thống sông, ngòi, kênh rạch chằng chịt, hệ thống kênh mương nội đồng đảm bảo đủ nước tưới cho hai vụ lúa chính. Tuy nhiên, nguồn nước sông thường bị xâm nhập mặn mùa khô theo tuyên Kênh Xáng - Phụng Hiệp, đặc biệt các xã phường giáp tỉnh Bạc Liêu, gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của địa phương.

2.2. Môi trường không khí

Các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân như: đun nấu bằng dầu, than, củi, trấu, gas… cũng là các nguồn gây ô nhiễm không khí với các chất ô nhiễm như: CO, NO_2, SO_2, bụi than, THC,… Bên cạnh đó, vấn đề xả phân, rác bừa bãi trực tiếp xuống kênh rạch, mương, hoặc thải ra vùng đất trũng gây tù đọng nước thải, sinh ra mùi hôi thối khó chịu và là nguồn ô nhiễm vi sinh có khả năng gây ra các dịch bệnh nguy hiểm.

Các dấu hiệu tác động tiêu cực đến môi trường như vấn đề: xử lý rác thải, khí thải, tiếng ồn, an ninh trật tự cảnh quan..., Nước mặt và nước mưa được tích trữ trong các sông, kênh, mặt ruộng cung cấp nguồn nước tưới, tiêu trực tiếp phục vụ sản xuất.

Khu vực chưa có hệ thống giao thông hoàn chỉnh, lầy lội về mùa mưa và bụi nhiều về mùa khô. Nồng độ bụi đạt mức cao hơn tại các khu vực đông dân cư.

Trong khu vực quy hoạch có một nhà máy chế biến thủy sản (nhà máy Cadovimex) có khả năng gây ô nhiễm không khí. Trong giai đoạn 2 từ năm 2025, nhà máy này sẽ di dời về khu vực được quy hoạch với hành lang cách ly đảm bảo theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

Nhìn chung khu vực quy hoạch chưa có dấu hiệu đặc biệt về vấn đề ô nhiễm môi trường. Các yếu tố môi trường và khí hậu như bụi, tiếng ồn, nhiệt độ, độ ẩm không khí, tốc độ giáo chưa bị ô nhiễm đáng kể, nồng độ các chất ô nhiễm không khí: SO_2, CO, NO_2, THC, chì... đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép. Vấn đề ô nhiễm bụi và tiếng ồn là do ảnh hưởng của các phương tiện lưu thông và chất lượng đường sá kém.

2.3. Môi trường đất

Theo kết quả nghiên cứu xây dựng bản đồ đất cho thấy, đất thị xã Ngã Năm gồm 03 nhóm chính:

- Nhóm đất phèn: bao gồm hai loại đất chính: Đất phèn tiềm tàng nhiễm mặn đọng mùn và đất phèn hoạt động nhiễm mặn đọng mùn.

+ Đất phèn tiềm tàng nhiễm mặn đọng mùn: được phân bố tại các khu vực tương đối trũng như xã Long Bình, phường 3 và một phần của xã Vĩnh Quới hướng về phía Bạc Liêu song song với kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp.

+ Đất phèn hoạt động nhiễm mặn đọng mùn được phân bố rải rác tại các xã, thị trấn trên địa bàn Huyện, tập trung nhiều nhất ở các xã phường 1, Tân Long, phường 2 và phường 1.

- Nhóm đất mặn

Thị xã Ngã Năm là vùng đất ngập mặn đã được ngọt hóa. Diễn biến của đất mặn tương đối đa dạng dẫn đến ranh giới mặn, diện tích các đơn vị đất mặn ít, mặn trung bình hay mặn nhiều thường thay đổi theo mùa vụ và qua các năm. Nhóm đất mặn bao gồm 3 loại:

+ Đất mặn ít: Nhìn chung loại đất này thích hợp cho việc trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái, cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày. Ngoài ra còn có thể phát triển nuôi trồng thủy sản. Tập trung nhiều ở các xã Tân Long, phường 2…

+ Đất mặn trung bình: Loại đất này thích hợp cho trồng lúa, nuôi trồng thủy sản,… Tập trung nhiều ở phường 1, phường 3, Vĩnh Quới…

+ Đất mặn nhiều: Tập trung nhiều ở xã Mỹ Quới, Tân Long và một phần ở xã Mỹ Bình. Loại đất này thích hợp cho trồng lúa đặc sản chất lượng cao, tuy nhiên cần quan tâm đến vấn đề thủy lợi để cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Nhóm đất nhân tác

Trong quá trình canh tác của con người và sự tác động của cơ giới hóa đã hình thành lên nhóm đất nhân tác, chủ yếu là thổ canh, thổ cư, đất vườn đã được lên líp. Nhóm đất nhân tác có thuận lợi là khắc phục được nhiều hạn chế đối với sự sinh trưởng phát triển của cây trồng như mặn, phèn và ngập úng. Hầu hết loại đất này được sử dụng đa dạng trong việc trồng lúa, màu, cây công nghiệp, cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản (ao, mương). Nhóm đất này được phân bố rộng rãi trên khắp thị xã.

2.4. Hiện trạng cấp thoát nước

a) Cấp nước

Hiện trạng tỷ lệ dân số trong đô thị được cấp nước sạch còn khá thấp, dù tại trung tâm đều có nhà máy xử lý nước, không sử dụng hết công suất cùa nhà máy.

Cung cấp nước sạch cho thị xã Ngã Năm có 13 trạm giếng khoan cấp nước sinh hoạt, tại khu trung tâm thị xã Ngã Năm (phường 1) có Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm với công suất 2000m³/ngđ, hiện tại công suất khai thác được 1.150m³/ngđ, 100% nguồn nước ngầm.

b) Thoát nước

- Hệ thống thoát nước mưa chủ yếu trên các tuyến đường mới hình thành trong trong khu trung tâm hành chính, khu thương mại dịch vụ.

- Hiện trạng thoát nước: Trong khu vực chợ có hệ thống mương thoát nước đậy nắp đan và đường ống xuống cấp nước tù đọng còn khá nhiều và mất vệ sinh. Nước thoát bao gồm nước mưa và nước sinh hoạt cho chảy thẳng ra kênh rạch.

c) Thoát nước bẩn

Hiện nay, trên toàn thị xã chưa có hệ thống xử lý nước thải, hầu hết nước mưa và nước thải thoát thẳng ra môi trường tự nhiên, hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt được xây dựng chung trong các khu hành chính mới, các khu dân cư mới.

2.5. Hiện trạng rác thải, nghĩa trang

a) Thu gom và xử lý chất thải rắn

Thị xã Ngã Năm có 4 bãi rác đang hoạt động là bãi rác phường 2, phường 3, Tân Long và Mỹ Quới. Hiện nay thu gom rác tại thị xã Ngã Năm, trung tâm xã Tân Long và trung tâm xã Mỹ Quới. Đội thu gom rác gồm 11 người, phương tiện vận chuyển rác là xe tải 1,25 tấn. Còn các xã khác phần lớn nhân dân xả rác ra ngoài môi trường tự nhiên.

Công nghệ xử lý rác đơn giản, chỉ thu gom và xử lý bằng chế phẩm vi sinh ME sau đó đậy bạt phủ rác để giảm phát sinh mùi hôi.

Vấn đề xử lý rác thải cần được tiến hành nhanh chóng vừa đảm bảo vệ sinh môi trường, tránh ô nhiễm; đồng thời tận dụng rác làm nguồn nguyên liệu để sản xuất phân vi sinh, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Công nghệ xử lý rác thải phải được lựa chọn thích hợp với điều kiện của địa phương và cũng cần được lựa chọn kỹ lưỡng tránh lạc hậu trong tương lai gần.

b) Nghĩa trang

Người dân chủ yếu chôn cất người thân trên phần đất của gia đình. Hiện tại thị xã có 1 nghĩa trang liệt sĩ giáp với Quốc lộ 61B, định hướng của thị xã không mở rộng, xây thêm ngoài đô thị.

3. Đánh giá tác động của triển khai quy hoạch tới môi trường

3.1. Tóm tắt các tác động triển khai đồ án quy hoạch

Khi thị xã Ngã Năm xây dựng và phát triển sẽ xuất hiện các khu chức năng phục vụ cho mọi hoạt động của đô thị này. Kèm theo mỗi khu chức năng là các hoạt động thương mại – dịch vụ đa dạng và việc tăng dân số tự nhiên, tăng cơ học sẽ dẫn đến 2 nhóm vấn đề ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như sau:

- Sức ép bởi các chất thải ngày càng nhiều (chất thải rắn, khí thải, khí hậu tại các khu công cộng, phương án giao thông, nước sinh hoạt và nước thải, tiếng ồn....). Lượng chất thải tác động sẽ ảnh hưởng mạnh đến môi trường nước ngầm, nước mặt, không khí, đất...

- Các vấn đề về giao thông, cảnh quan đô thị... và các tác động xấu khác từ các hoạt động xây dựng kiến tạo đô thị. Việc này luôn xảy ra ở thời kỳ xây dựng đợt đầu. Việc xây dựng đồng loạt của các khu công trường xây dựng có thể làm cho môi trường thị trấn bị ô nhiễm nặng mà chủ yếu là khói bụi và tiếng ồn.

- Đối với 2 vấn đề trên, việc cụ thể đặt ra là cho các nhà quản lý là: Hạn chế tận gốc các nguồn thải và cần có cơ chế chế tài nghiêm khắc đối với các hoạt động vệ sinh môi trường. Để thực hiện được 2 vấn đề này rất cần một cơ chế thuận lợi, chế tài nghiêm khắc, đội ngũ quản lý môi trường có chuyên môn sâu, khoa học gắn với cơ quan thực thi pháp luật, hình thành các quy định chế tài có tính đặc thù cho đô thị và phù hợp với Luật bảo vệ môi trường.

3.2. Tóm tắt các tác động đến môi trường trước quá trình xây dựng đô thị

Tác động xảy ra trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và san nền chủ yếu tập trung vào vấn đề thay đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch mới và đền bù GPMB.

Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội: việc thay đổi quy hoạch sử dụng đất là hoạt động lớn nhất của dự án đến môi trường đặc biệt là môi trường kinh tế - xã hội. Tuy nhiên đây là một hiện tượng tất yếu của quá trình đô thị hóa, giai đoạn này xảy ra trong quá trình xây dựng các đô thị và phải được gắn liền với quá trình thay đổi cơ cấu kinh tế và lao động của các địa phương. Mặt khác đối với động lực và tính chất phát triển mới dự báo đến năm 2035 thị xã Ngã Năm có dân số đến 115.000 người.

Thay đổi hệ số sinh thái: Một phần hệ sinh thái nông nghiệp sang hệ sinh thái đô thị, phổ biến và không có các loài động, thực vật nào quí hiếm nằm trong sách đỏ cần được bảo vệ. Do vậy việc thay đổi hệ sinh thái là chấp nhận được và không có ảnh hưởng xấu.

Thay đổi bề mặt phủ: Một phần diện tích đất được bê tông hóa do quá trình xây dựng các công trình do vậy mà làm giảm đi bề mặt đất. Do đó có thể dẫn đến hiện tượng ngập úng khi có mưa to. Vì vậy trong giai đoạn thiết kế phải quan tâm đến hệ thống tưới tiêu thoát nước và san nền tiêu thủy.

Một số tác động khác mang tính xã hội cần phải được nhận thấy trước đó là việc phản ứng của người dân đối với các công tác cải tạo và nâng cấp này. Nhiều khả năng tại một số khu vực sẽ có các phản ứng tiêu cực của người dân (không đồng ý giá đền bù, không chịu di dời giải toả hoặc tiến hành chậm chạp…) và như vậy sẽ gây ra các ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường do công việc không được triển khai đồng bộ.

Nhìn chung tất cả các tác động kể trên đều sẽ ở mức độ trung bình. Tuy nhiên các tác động sẽ là ngắn hạn vì thời gian chuẩn bị không lâu, và sẽ được cải thiện đáng kể nếu được tổ chức và quản lý tốt.

3.3. Tóm tắt các tác động đến môi trường trong quá trình xây dựng đô thị

- Ô nhiễm do bụi đất, đá, các tác động trực tiếp lên người công nhân thi công tại công trường và tới môi trường khu vực xung quanh (dân cư, giao thông, vận tải...)

- Ô nhiễm do tiếng ồn, rung từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, máy móc thiết bị thi công tại công trường.

- Ô nhiễm do chất thải phát sinh từ các hoạt động của người thi công trên công trường và hoạt động của các thiết bị máy móc thi công (nước thải, dầu mở...).

- Ô nhiễm do nhiệt: từ quá trình thi công có gia nhiệt như đất nóng bitum, nhiệt phát sinh từ các máy móc thiết bị thi công, nhất là trong điều kiện thi công mùa hè nóng nực. Tác động nhiệt này chủ yếu là đối với người công nhân trực tiếp thi công tại công trường.

- Ô nhiễm do khí thải: Từ các phương tiện vận tải, đào đất, san ủi... Loại ô nhiễm này có tác động phân tán tới khu vực dân cư xung quanh.

- Vấn đề an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy nổ tại công trường: thi công với các vật nặng, trên cao, vận chuyển, bốc dỡ vật tư thiết bị, nguyên vật liệu, sử dụng điện, xăng dầu phục vụ thi công có nguy cơ gây ra tai nạn lao động và cháy nổ.

- Một tác động quan trọng cũng phải nhìn nhận thấy trước đó là các tác động liên quan đến chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực chịu ảnh hưởng trong suốt quá trình thi công, có thể kể ra như: quản lý giao thông đi lại và vấn đề kẹt xe, bệnh nghề nghiệp hay tai nạn lao động (cho cả công nhân thi công và người dân), tác động lên sức khỏe cộng đồng liên quan đến tình trạng mất vệ sinh môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt thường ngày (do nhà cửa đang phá hay sửa chữa tạm, hệ thống cấp nước tạm ngưng việc cung cấp nước để sửa chữa, lắp đặt mới…). Một vấn đề đặc biệt lưu ý nữa là ảnh hưởng đến công ăn việc làm và đời sống kinh tế của người dân.

Mặc dù có tác động xấu đã nêu trên nhưng giai đoạn thi công thường liên hoàn theo khu vực. Vì vậy các tác động này có thể được giới hạn trong phạm vi cho phép và có tính chất tác động tạm thời. Các tác động này sẽ mất đi khi công trình đi vào khai thác sử dụng.

3.4. Tóm tắt các tác động đến môi trường khi đi vào khai thác sử dụng hoàn chỉnh

Việc quy hoạch chung thị xã Ngã Năm đến năm 2035 là rất quan trọng trong công cuộc phát triển KTXH của thị xã và tỉnh, trên cơ sở các tiềm năng động lực và cơ hội hiện có, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

Quy hoạch chung thị xã Ngã Năm đến năm 2035 bổ sung tính chất phát triển và nâng cao vị thế của đô thị trong vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khi quy hoạch được thực hiện sẽ thay đổi cơ bản hệ thống HTKT tương đương đô thị loại III. Giải quyết nhu cầu lớn về hệ thống hạ tầng dịch vụ với trọng tâm là các cơ sở kinh tế và các khu đô thị mới. Từ đó làm tăng nhanh chóng các luồng nhập cư, thúc đẩy nhanh tốc độ phát triển đô thị.

Tuy nhiên khi thực hiện các dự án xây dựng thị xã cũng sẽ có những tác động đến môi trường. Những vấn đề này cần phải được nhận dạng và quan tâm giải quyết ngay từ giai đoạn lập phương án phát triển, quy hoạch phân khu, chi tiết, thiết kế khả thi, giai đoạn thi công xây dựng cho đến giai đoạn vận hành, quản lý đô thị sau này. Có như vậy mới có thể đảm bảo nguyên tắc phát triển bền vững của đô thị và vùng lân cận.

Các tác động chủ yếu hoạt động của dự án ĐTXD đối với các thành phần môi trường tại khu vực triển khai dự án được liên kê trong bảng sau:

Hoạt động của QHXD	Các thành phần môi trường bị tác động							
	Đất	**Nước mặt**	**Nước ngầm**	**Không khí**	**Chất thải rắn**	**Tiếng ồn**	**Di tích LS, CTVH**	**Cây xanh, mặt nước**
Thay đổi sử dụng đất	ĐK	TB	KĐK	K	K	K	KĐK	TB
Phát triển dân cư	ĐK	ĐK	KĐK	KĐK	ĐK	KĐK	KĐK	TC
Phát triển giao thông	TB	TB	KĐK	ĐK	TB	ĐK	TC	TB
Phát triển TMDV	KĐK	TB	TB	TB	TB	TB	TC	KĐK
Phát triển nhà ở	ĐK	ĐK	KĐK	KĐK	ĐK	TB	TB	TC
Phát triển trường học, nhà trẻ, TT y tế, CTVH	TB	TB	TB	KĐK	ĐK	TB	TC	TB
Phát triển HT cấp nước	KĐK	TC	KĐK	KĐK	TB	KĐK	TC	KĐK
Phát triển HT thoát nước và xử lý nước	KĐK	ĐK	KĐK	KĐK	KĐK	KĐK	TC	KĐK

Ghi chú: + Tác động tích cực : TC
+ Tác động tiêu cực: KĐK
+ ĐK: tác động tiêu cực ở mức đáng kể.
+ TB: tác động tiêu cực ở mức trung bình.
+ K: không gây tác động.

Các tác động môi trường của các hoạt động xây dựng trong bảng trên được đánh giá bằng ý kiến của các chuyên gia và kinh nghiệm thực tế. Các tác động này được phân thành 2 loại: Tác động tiêu cực và tác động tiêu tích cực.

4. Nhận diện các tác động đến môi trường

4.1. Nguồn gây ô nhiễm không khí

Trong giai đoạn san lấp mặt bằng và xây dựng sẽ có một lượng bụi đáng kể do phương tiện giao thông vận tải, đất cát san lấp… cũng như các hoạt động xây dựng, khí thải, tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện thi công gây ra.

Các tác động do bụi đất, tiếng ồn, khí thải giao thông là vấn đề không tránh khỏi trong xây dựng. Ngoài ra, an toàn lao động trong quá trình thi công, nhất là thời điểm tiến độ thi công cao, tập trung nhiều người, nhiều phương tiện thi công cơ giới cũng cần thiết quan tâm đặc biệt.

4.2. Nguồn gây ô nhiễm mặt nước, nước ngầm, đất

Nguồn chính gây ô nhiễm mặt nước, nước ngầm, đất trong giai đoạn triển khai dự án là nước thải sinh hoạt, rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng. Bên cạnh đó là lượng nước mưa chảy tràn vào mùa mưa cuốn theo dầu mỡ thải, đất cát, nguyên vật liệu xây dựng xuống các kênh, ao hồ trong khu vực gây ô nhiễm nước mặt, nước ngầm nếu không có các biện pháp khống chế hữu hiệu.

4.3. Chất thải rắn

Chất thải rắn trong giai đoạn này chủ yếu là các nguyên vật liệu xây dựng hư hỏng, rơi vãi, dư thừa bao gồm các loại:

- Gạch ngói vỡ, cát sỏi, ximăng rơi vãi…
- Các vật liệu gỗ, sắt thép làm giàn giáo, cốt pha…
- Các loại bao bì đựng nguyên vật liệu giấy, plastic…
- Đất cát đào bới.
- Rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng.

- Lượng chất thải rắn này có thể chia làm 3 loại:
  + Có thể tái sử dụng cho sản xuất.
  + Dùng để san lấp mặt bằng.
  + Cần được sử lý phù hợp.

5. Các giải pháp hạn chế tác động môi trường

Mặc dù những tác động môi trường đã liệt kê sơ bộ ở mục trước chỉ ở mức độ trung bình, tuy vậy nếu không có những biện pháp cân nhắc và quản lý thích hợp trong các giai đoạn tổ chức, thiết kế và thi công thì cũng có khả năng gây ra những tác động nghiêm trọng đến con người và môi trường sống.

5.1. Giải pháp trong cơ cấu quy hoạch

- Việc phân khu phát triển đô thị sẽ tại cơ sở hạ tầng hướng sinh hoạt đô thị vào các khu vực nói trên. Hình thành các dải xanh tạo môi trường sinh thái trong đô thị, đồng thời giá trị sinh thái càng rõ nét khi cơ cấu chung của toàn bộ đô thị được hình thành. Các khu vực đô thị sẽ được hưởng lợi bởi hướng gió từ các kênh rạch khu vực và các hồ điều hòa trong công viên kèm theo lượng ô xy với hàm lượng cao, ít tạp chất do có sự phối hợp của các dải xanh dọc theo kênh. Do vậy nếu chưa tính đến khả năng ô nhiễm môi trường của con người tạo ra thì xây dựng đô thị theo cơ cấu quy hoạch sẽ là một giải pháp chiến lược cho việc tạo môi trường sinh thái tốt cho thị xã.

- Việc phát triển đô thị sẽ có thể từng bước chống ảnh hưởng bao phủ nhanh lên môi trường chung của thị trấn trong đó quan trọng nhất là việc thu hồi đất đai. Với hệ thống hạ tầng dịch vụ đồng bộ và thuận lợi, các hoạt động kinh tế - xã hội sẽ hướng vào nội khu. Khi đó nhóm chất thải của các hoạt động này sẽ phân loại và tập trung thuận lợi hơn. Có thể có những quy định về chế tài đặc thù về vệ sinh môi trường.

- Cơ cấu sử dụng đất là phù hợp. Trong đó tỷ lệ cây xanh công viên đảm bảo đáp ứng được quy định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam. Quy hoạch giao thông phù hợp với các quy hoạch xây dựng chuyên ngành và vùng. Mạng lưới đường giao thông được quy hoạch theo đúng Quy chuẩn đường đô thị, hệ thống kênh mương được giữ nguyên sử dụng thuận lợi cho thoát nước đô thị,… Việc đảm bảo các tiêu chuẩn sử dụng đất đai là một nhân tố quan trọng trong việc quản lý bảo vệ môi trường. Không tạo lý do " xác đáng" cho những vi phạm bảo vệ môi trường như: xâm phạm đất cây xanh, không có chỗ đổ rác, đổ xe,…

5.2. Bảo vệ môi trường nước

- Cấp nước: Cải tạo nhà máy nước hiện trạng và xây dựng nhà máy nước mới với tổng công suất theo tính toán, dự kiến sẽ đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho thị xã và một số khu vực lân cận.

- Thoát nước: Hệ thống thu gom nước thải và nước mưa được thiết kế riêng biệt, việc tách hai hệ thống thoát nước riêng biệt sẽ thuận lợi cho vấn đề xử lý nước thải và chống ngập úng cho đô thị.

- Với phương án thoát nước như đã trình bày ở phần quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo xả vào nguồn. Các vị trí xả đều đạt yêu cầu về khoảng cách đối với vị trí nguồn lấy nước cấp cho đô thị.

5.3. Môi trường không khí và tiếng ồn

Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn: tiến hành cải tạo và nâng cấp các tuyến đường nội bộ để giảm thiểu hiện tượng ô nhiễm bụi do giao thông sinh ra. Quy định chặt chẽ việc trồng các dải cây xanh cách ly giao thông. Tổ chức thu gom triệt để chất thải; tổ chức kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng và vận tải.

5.4. Đối với chất thải rắn

Chất thải rắn sẽ được thu gom, phân loại ngay tại nguồn thải. Các chất thải có thể tái chế hoặc tái sử dụng sẽ được dùng lại. Chất phế thải xây dựng sẽ được kiểm soát một cách chặt chẽ tận dụng tối đa để san lấp, còn lại sẽ được thu gom tập trung về bãi thải của thị xã. Các chất thải rắn thông thường và trôi nổi các sông, kênh, mặt nước khác sẽ có cơ quan chuyên trách thu dọn liên tục.

6. Các hoạt động bảo vệ môi trường cần chú trọng

- Tuyệt đối tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế, thi công về vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng đô thị, đặc biệt là xử lý nước thải và chất thải rắn.

- Hình thành một đơn vị quản lý chuyên trách có đủ thẩm quyền và chức năng đảm bảo ban hành các quy định về vệ sinh môi trường, xử lý các vi phạm về vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn thị xã.

- Đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường phải được thành lập riêng cho từng khu vực, chuyên trách các công việc như: thu gom xử lý chất thải, chăm sóc cây xanh cải tạo cảnh quan môi trường,…

- Tổ chức các đợt quan trắc, thanh kiểm tra thường xuyên tương ứng với dây chuyền công nghệ xử lý môi trường của từng khu vực trong thị trấn. Xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm.

7. Kết luận về ĐTM

Đánh giá sơ bộ tác động môi trường đồ án Quy hoạch chung thị xã Ngã Năm đến năm 2035 cho thấy những tác động có lợi của việc thực hiện quy hoạch là rất lớn, bên cạnh đó cũng có một số tác động bất lợi đến môi trường, tuy nhiên mức độ tác động không lớn và hoàn toàn có thể giảm thiểu được. Tuy chưa định lượng được các tác động, song báo cáo cũng đã nêu ra được phần lớn các tác động chủ yếu cùng các giải pháp giảm thiểu. Trong giai đoạn nghiên cứu tiếp theo, báo cáo ĐTM chi tiết sẽ phân tích và đánh giá cụ thể các yếu tố môi trường chịu tác động của dự án, qua đó đưa ra biện pháp, kế hoạch cụ thể nhằm giảm thiểu tác động bất lợi đối với môi trường do dự án gây ra.

XII. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Căn cứ quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư giai đoạn 2017-2020 và các định hướng phát triển của thị xã.

1. Các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2025

1.1. Chương trình cải tạo, nâng cấp và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông thủy:

Tiến hành nạo vét, tăng cường năng lực vận tải các tuyến sông, tuyến kênh hiện hữu trong địa bàn thị xã: Kênh Quản lộ - Phụng Hiệp; kênh Xáng Ngã Năm – Phú Lộc; Kênh Xáng Chìm…

b) Giao thông bộ:

Ưu tiên đầu tư một số tuyến đường huyết mạch trọng điểm như:

- Nâng cấp cải tạo, hoàn thiện các tuyến đường hiện hữu trong khu vực như đường Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Huệ, Nguyễn Trung Trực, Hùng Vương.

- Xây dựng mới các tuyến đường: Tuyến nối dài Nguyễn Văn Linh, Trục khung nối các trung tâm 5 dòng sông.

- Xây dựng mới 1 cầu qua kênh Quản lộ - Phụng Hiệp và 1 cầu qua kênh Xáng Chìm.

- Xây mới cống qua rạch Xẻo Chít và rạch Đường Trâu.

c) Hệ thống thoát nước mưa

- Cải tạo mạng lưới thoát nước hiện hữu, tạo nên một hệ thống thoát nước kín để chủ động điều tiết trước khi xả vào nguồn tiếp nhận là các sông, kênh.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước mưa theo các tuyến đường giao thông ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 1.

d) Hệ thống thoát nước thải

Xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước thải theo các tuyến đường giao thông ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 1 để đấu nối về trạm xử lý nước thải.

e) Cấp điện, thông tin liên lạc

- Nâng cấp cải tạo, hoàn thiện hệ thống cấp điện, TTLL hiện hữu trong khu vực.

- Ngầm hóa hệ thống điện, TTLL theo các tuyến giao thông ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 1.

1.2. Chương trình nâng cấp, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu

Mục tiêu chính là kịp thời cải thiện, nâng cao điều kiện sống của người dân địa phương bằng các giải pháp khả thi có sự tham gia của cộng đồng dân cư cùng với chính quyền địa phương.

Nâng cấp và bổ sung các hạ tầng kỹ thuật cơ bản trong các khu dân cư hiện hữu như mạng lưới đường nội bộ, cấp thoát nước, cấp điện với tiêu chuẩn tối thiểu, phù hợp với điều kiện địa phương, hạn chế tối đa việc đền bù giải tỏa, tái định cư.

1.3. Xây dựng cụm công nghiệp, khu trung tâm mới, du lịch và các khu dân cư mới

Lập kế hoạch và triển khai dự án đầu tư hạ tầng khu trung tâm mới của đô thị, xây dựng các công trình ưu tiên như hành chính, giáo dục, thương mại, công nghiệp và các khu dân cư mới như sau:

+ Cụm công nghiệp Ngã Năm;

+ Chợ Trà Cú;

+ Hoàn thiện quá trình đầu tư khu dịch vụ thương mại phía Nam, giáp tuyến đường Nguyễn Huệ, Mai Thanh Thế, Nguyễn Trung Trực và Phạm Văn Đồng.

1.4. Chương trình bảo vệ môi trường đô thị

- Tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về việc giữ gìn vệ sinh môi trường, đặc biệt là môi trường nước.

- Tổ chức tốt việc thu gom và vận chuyển rác thải.

- Có chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu dân cư từng bước có kế hoạch di dời vào khu tiểu thủ công nghiệp.

- Quản lý việc xử lý chất thải trong khu tiểu thủ công nghiệp để đảm bảo vệ sinh môi trường theo công nghệ và kỹ thuật thích hợp.

1.5. Chương trình quản lý đô thị

- Lập xét duyệt, đảm bảo đầy đủ các bước quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng đô thị.

- Tăng cường quản lý theo luật pháp, quy hoạch và kế hoạch phát triển đô thị.

- Xây dựng cơ chế chính sách thích hợp về huy động vốn, về cán bộ quản lý.

- Cải tiến thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng quản lý đô thị.

- Đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực cán bộ quản lý, chuyên môn các cấp về xây dựng đô thị tăng trưởng xanh.

- Ban hành cơ chế chính sách, ưu tiên, ưu đãi, khuyến khích việc thực hiện các lĩnh vực ưu tiên thực hiện xây dựng đô thị tăng trưởng xanh (theo thông tư số 01/2018/TT-BXD ngày 05/01/2018).

2. Các dự án tiếp tục đầu tư đến năm 2035

- Ưu tiên đầu tư các tuyến đường giao thông chính còn lại, sau đó đầu tư đồng bộ các tuyến đường trong nội ô trung tâm thị trấn, đảm bảo mỹ quan cho đô thị trong giai đoạn phát triển.

- Ưu tiên phát triển thị trấn đồng bộ về phía Đông, sau đó phát triển cho toàn đô thị.

3. Nguồn lực đầu tư

- Coi trọng chính sách huy động mọi nguồn vốn từ nội lực của tỉnh, huyện, và nhân dân.

- Thu hút mọi nguồn vốn đầu tư ngoài tỉnh, vốn trung ương, vốn các ngành, vốn đầu tư nước ngoài.

- Khuyến khích các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

XIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Quy hoạch chung thị xã Ngã Năm đến năm 2035 nhằm cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Đồ án quy hoạch chung thị xã Ngã Năm đến năm 2035 có vai trò quan trọng trong sự phát triển của thị xã, góp phần đẩy nhanh mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; Đánh thức tiềm năng của đất đai và các nguồn lực khác vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã và tỉnh.

2. Kiến nghị

Đồ án Quy hoạch chung thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035 được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải được xem là văn bản pháp lý để định ra các quy chế cụ thể nhằm quản lý chặt chẽ công tác xây dựng đô thị về sau theo đúng quy định của Nhà nước.

Sớm tiến hành nghiên cứu và đề ra các văn bản pháp quy về quản lý quy hoạch xây dựng, các yêu cầu cơ bản về các công trình xây dựng, thông báo đến các ngành và nhân dân được biết và thực hiện, nhằm đảm bảo cho việc xây dựng đúng với quy hoạch đã triển khai.

Thị xã Ngã Năm cần có chủ trương quản lý toàn diện về quy hoạch, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật, nhất là chỉ giới đường đỏ trong khu vực quy hoạch.